

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Sưu tầm, bảo tồn và phát triển nguồn gen một số cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030”

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018; Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị quyết số 58 NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHHCN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 5203/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen tỉnh Thanh Hóa thực hiện trong giai đoạn 2021-2025”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 472/TTr-SNN&PTNT ngày 19 tháng 12 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Sưu tầm, bảo tồn và phát triển nguồn gen một số cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”, gồm các nội dung chủ yếu sau:

## **I. KẾT QUẢ SƯU TẦM, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VÀ TƯ LIỆU HÓA NGUỒN GEN CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA.**

**1. Sưu tầm nguồn gen:** Đến năm 2022, tỉnh Thanh Hóa đã ghi nhận 756 nguồn gen cây trồng, vật nuôi và thủy sản có giá trị, trong đó: Phân theo nguồn gốc có 390 nguồn gen bản địa và 366 nguồn gen là các giống du nhập và giống lai; phân theo lĩnh vực có 359 nguồn gen cây trồng nông nghiệp, 80 nguồn gen cây trồng lâm nghiệp, 105 cây trồng dược liệu, 67 nguồn gen vật nuôi, 86 nguồn gen thủy sản và 59 nguồn gen vi sinh vật (VSV), nấm.

**2. Bảo tồn nguồn gen:** Hiện nay, có 119 đối tượng nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật và nấm được bảo tồn tại các cơ sở bảo tồn, cơ sở đào tạo, nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong đó: (1) Cây trồng nông nghiệp: 44 nguồn gen; (3) cây trồng lâm nghiệp: 60 nguồn gen; (4) Vật nuôi: 04 nguồn gen; (5) Thủy sản 02 nguồn gen; (6) Vi sinh vật, nấm: 09 nguồn gen. Ngoài ra các nguồn gen đang phục vụ sản xuất chủ yếu được lưu giữ trong các trang trại, trên đồng ruộng, vườn hộ tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

**3. Khai thác, phát triển nguồn gen:** Hoạt động khai thác, phát triển nguồn gen tập trung ở các hình thức chủ yếu sau: (1) Xây dựng mô hình nuôi trồng, sản xuất thử nghiệm (45 nguồn gen); (2) Xây dựng mô hình chuyên canh (165 nguồn gen); (3) Mô hình canh tác nông hộ, chăn nuôi nông hộ (479 nguồn gen). Trong các sản phẩm được tạo ra từ nguồn gen có 231 sản phẩm đạt chất lượng OCOP 3-4 sao, trong đó: 78 sản phẩm trực tiếp từ nguồn gen; 153 sản phẩm chế biến từ nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản, VSV, nấm; có 17 sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

### **4. Đánh giá chất lượng, giá trị và tư liệu hóa nguồn gen**

Đề án đã điều tra, thu thập và lập danh mục 200 nguồn gen sinh vật có giá trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm: 60 nguồn gen cây trồng nông nghiệp, 36 nguồn gen cây trồng lâm nghiệp; 15 nguồn gen cây dược liệu, 39 nguồn gen vật nuôi, 35 nguồn gen thủy sản và 15 nguồn gen vi sinh vật, nấm. Trên cơ sở đó, đã tiến hành đánh giá chất lượng, giá trị nguồn gen, cụ thể như sau:

- Đánh giá ban đầu 104 nguồn gen sinh vật thuộc danh mục được xác lập (cây trồng nông nghiệp: 30; cây trồng lâm nghiệp: 20; cây dược liệu: 8; vật nuôi: 20; thủy sản: 19; VSV, nấm: 07).

- Đánh giá chi tiết 20 nguồn gen sinh vật đã được đánh giá ban đầu (cây trồng nông nghiệp: 06; cây trồng lâm nghiệp: 04; cây dược liệu: 02; vật nuôi: 04; thủy sản: 02; VSV, nấm: 02).

- Giám định ADN 20 nguồn gen sinh vật đã được đánh giá chi tiết.

- Đánh giá tiềm năng phát triển của nguồn gen; xác định nguồn gen có giá trị kinh tế, có thể tạo ra sản phẩm thương mại mang lại hiệu quả kinh tế cho người nông dân từ đó đề xuất giải pháp phát triển nguồn gen giai đoạn 2026-2030.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

## **5. Tư liệu hóa nguồn gen**

Nhằm số hóa cơ sở dữ liệu về nguồn gen, phục vụ công tác quản lý nhà nước; công tác lưu trữ, bảo tồn cập nhật và tra cứu thông tin về nguồn gen trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Đề án đã xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và bản đồ phân bố nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản, VSV và nấm. Hệ thống tài liệu vận hành, quản lý và khai thác sử dụng trên phần mềm, bao gồm:

- Thông tin cơ bản về nguồn gen, gồm: Mã nguồn gen, tên Việt Nam, tên khoa học, tên bộ, tên họ; các thông tin về vùng phân bố, khu vực nuôi/trồng; thông tin về hiện trạng bảo tồn, khai thác và sử dụng nguồn gen.

- Dữ liệu điều tra, thu thập của 200 nguồn gen, gồm: Thông tin chung về mẫu thu thập, thông tin về điều kiện sinh trưởng của loài; thông tin về khai thác, chế biến và các đặc điểm nổi bật của nguồn gen.

- Dữ liệu đánh giá ban đầu 104 nguồn gen, gồm: Dữ liệu mô tả đặc điểm hình thái, sinh thái; đặc điểm sinh trưởng, phát triển của nguồn gen được mô tả đánh giá ban đầu.

- Dữ liệu đánh giá chi tiết 20 nguồn gen, gồm: Dữ liệu về thông tin DNA; dữ liệu về đặc điểm nông, sinh học của nguồn gen; dữ liệu đánh giá giá trị của nguồn gen và tiềm năng phát triển của nguồn gen.

- Các dữ liệu, chức năng khác: Thông tin vị trí, tọa độ nguồn gen trên bản đồ số, chức năng chỉ đường, bộ lọc...

*(Chi tiết tại Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu nguồn gen*

<https://nguongen.vgasoft.vn/>)

## **II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP SƯU TẦM, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN GEN CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Mục tiêu chung**

Thu thập, xác định nguồn gen một số cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật, nấm có giá trị kinh tế, xã hội, y dược, khoa học và môi trường cần bảo tồn và phát triển trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, nhất là nguồn gen đặc sản, đặc hữu, nguồn gen có nguy cơ thất thoát và tuyệt chủng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, nhằm phục vụ công tác lưu giữ; chọn tạo giống; xây dựng các vùng nuôi trồng chuyên canh cho các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật, nấm có khả năng tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP mang thương hiệu của tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu nguồn gen**

- Điều tra, thu thập bổ sung, lập được danh mục ít nhất 300 nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị.

- Đánh giá chất lượng, giá trị nguồn gen, trong đó: Đánh giá ban đầu 100 nguồn gen đã điều tra, thu thập và 150 nguồn gen thu thập bổ sung; đánh giá chi tiết 50 nguồn gen đã được đánh giá ban đầu.

- Du nhập, nuôi/trồng thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế, giá trị ứng dụng: 3-4 giống cây trồng; 2-3 giống vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế, giá trị ứng dụng.

- Duy trì, nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu nguồn gen; đăng ký tham gia mạng lưới quỹ gen quốc gia gồm 500 nguồn gen đã được điều tra, thu thập (trong đó: 350 nguồn gen đánh giá ban đầu; 70 nguồn gen đánh giá chi tiết).

### **2.2. Bảo tồn nguồn gen**

- Duy trì các mô hình bảo tồn 119 nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản, VSV, nấm đang được bảo tồn tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và các cơ sở bảo tồn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Bảo tồn, lưu giữ an toàn (bổ sung mới) 15-20 nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật và nấm có giá trị và một số nguồn gen có nguy cơ thất thoát, tuyệt chủng cao, tăng tổng số nguồn gen được bảo tồn tối thiểu 135-140 nguồn gen; trong đó: cây trồng nông nghiệp: 05-07 nguồn gen, cây trồng lâm nghiệp: 02-03 nguồn gen, vật nuôi: 03-04 nguồn gen, thủy sản: 03-04 nguồn gen; VSV, nấm, tảo: 06-08 nguồn gen.

### **2.3. Khai thác và phát triển nguồn gen**

- Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình nuôi, trồng thử nghiệm; sản xuất thử nghiệm 08-10 nguồn gen; xây dựng và hoàn thiện kỹ thuật nhân giống và kỹ thuật nuôi, trồng phù hợp với điều kiện Thanh Hóa.

- Xây dựng 20-22 mô hình chuyên canh các đối tượng chủ lực, nguồn gen bản địa có giá trị kinh tế cao, phát triển sản phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa lớn gắn với chuỗi giá trị.

- Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho 05-07 sản phẩm được tạo ra từ nguồn gen.

- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ 03-05 sản phẩm được tạo ra từ nguồn gen.

## **3. Nhiệm vụ**

### **3.1. Thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu nguồn gen**

3.1.1. Điều tra, thu thập bổ sung danh mục nguồn gen sinh vật có giá trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

- Thu thập tài liệu, thông tin về thành phần giống cây trồng, vật nuôi tại địa phương, cơ cấu mùa vụ, tập quán canh tác, đặc thù về nông nghiệp,... (qua các bài báo, báo cáo, phiếu thu thập thông tin, phiếu phỏng vấn người dân,...).

- Xác định địa điểm điều tra, thu thập nguồn gen: Lấy huyện làm đơn vị thu thập (chia huyện ra thành các vùng sinh thái khác nhau, vùng có nhiều xã thì điều tra thu thập tại một xã đại diện nhất cho vùng sinh thái đó). Thu thập nguồn gen (thu mẫu vật/tiêu bản cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật của mỗi vùng).

- Lập danh mục nguồn gen: Thu thập/du nhập, lập danh mục bổ sung 300 nguồn gen các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật, nấm; các loài hoang dã có quan hệ gần với giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật, nấm có giá trị khoa học, giá trị ứng dụng và nguồn gen có nguy cơ thất thoát và tuyệt chủng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong đó: Cây trồng nông nghiệp: 120 nguồn gen; cây trồng lâm nghiệp: 50 nguồn gen; cây dược liệu: 30 nguồn gen; vật nuôi: 40 nguồn gen; thủy sản: 40 nguồn gen; vi sinh vật, nấm: 20 nguồn gen.

### 3.1.2. Đánh giá chất lượng, giá trị nguồn gen

- Đánh giá ban đầu nguồn gen sinh vật thuộc danh mục được xác lập: Tập trung mô tả đặc điểm hình thái, sinh trưởng, phát triển của 250 nguồn gen có giá trị thuộc danh mục (trong đó 100 nguồn gen đã thu thập và 150 nguồn gen thu thập bổ sung).

- Đánh giá chi tiết nguồn gen sinh vật: Đánh giá đặc tính nông học chính như năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu với sâu, bệnh, môi trường bất thuận (nóng, lạnh, mặn, hạn); đánh giá giá trị kinh tế, y dược, khoa học, môi trường của 50 nguồn gen được lựa chọn thuộc danh mục nguồn gen đã được đánh giá ban đầu.

- Giám định ADN đối với 50 nguồn gen đã được đánh giá chi tiết.

- Đánh giá tiềm năng phát triển của nguồn gen: Đánh giá tiềm năng tăng thu nhập; cơ hội để liên kết; khả năng tạo việc làm; sự tham gia của doanh nghiệp; tiềm năng tăng sản lượng và khả năng tăng giá trị. Trên cơ sở đó xác định 50 nguồn gen có giá trị kinh tế cao, có thể tạo ra sản phẩm thương mại mang lại hiệu quả kinh tế cho người nông dân từ đó đề xuất giải pháp phát triển nguồn gen trong giai đoạn tiếp theo.

3.1.3. Du nhập; nuôi, trồng thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế, giá trị ứng dụng

- Du nhập một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế, giá trị ứng dụng gồm nguồn gen ở trong nước và nguồn gen nhập nội.

- Nuôi, trồng thử nghiệm; đánh giá sự phù hợp của nguồn gen với điều kiện sinh thái tỉnh Thanh Hóa; xây dựng và hoàn thiện kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật nuôi, trồng; đề xuất phương án nhân rộng nguồn gen các đối tượng có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện Thanh Hóa.

3.1.4. Duy trì, nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu nguồn gen cây trồng, vật nuôi tỉnh Thanh Hóa, tham gia mạng lưới quỹ gen quốc gia

- Số hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu 500 nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản, VSV, nấm đã được thu thập và đánh giá (trong đó 350 nguồn gen đánh giá ban đầu, 70 nguồn gen đánh giá chi tiết).

- Duy trì, nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu nguồn gen, điều chỉnh cấu trúc, thông tin cơ sở dữ liệu bằng 02 ngôn ngữ (Tiếng Việt và Tiếng Anh), đảm bảo phù hợp với cơ sở dữ liệu nguồn gen quốc gia và quốc tế.

- Xây dựng hồ sơ đăng ký tham gia mạng lưới quỹ gen quốc gia.

### **3.2. Bảo tồn nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị**

3.2.1. Duy trì các mô hình bảo tồn, lưu giữ hiện có: Duy trì mô hình bảo tồn, lưu giữ 119 nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản, VSV, nấm đang được bảo tồn tại Viên Nông nghiệp gồm: (1) Cây trồng nông nghiệp: 25 nguồn gen; (2) Các giống hoa phong lan: 17 nguồn gen; (3) Nâng cấp, hoàn thiện mô hình lưu giữ cây lâm nghiệp chủ lực gỗ lớn: 60 nguồn gen; (4) Vật nuôi: 4 nguồn gen; (5) Thủy sản 2 nguồn gen; (6) Vi sinh vật, nấm: 9 nguồn gen.

3.2.2. Bảo tồn bổ sung mới 19 nguồn gen: (1) Cây trồng nông nghiệp: 06 nguồn gen; (2) Cây trồng lâm nghiệp, dược liệu: 02 nguồn gen; (3) Vật nuôi: 02 nguồn gen; (4) Thủy sản: 03 nguồn gen và bảo tồn, nhân giống phục vụ tái tạo nguồn lợi thủy sản các đối tượng thủy sản có giá trị đang bị suy giảm về số lượng; (5) Vi sinh vật, nấm: 06 chủng.

### **3.3. Khai thác, phát triển nguồn gen**

3.3.1. Nghiên cứu, ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình nuôi, trồng thử nghiệm, sản xuất thử nghiệm, xây dựng và hoàn thiện kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật nuôi, trồng (tổng số 08 nguồn gen): (1) Cây trồng lâm nghiệp: 02 nguồn gen; (2) Cây dược liệu: 01 nguồn gen; (3) Thủy sản: 03 nguồn gen; (4) vi sinh vật, nấm: 02 nguồn gen.

3.2.2. Xây dựng mô hình nuôi, trồng chuyên canh; phát triển sản phẩm gắn với chuỗi giá trị (tổng số 20 nguồn gen): (1) Cây trồng nông nghiệp: 03 nguồn gen; (2) Cây trồng lâm nghiệp: 05 nguồn gen; (3) Cây dược liệu: 03 nguồn gen; (4) Vật nuôi: 03 nguồn gen; (4) Thủy sản: 06 nguồn gen.

3.3.3. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho 05-07 sản phẩm được tạo ra từ nguồn gen.

3.3.4. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ 3-5 sản phẩm được tạo ra từ nguồn gen

### **3.4. Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ bảo tồn**

3.4.1. Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trạm nghiên cứu, sản xuất giống vật nuôi, thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Khảo nghiệm và dịch vụ vật nuôi - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.

3.4.2. Cải tạo, nâng cấp kho lạnh thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Khảo nghiệm và dịch vụ cây trồng - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa phục vụ bảo tồn, lưu giữ giống một số đối tượng chủ lực phục vụ sản xuất.

3.4.3. Cải tạo, nâng cấp, mở rộng phòng thí nghiệm; bổ sung thiết bị phục vụ bảo tồn In-vitro thuộc Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.

3.4.4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ bảo tồn nguồn gen cho các cơ sở bảo tồn nguồn gen trên địa bàn tỉnh; chú trọng đến hệ thống trang thiết bị sử dụng các kỹ thuật sinh học mới để đánh giá đa dạng di truyền và phát hiện nguồn gen quý và trang thiết bị bảo quản.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

## **4. Giải pháp**

### **4.1. Giải pháp về thông tin, truyền thông**

4.1.1. Tuyên truyền và nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về tầm quan trọng của việc bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành trong việc thực hiện các chính sách bảo tồn nguồn gen, nhằm đảm bảo sự phối hợp đồng bộ và hiệu quả giữa các bên liên quan; đồng thời, thúc đẩy việc lồng ghép mục tiêu bảo tồn nguồn gen vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4.1.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình truyền thông dài hạn, tập trung vào việc bảo tồn thiên nhiên và bảo tồn nguồn gen sinh vật; đa dạng hóa hình thức và nội dung truyền thông để thu hút sự chú ý và tạo ra tác động lớn hơn, cần đa dạng hóa hình thức và nội dung truyền thông.

4.1.3. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ truyền thông và các cán bộ quản lý liên quan về cách thức truyền tải thông tin về bảo tồn nguồn của các cơ quan nhà nước, đảm bảo các thông điệp về bảo tồn nguồn gen được truyền đạt rõ ràng, chính xác và thuyết phục.

4.1.4. Giám sát và đánh giá hiệu quả của các hoạt động truyền thông bao gồm thu thập phản hồi từ cộng đồng và các bên liên quan, đánh giá sự thay đổi nhận thức và hành vi sau các chiến dịch truyền thông, từ đó điều chỉnh và cải thiện nội dung và phương pháp truyền thông cho phù hợp hơn trong từng giai đoạn cụ thể.

### **4.2. Giải pháp về Khoa học và Công nghệ**

4.2.1. Đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại như: Công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất giống để phát triển và nhân rộng các nguồn vật liệu di truyền; xây dựng các khu vực nhân giống quy mô công nghiệp nhằm bảo đảm nguồn cung giống chất lượng cao, đặc biệt đối với các nhóm cây trồng và vật nuôi chủ lực; quan tâm đầu tư xây dựng các

khu nhân giống và phát triển nguồn gen có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi ở quy mô lớn.

4.2.2. Lòng ghép các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ về bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen với các chương trình nghiên cứu khác nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh việc phát triển các công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, tập trung vào việc cải tiến các quy trình sản xuất, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và nâng cao giá trị kinh tế của các sản phẩm từ nguồn gen đã được bảo tồn.

- Đầu tư xây dựng các khu vực nghiên cứu chuyên sâu với các trang thiết bị hiện đại, nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu quy trình, kỹ thuật nuôi và sản xuất giống nhân tạo nhằm tạo điều kiện cho các nghiên cứu dài hạn về bảo tồn và phát triển nguồn gen; đồng thời, nâng cao khả năng ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất.

- Nghiên cứu và phát triển các kỹ thuật bảo tồn như bảo tồn In-vitro, lưu giữ hạt giống trong kho lạnh, và các phương pháp khác nhằm đảm bảo an toàn và duy trì tính đa dạng di truyền của các nguồn gen quý hiếm.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông và chuyển giao các quy trình công nghệ canh tác hiện đại, nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao từ nguồn gen gắn với phát triển các mô hình sản xuất hàng hóa lớn với sự hỗ trợ từ các tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Kiểm soát xâm lấn của loài ngoại lai và sinh vật biến đổi gen, ngăn chặn những tác động tiêu cực lên các hệ sinh thái tự nhiên và nguồn gen bản địa; đồng thời, quản lý hiệu quả sinh vật biến đổi gen, nhằm đảm bảo việc sử dụng sinh vật biến đổi gen không gây ra các rủi ro cho môi trường và đa dạng sinh học và tuân thủ các quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế.

### **4.3. Giải pháp huy động các nguồn lực**

4.3.1. Huy động tối đa các nguồn lực như nguồn nhân lực chất lượng cao từ các hoạt động hợp tác với các đơn vị chuyên môn trong và ngoài nước; nguồn vốn từ hoạt động hợp tác nghiên cứu, xã hội hóa, từ các dự án... trong việc thực hiện công tác bảo tồn, lưu giữ, khai thác, sử dụng và chia sẻ nguồn gen phục vụ sản xuất và đời sống.

4.3.2. Tăng cường vận động, thu hút và sử dụng đúng mục đích nguồn vốn ODA nhằm phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân vùng núi sống phụ thuộc vào rừng.

### **4.4. Giải pháp về nhân lực**

4.4.1. rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ chuyên môn ở các cơ quan, đơn vị; đảm bảo phát huy hiệu quả nguồn nhân lực. Định hướng chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn lâu dài, kết hợp hài hòa cả đào tạo chính quy và



không chính quy, trong nước và nước ngoài; chú trọng đào tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, nhiệm vụ khoa học và công nghệ hợp tác quốc tế.

4.4.2. Tăng cường đào tạo nhân lực, đảm bảo đủ về số lượng; có trình độ chuyên môn sâu, có kinh nghiệm trong việc áp dụng các kỹ thuật hiện đại vào nhân nuôi, chọn tạo giống để phục vụ bảo tồn, phát triển sản xuất.

4.4.3. Xây dựng các chương trình tập huấn ngắn hạn, dài hạn, các chương trình đào tạo tập trung, bồi dưỡng chuyên đề, tập huấn kỹ thuật,... trao đổi chuyên môn, học thuật; tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực bảo tồn nguồn gen cho cán bộ làm công tác bảo tồn và cán bộ địa phương.

#### **4.5. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

4.5.1. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách có liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn và sử dụng nguồn gen; xây dựng các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo trong việc quản lý, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên nơi chứa đựng các nguồn gen sinh vật quý, hiếm, có giá trị.

4.5.2. Xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ cho việc bảo tồn nguồn gen kết hợp với việc phát triển kinh tế theo định hướng sản xuất hàng hoá; cơ chế, chính sách phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức, cá nhân, các đối tác trong lĩnh vực bảo tồn, phát triển nguồn gen.

4.5.3. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua các chính sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn kết hợp với chính sách xã hội hóa nhằm thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; các nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

#### **4.6. Giải pháp về hợp tác**

4.6.1. Tăng cường hợp tác với các tổ chức, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo ở trong nước và nước ngoài trong nghiên cứu, xây dựng các quy trình kỹ thuật nuôi/trồng để bảo tồn, nhân giống phục vụ sản xuất. Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, cải tiến các quy trình, kỹ thuật nuôi/trồng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

4.6.2. Tăng cường hiệu quả, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan trong công tác nghiên cứu, đánh giá các nguồn gen quý, hiếm, có giá trị. Tiếp tục rà soát, đánh giá sự tồn tại, tiềm năng phát triển các nguồn gen có giá trị phục vụ cho sản xuất; các nguồn gen quý, hiếm cần bảo tồn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để bổ sung cho cơ sở dữ liệu nguồn gen.

4.6.3. Đẩy nhanh công tác chuyển giao khoa học và công nghệ trong nuôi/trồng sản xuất các nguồn gen có giá trị kinh tế; phối hợp chuyển giao quy

trình, kỹ thuật nuôi/trồng đối với các nguồn gen đã được nghiên cứu, khai thác thành công để nhân rộng mô hình phục vụ sản xuất và đời sống.

#### **4.7. Giải pháp về tổ chức quản lý**

4.7.1. Kiện toàn và nâng cao năng lực cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên trách về bảo tồn và phát triển nguồn gen; rà soát, sắp xếp lại hệ thống đầu mối quản lý bảo tồn nguồn gen, đảm bảo đồng bộ và phù hợp với thực tế.

4.7.2. Tăng cường công tác quản lý giống cây trồng, vật nuôi; kiểm soát nguồn gốc và chất lượng của giống cây trồng; xây dựng và hỗ trợ phát triển các Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống chất lượng cao, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

4.7.3. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp nhằm đảm bảo rằng các kết quả nghiên cứu được ứng dụng một cách nhanh chóng và hiệu quả vào thực tiễn sản xuất, nhằm giúp rút ngắn thời gian đưa giống mới vào sản xuất, đồng thời gia tăng tính cạnh tranh và giá trị kinh tế của các sản phẩm nông nghiệp.

4.7.4. Nâng cao hiệu quả quản lý thông qua ứng dụng công nghệ thông tin; sử dụng các hệ thống quản lý thông tin để theo dõi, giám sát và quản lý nguồn gốc, chất lượng giống cây trồng và vật nuôi; phát triển các hệ thống giám sát trực tuyến để quản lý hoạt động bảo tồn và phát triển nguồn gen trên quy mô địa phương và toàn quốc.

#### **5. Các nhiệm vụ, dự án ưu tiên đầu tư**

5.1. Nhóm nhiệm vụ bảo tồn các loài cây trồng, vật nuôi, thủy sản bản địa, quý hiếm; nguồn gen có nguy cơ thất thoát, tuyệt chủng.

5.2. Nhóm nhiệm vụ/dự án nuôi, trồng thử nghiệm nhằm xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật nuôi, trồng phù hợp với điều kiện Thanh Hóa.

5.3. Nhóm Dự án xây dựng mô hình chuyên canh các đối tượng chủ lực, có giá trị kinh tế cao theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.

5.4. Nhóm Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ bảo tồn và lưu giữ nguồn gen.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

#### **6. Kinh phí thực hiện đề án**

##### **6.1. Tổng kinh phí thực hiện đề án: 164.100 triệu đồng**

6.1.1. Nguồn Ngân sách nhà nước (Ngân sách tỉnh): 126.900 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn sự nghiệp kinh tế: 72.800 triệu đồng;
- Nguồn sự nghiệp khoa học: 35.600 triệu đồng;
- Nguồn đầu tư công cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất: 18.500 triệu đồng.

6.1.2. Nguồn huy động hợp pháp khác: 37.200 triệu đồng.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo).*

## **6.2. Phân kỳ kinh phí thực hiện đề án giai đoạn 2026-2030**

- Năm 2026: 34.740 triệu đồng;

- Năm 2027: 34.440 triệu đồng;

- Năm 2028: 38.040 triệu đồng;

- Năm 2029: 30.540 triệu đồng;

- Năm 2030: 26.340 triệu đồng.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục V kèm theo).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Viện Nông nghiệp Thanh Hóa**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành, đơn vị có liên quan, hàng năm xây dựng chương trình, kế hoạch, đề cương nhiệm vụ và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện Đề án trong phạm vi nhiệm vụ được giao; trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định.

- Xây dựng, vận hành và quản lý cơ sở dữ liệu nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản tỉnh Thanh Hóa; đồng thời, phối hợp các đơn vị bảo tồn và các đơn vị có liên quan, cập nhật cơ sở dữ liệu; thực hiện liên thông với cơ sở dữ liệu nguồn gen quốc gia.

### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Phối hợp với các địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp, xác định cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp nói chung, bảo tồn và phát triển nguồn gen sinh vật nói riêng, gắn với ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới theo hướng nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ trong sản phẩm nông nghiệp.

- Phối hợp rà soát, bổ sung, xây dựng các chính sách về lĩnh vực chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi, phát triển vùng nguyên liệu, liên kết theo chuỗi giá trị từ việc khai thác có hiệu quả nguồn gen, nhất là nguồn gen bản địa có giá trị; thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**3. Sở Khoa học và Công nghệ:** Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc ưu tiên bố trí ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh cho các đơn vị triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm bảo tồn và khai thác, phát triển quỹ gen theo quy định của pháp luật và định hướng trong Đề án, nhằm tạo ra những sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP mang thương hiệu Thanh Hóa.

**4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Căn cứ vào kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn hàng năm cho các nhiệm vụ của Đề án đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, các quy định hiện hành và khả năng cân đối nguồn vốn.

**5. Sở Tài chính:** Hằng năm, trên cơ sở chương trình, kế hoạch, đề cương nhiệm vụ thực hiện Đề án được duyệt và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, chủ trì phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo lộ trình được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

**6. UBND các huyện, thị xã, thành phố:** Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Viện Nông nghiệp Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan, tổ chức triển khai các nội dung của Đề án liên quan đến địa phương, đơn vị; đồng thời, tổ chức ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, đa dạng và thương mại hóa sản phẩm được tạo ra từ nguồn gen, góp phần thúc đẩy nền nông nghiệp của tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Viện Trưởng Viện Nông nghiệp Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ SƯU TÀM, BẢO TỒN, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG NGUỒN GEN CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI,**  
**THỦY SẢN CÓ GIÁ TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số 5139/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>I</b>	<b>CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP</b>														
1	Bầu canh	<i>Lagenaria siceraria</i>	x	lá, quả			x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
2	Bí đỏ	<i>Cucurbita moschata</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
3	Bí xanh	<i>Benincasa hispida</i>	x	lá, hạt			x						5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
4	Bơ 034	<i>Persea americana</i>					x						6	Ngọc lặc	Hộ GD
5	Bơ booth7	<i>Persea americana</i>					x						4	Ngọc lặc	Viện NN
6	Bơ fuete	<i>Persea americana</i>					x						6	Ngọc lặc	Hộ GD
7	Bơ hass	<i>Persea americana</i>					x						6	Ngọc lặc	Hộ GD
8	Bơ reed	<i>Persea americana</i>					x						6	Ngọc lặc	Hộ GD
9	Bơ sáp	<i>Persea americana</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
10	Bưởi da xanh	<i>Citrus maxima</i>					x						6	Thiệu Hóa	Hộ GD
11	Bưởi diên	<i>Citrus maxima</i>	x	cành, lá	x		x						5	Triệu Sơn	Hộ GD
12	Bưởi Đào	<i>Citrus maxima</i>	x	cành, lá	x		x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
13	Bưởi đỏ phú kiên	<i>Citrus maxima</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
14	Bưởi đỏ tân lạc	<i>Citrus maxima</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
15	Bưởi đoan hùng	<i>Citrus maxima</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
16	Bưởi đường	<i>Citrus maxima</i>	x	cành, lá	x		x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
17	Bưởi hoàng	<i>Citrus maxima</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
18	Bưởi Hồng	<i>Citrus maxima</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
19	Bưởi lùn vắn	<i>Citrus maxima</i>	x	cành, lá	x	x		CV	5	TP Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp TH		2, 5	Thọ Xuân	Hộ GD
20	Bưởi lùn tứ xuyên	<i>Citrus maxima</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
21	Bưởi năm roi	<i>Citrus maxima</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
22	Bưởi phú trách	<i>Citrus maxima</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
23	Bưởi tân triều	<i>Citrus maxima</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
24	Cà chu bi	<i>Solanum lycopersicum var. cerasiforme</i>	x	cành, lá, quả	x		x						6	Thiệu Hóa	Hộ GD
25	Cà chua	<i>Solanum lycopersicum</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
26	Cà rốt	<i>Daucus carota</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
27	Cải bắp	<i>Brassica oleracea L. var. capitata L.</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
28	Cải bẹ	<i>Brassica juncea</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
29	Cải canh	<i>Brassica juncea</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
30	Cải H'Mông	<i>Brassica ssp.</i>					x						6	Quan Hóa, Mường Lát	Hộ GD
31	Cải ngọt	<i>Brassica integrifolia</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
32	Cải ngồng	<i>Brassica chinensis var. parachinensis</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
33	Cải sen trắng	<i>Brassica campestris</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
34	Cam bù hà tỉnh	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Như Xuân	Hộ GD
35	Cam canh Thọ Xuân	<i>Citrus sinensis</i>	x	cành, lá	x		x						4,6	Thọ Xuân.	Hộ GD
36	Cam cao phong	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Bá Thước	Hộ GD
37	Cam ham lim	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Như Xuân	Hộ GD
38	Cam mật	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Như Xuân	Hộ GD
39	Cam sành	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Như Xuân	Hộ GD
40	Cam sành hà giang	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Bá Thước	Hộ GD
41	Cam sông con	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Như Xuân	Hộ GD
42	Cam V2	<i>Citrus sinensis</i>					x						5,6	Thọ Xuân	Hộ GD
43	Cam valencia	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Như Xuân	Hộ GD
44	Cam Vân Du	<i>Citrus sinensis</i>	x	cành, lá	x			CV	6	Thạch Thành	Hộ GD		1,6	Thạch Thành.	Hộ GD
45	Cam Vinh	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
46	Cam xã Đoài	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Như Xuân	Hộ GD
47	Cam xoài	<i>Citrus sinensis</i>					x						6	Như Xuân	Hộ GD
48	Cao su 255	<i>Hevea brasiliensis</i>					x						5,6	Nông công, Như Thanh, Như Xuân	Hộ GD
49	Cao su PB235	<i>Hevea brasiliensis</i>					x						5,6	Nông công, Như Thanh, Như Xuân	Hộ GD
50	Cao su PB260	<i>Hevea brasiliensis</i>					x						5,6	Nông công, Như Thanh, Như Xuân	Hộ GD
51	Cao su RRV2	<i>Hevea brasiliensis</i>					x						5,6	Nông công, Như Thanh, Như Xuân	Hộ GD
52	Cao su RRV3	<i>Hevea brasiliensis</i>					x						5,6	Nông công, Như Thanh, Như Xuân	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
53	Chanh bắc	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
54	Chanh dây	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Thọ Xuân	Hộ GD
55	Chanh đào	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Như xuân	Hộ GD
56	Chanh giấy	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
57	Chanh giấy không hạt	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
58	Chanh mỹ	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
59	Chanh ta	<i>Citrus aurantifolia</i>	x	cành, lá, quả	x		x					6	Các huyện trung du	Hộ GD
60	Chanh tứ quý	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
61	Chanh thái	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
62	Chanh úc không gai	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Thiệu hóa	Hộ GD
63	Chanh vàng Eruaka	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
64	Chanh yên	<i>Citrus aurantifolia</i>					x					6	Bá Thước	Hộ GD
65	Chè	<i>Camellia sinensis</i>	x	cành, lá, quả	x		x					5,6	Triệu Sơn	Hộ GD
66	Chuôi bom	<i>Musa spp</i>					x					6	Bá Thước	Hộ GD
67	Chuôi cau	<i>Musa spp</i>					x					6	Bá Thước	Hộ GD
68	Chuôi cau lửa	<i>Musa spp</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD
69	Chuối com	<i>Musa spp</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD
70	Chuôi chà bột	<i>Musa spp</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD



TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
71	Chuôi già hương	<i>Musa spp</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD
72	Chuôi hột	<i>Musa spp</i>					x					6	Bá Thước	Hộ GD
73	Chuôi hương	<i>Musa spp</i>					x					6	Bá Thước	Hộ GD
74	Chuôi la ba	<i>Musa spp</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD
75	Chuôi lùn	<i>Musa spp</i>					x					6	Bá Thước	Hộ GD
76	Chuôi ngộp	<i>Musa spp</i>					x					6	Bá Thước	Hộ GD
77	Chuôi ngự	<i>Musa spp</i>					x					6	Hoảng Hóa	Hộ GD
78	Chuối táo quạ	<i>Musa spp</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD
79	Chuối tây	<i>Musa spp</i>					x					6	Hoảng Hóa	Hộ GD
80	Chuối tiêu	<i>Musa spp</i>	x	quả			x					6	Hoảng Hóa	Hộ GD
81	Chuối tiêu hồng	<i>Musa spp</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN	5	Hoảng Hóa, Thọ Xuân	Hộ GD
82	Cỏ Ghi nê	<i>Panicum maximum</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
83	Cỏ hỗn hợp Úc	<i>Panicum ssp</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
84	Cỏ Mulato	<i>Brachiaria spp.</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
85	Cỏ SWEET JUM BO	<i>Penisetum purpureum</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
86	Cỏ VA06	<i>Pennisetum americanum x P. Purpureum</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
87	Cói bông trắng	<i>Cyperus tegetiformis</i>	x	cá thể	x	x	x					5	Nga Sơn	Hộ GD
88	Cói bông xanh	<i>Cyperus ssp.</i>					x					5	Nga Sơn	Hộ GD
89	Củ cải	<i>Raphanus sativus</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
90	Độc mùng	<i>Colocasia gigantea</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
91	Dong riêng	<i>Canna edulis</i>	x	lá	x		x						5	Câm Thủy	Hộ GD
92	Dưa bở	<i>Cucumis melo</i>					x						6	Thọ Xuân.	Hộ GD
93	Dưa cải lê	<i>Brassica ssp</i>	x	lá	x		x						6	Thiệu Hóa, Yên Định	Hộ GD
94	Dừa cao	<i>Ananas comosus</i>	x	lá chết			x						5,6	Hoàng Hóa Quảng Xương	Hộ GD
95	Dưa chuột mè	<i>Cucumis sativus</i>					x						6	Mường Lát.	Hộ GD
96	Dưa chuột nếp	<i>Cucumis sativus</i>	x	lá, quả	x		x						5,6	Thiệu Hóa, Thọ xuân	Hộ GD
97	Dưa chuột nếp Thọ Trường	<i>Cucumis sativus</i>						NV	6	Thọ Xuân	xã Trường Xuân		6	Thọ Xuân.	Hộ GD
98	Dưa gang	<i>Cucumis melo L. var. conomon</i>					x						6	Thọ Xuân.	Hộ GD
99	Dưa hâu M. An Têm	<i>Citrullus lanatus</i>	x	lá, quả	x		x						5,6	Nga Sơn	Hộ GD
100	Dưa hoàng hậu	<i>Ananas comosus</i>					x						6	Quảng Xương, Thạch Thành	Hộ GD
101	Dưa kim hoàng hậu	<i>Cucumis sativus</i>	x	lá, quả			x						5	Vĩnh Lộc, Thọ Xuân	CTCP Lam Sơn
102	Dưa lê	<i>Cucumis melo</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
103	Dưa lưới	<i>Cucumis melo</i>					x						5	Vĩnh Lộc, Nga Sơn, Thọ Xuân	Hộ GD
104	Dứa cayenne	<i>Ananas comosus</i>	x	lá, quả			x						5	Thạch Thành	Hộ GD
105	Dứa MD2	<i>Ananas comosus</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN		4,6	T. Thành, Hà Trung, Như Thanh	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
106	Dứa Queen	<i>Ananas comosus</i>					x						5	Nông công	Hộ GD
107	Dứa tây ban nha	<i>Ananas comosus</i>					x						5	Thạch Thành, Hà Trung, Như Thanh	Hộ GD
108	Đào	<i>Prunus persica</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
109	Đào Quảng Chính	<i>Prunus persica</i>						NV	6	Quảng Xương	xã Quảng Chính		5	Quảng Xương	Hộ GD
110	Đào Thọ Tân	<i>Prunus persica</i>					x						5	Triệu Sơn	Hộ GD
111	Đào Xuân Du	<i>Prunus persica</i>						NV	6	Như Thanh	xã Xuân Du		5	Như Thanh	Hộ GD
112	Đậu bắp	<i>Abelmoschus esculentus</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
113	Đậu co ve	<i>Phaseolus vulgaris</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
114	Đậu đen	<i>Vigna unguiculata</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
115	Đậu đỏ	<i>Vigna angularis</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
116	Đậu đũa	<i>Vigna unguiculata subsp</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
117	Đậu Hà lan	<i>Pisum sativum</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
118	Đậu lăng	<i>Lens culinaris</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
119	Đậu rồng	<i>Psophocarpus tetragonolobus</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
120	Đậu tằm	<i>Vicia faba</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn					Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn				Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ	Đơn vị thực hiện		(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
121	Đậu tương gié	<i>Glycine max</i>	x	cành, lá			x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
122	Đậu ván	<i>Lablab purpureus</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
123	Đậu xanh	<i>Vigna radiata</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
124	Gai xanh	<i>Boehmeria Niveda,</i>	x	cành, lá			x						5	Cẩm Thủy, Như Thanh, Như Xuân	Hộ GD
125	Giống cà chua bi dại	<i>Solanum lycopersicum</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
126	Hành củ	<i>Allium Ascalonicum</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
127	Hành lá	<i>Allium fistulosum</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
128	Hành tây	<i>Allium cepa</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
129	Hông Đức 9	<i>Oryza sativa</i>					x						6	Đông Sơn	Hộ GD
130	Hông xiêm cát	<i>Manilkara zapota</i>	x	cành, lá			x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
131	Hông xiêm Thanh Hà	<i>Manilkara zapota</i>						CV	7	TP T. Hóa	Viện NN		6	TP Thanh Hóa	Hộ GD
132	Hương cốm 4	<i>Oryza sativa</i>					x						6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
133	Khoai dong trắng	<i>Maranta arundinacea</i>	x	thân, lá	x		x						6	Như Thanh	Hộ GD
134	Khoai lang lim	<i>IPomoea batatas</i>	x	thân, lá	x		x						6	Thiệu Hóa	Hộ GD
135	Khoai lang tím	<i>IPomoea batatas</i>	x	thân, lá	x		x						6	Quảng Xương	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
136	Khoai mài	<i>Dioscorea persimilis</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
137	Khoai mán ruột vàng	<i>Colocasia esculenta</i>						CV	4	Quan Hóa	Hộ GD		6	Quan Hóa	Hộ GD
138	Khoai môn tím	<i>Colocasia esculenta</i>	x	lá, củ			x						4,6	Các huyện Miền núi Thanh Hóa	Hộ GD
139	Khoai mỡ	<i>Dioscorea alata</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
140	Khoai sắn dây	<i>Dimocarpus longan</i>	x	thân, lá			x						6	Như Thanh	Hộ GD
141	Khoai sọ	<i>Colocasia esculenta</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
142	Khoai tây	<i>Solanium tuberosum</i>	x	lá, củ			x						5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
143	Lạc gié	<i>Arachis hypogaea</i>	x	lá			x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
144	Lạc L14	<i>Arachis hypogaea</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
145	Lạc L14	<i>Arachis hypogaea</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
146	Lạc L23	<i>Arachis hypogaea</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
147	Lạc L26	<i>Arachis hypogaea</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
148	Lạc TB25	<i>Arachis hypogaea</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
149	Lan Dendro	<i>Dendrobium sp.</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN	x			

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
150	Lan Đại trâu	<i>Rynchosstylis gigantean</i>						CV	5	Các huyện Miền núi Thanh Hóa	Hộ GD		6	TP Thanh Hóa, Đông Sơn, Quảng Xương	
151	Lan hài lông	<i>Paphiopedilum hirsutissimum</i>						CV	2	Thường Xuân	Khu BTTN Xuân Liên	x			
152	Lan hài vân bắc	<i>Paphiopedilum callosum</i>						CV	5	Thường Xuân	Khu BTTN Xuân Liên	x			
153	Lan Kim Tuyền	<i>Anoectochilus formosanus Hayata</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN		6	Thường Xuân, Bá Thước	
154	Lan Phi điệp	<i>Dendrobium anosmum</i>						CV	5	Các huyện Miền núi Thanh Hóa	Hộ GD		6	TP Thanh Hóa, Đông Sơn, Quảng Xương	
155	Lan thủy tiên hương	<i>Dendrobium amabile</i>						CV	5	Thường Xuân	Khu BTTN Xuân Liên	x			
156	Lúa 13/2	<i>Oryza sativa</i>					x						5	Thọ Xuân.	Hộ GD
157	Lúa Bắc Thịnh	<i>Oryza sativa</i>	x	lá, hạt			x						5,6	Thọ Xuân	Hộ GD
158	Lúa Bắc thơm số 7	<i>Oryza sativa</i>	x	lá, hạt			x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
159	Lúa Bắc Xuyên	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Thọ Xuân	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
160	Lúa BC15	<i>Oryza sativa</i>	x	lá, hạt			x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
161	Lúa Bio404	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
162	Lúa Đại dương 1	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
163	Lúa Hương thơm số 1	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
164	Lúa Kim cương 90	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Thị trấn Hóa.	Hộ GD
165	Lúa Khang Dân 18	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
166	Lúa Lam Sơn 8	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Yên Định	Hộ GD
167	Lúa Long hương 8117	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Thọ Xuân, Đông Sơn, Thạch Thành.	Hộ GD
168	Lúa Ly 06	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
169	Lúa Nam Dương 99	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
170	Lúa nếp cái hạt cau	<i>Oryza sativa</i>	x	lá, hạt	x	x		CV	3, 6	TP Thanh Hóa	Viện NN		5,6	Thạch Thành	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
171	Lúa nếp cái Hoa Vàng	<i>Oryza sativa</i>	x	lá, hạt	x	x		CV	3, 6	TP Thanh Hóa	Viện NN		5,6	Thạch Thành, Hà Trung, Cẩm Thủy	Hộ GD
172	Lúa nếp Cay Nội	<i>Oryza sativa</i>	x	lá, hạt	x	x		NV	6	M.Lát, Q.Hóa	Hộ GD		5,6	Mường Lát	Hộ GD
173	Lúa nếp cẩm	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Thạch Thành, Hà Trung	Hộ GD
174	Lúa nếp Khẩu Cú	<i>Oryza sativa</i>						NV	6	Q.Hóa	Hộ GD		6	Quan Hóa	Hộ GD
175	Lúa nếp N97	<i>Oryza sativa</i>	x	lá, hạt			x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
176	Lúa Nhị ưu 986	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
177	Lúa Q5	<i>Oryza sativa</i>	x	lá, hạt			x						5,6	Thiệu Hóa, Yên Định	Hộ GD
178	Lúa Quốc tế 1	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
179	Lúa Quốc tế 1	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
180	Lúa Soọng	<i>Oryza sativa</i>						NV	6	Bá Thước	Hộ GD		6	Cẩm Thủy, Bá Thước, Mường Lát	
181	Lúa ST25	<i>Oryza sativa</i>					x						6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD



TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
182	Lúa Syn98	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
183	Lúa TBR 97	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
184	Lúa TBR225	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
185	Lúa TBR35	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
186	Lúa TBR45	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
187	Lúa tẻ nương	<i>Oryza sativa</i>					x						6	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
188	Lúa Thiên ưu 8	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
189	Lúa Thiên ưu 98	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
190	Lúa Thuần Việt 1	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Yên Định	Hộ GD
191	Lúa VNR20	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
192	Lúa vông	<i>Oryza sativa</i>						NV	6	Bá Thước	Hộ GD		6	Bá Thước	

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
193	Lúa X21	<i>Oryza sativa</i>					x					5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
194	Lúa Xi23	<i>Oryza sativa</i>					x					5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
195	Mía tím bá thước	<i>Saccharum ssp.</i>	x	thân, lá			x					6	Bá Thước	Hộ GD
196	Mãng cầu Xiêm	<i>Annona muricata</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD
197	Mận	<i>Prunus salicina</i>	x	cành, lá	x		x					6	Thiệu Hóa	Hộ GD
198	Mía đỏ Kim Tân	<i>Saccharum ssp.</i>						NV	6	Thạch Thành	Hộ GD	6	Thạch Thành.	Hộ GD
199	Mía KK3	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
200	Mía I92-11	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
201	Mía LK9211	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
202	Mía LS1	<i>Saccharum ssp.</i>	x	thân, lá			x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
203	Mía LS2	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
204	Mía My55-14	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Trung du, miền núi	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
205	Mía Quế đường 93	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
206	Mía Quế đường 94	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
207	Mía Roc 10	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
208	Mía Roc 22	<i>Saccharum ssp.</i>					x	CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN	5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
209	Mía Roc16	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
210	Mía TĐĐ22	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
211	Mía tím Kim Tân	<i>Saccharum ssp.</i>	x	thân, lá	x			CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN	5	Thạch Thành.	Hộ GD
212	Mía Viên Lâm 6	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
213	Mía Việt Đài 55	<i>Saccharum ssp.</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN	5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
214	Mía Việt Đường 002-36	<i>Saccharum ssp.</i>					x					5	Các huyện Trung du, miền núi	Hộ GD
215	Mít không hạt	<i>Artocarpus heterrophyllus</i>					x					6	Nông công	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
216	Mít malaysia	<i>Artocarpus heterrophyllus</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
217	Mít mật ướt	<i>Artocarpus heterrophyllus</i>	x	cành, lá			x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
218	Mít nghệ tứ quý	<i>Artocarpus heterrophyllus</i>					x					6	Nông công	Hộ GD
219	Mít ruột đỏ	<i>Artocarpus heterrophyllus</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
220	Mít tổ nữ	<i>Artocarpus heterrophyllus</i>					x					6	Nông công	Hộ GD
221	Mít thái siêu sớm	<i>Artocarpus heterrophyllus</i>					x					6	Nông công	Hộ GD
222	Mít thọ tân	<i>Artocarpus heterrophyllus</i>	x	cành lá, hoa	x			CV	6, 7	Triệu Sơn, Hà Trung	Viện NN	6	Triệu Sơn	Hộ GD
223	Mít viên linh	<i>Artocarpus heterrophyllus</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
224	Mồng toi	<i>Basella alba</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
225	Mơ lông	<i>Paederia tomentosa</i>					x					6	Mường lát	Hộ GD
226	Mùi tàu	<i>Eryngium foetidum</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
227	Mướp đắng	<i>Momordica charantia</i>	x	thân, lá			x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
228	Mướp hương	<i>Luffa cylindrica</i>	x	thân, lá			x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
229	Mướp mường (lặc lầy)	<i>Cardiopteris quinqueloba</i>	x	thân, lá			x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
230	Na bắc giang	<i>Annona squamosa</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
231	Na bờ đông Chiều	<i>Annona squamosa</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
232	Na bờ liên Khê	<i>Annona squamosa</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
233	Na Chi Lăng	<i>Annona squamosa</i>						CV	6, 7	TP Thanh Hóa	Viện NN	4	Các huyện trung du, miền xuôi	Hộ GD
234	Na dai	<i>Annona squamosa</i>	x	cành, lá	x		x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
235	Na dai đồng bằng	<i>Annona squamosa</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
236	Na dài loan	<i>Annona squamosa</i>					x					4	Triệu Sơn	Hộ GD
237	Na nữ hoàng	<i>Annona squamosa</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD
238	Na rừng	<i>Annona squamosa</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD
239	Na tím	<i>Annona squamosa</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
240	Na thái lan	<i>Annona squamosa</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
241	Na xiêm	<i>Annona squamosa</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
242	Ngô CK6919	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
243	Ngô CP111	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
244	Ngô CP111	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
245	Ngô CP134	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
246	Ngô CP333	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
247	Ngô CP3Q	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
248	Ngô CPA88	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
249	Ngô DK6919F	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>	x	lá, bắp			x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
250	Ngô DK8865	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
251	Ngô DK9898	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
252	Ngô DK9955S	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
253	Ngô MK6654	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
254	Ngô N732	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
255	Ngô nếp N90	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>	x	lá, bắp			x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
256	Ngô NK4300	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
257	Ngô P4311	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
258	Ngô P4554	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
259	Ngô PSC10	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
260	Ngô PSC747	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x					5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
261	Ngô VS36	<i>Zea mays L. ssp. mays</i>					x						5,6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
262	Nhãn	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
263	Nhãn cùi vân	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
264	Nhãn đường phèn	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
265	Nhãn Edor	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
266	Nhãn Hồng Phúc	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
267	Nhãn hương chi	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Mường Lát	Hộ GD
268	Nhãn long	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
269	Nhãn long tím	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Triệu Sơn	Hộ GD
270	Nhãn lồng	<i>Dimocarpus longan</i>	x	cành, lá	x		x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
271	Nhãn miền thiết	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Mường Lát	Hộ GD
272	Nhãn muện hà tây	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Thạch Thành	Hộ GD
273	Nhãn sơn la	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Mường Lát	Hộ GD
274	Nhãn tiêu da bò Huế	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
275	Nhãn thanh nhãn	<i>Dimocarpus longan</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
276	Nhãn xương com vàng	<i>Dimocarpus longan</i>					x					6	Thọ Xuân	Hộ GD
277	Nhãn xương tím	<i>Dimocarpus longan</i>					x					6	Thọ Xuân	Hộ GD
278	Nhị ưu 838	<i>Oryza sativa</i>					x					5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
279	Nho đỏ	<i>Vitis vinifera</i>					x					6	Thường Xuân	Hộ GD
280	Nho không hạt	<i>Vitis vinifera</i>					x					6	Thường Xuân	Hộ GD
281	Nho mỹ	<i>Vitis vinifera</i>					x					6	Thường Xuân	Hộ GD
282	Nho pháp	<i>Vitis vinifera</i>					x					6	Thường Xuân	Hộ GD
283	Nho than gỗ	<i>Vitis vinifera</i>					x					6	Thường Xuân	Hộ GD
284	Nho úc	<i>Vitis vinifera</i>					x					6	Thường Xuân	Hộ GD
285	Nho xanh	<i>Vitis vinifera</i>					x					6	Triệu Sơn	Hộ GD
286	Ôi không hạt	<i>Psidium guajava</i>						CV	6, 7	TP Thanh Hóa	Viện NN	6	Thạch Thành	Hộ GD
287	Ôi không hạt thái lan	<i>Psidium guajava</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
288	Ôi lê đài loan	<i>Psidium guajava</i>	x	cành, lá	x		x					5	Thạch Thành	Hộ GD
289	Ôi nữ hoàng	<i>Psidium guajava</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
290	Ôi ruột hồng da láng	<i>Psidium guajava</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD



TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
291	Ổi sê	<i>Psidium guajava</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
292	Ổi tim malaysia	<i>Psidium guajava</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
293	Oi xá lý nghệ	<i>Psidium guajava</i>					x					6	Như Thanh	Hộ GD
294	Quế lan hương	<i>Aerides Odorata</i>						CV	5	Các huyện Miền núi Thanh Hóa	Hộ GD	x		
295	Quýt giây	<i>Citrus reticulata</i>					x					6	Bác Thước	Hộ GD
296	Quýt chum	<i>Citrus reticulata</i>					x					6	Bác Thước	Hộ GD
297	Quýt đường	<i>Citrus reticulata</i>					x					6	Thọ Xuân	Hộ GD
298	Quýt hôi	<i>Citrus reticulata</i>	x	cành, lá	x	x	x	CV	6	Q.Hóa, B.Thước	KBTTN Pù Luông	1, 4,6	Quan Hóa, Bá Thước	Hộ GD
299	Quýt hồng	<i>Citrus reticulata</i>					x					6	Bác Thước	Hộ GD
300	Quýt thái	<i>Citrus reticulata</i>	x	cành, lá	x							4,6	Bá Thước	Hộ GD
301	Quýt vôi	<i>Citrus reticulata</i>	x	cành, lá	x			CV	6	Ngọc Lặc	Hộ GD	1,4,6	Ngọc Lặc	Hộ GD
302	Rau cần	<i>Oenanthe javanica</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
303	Rau diếp	<i>Lactuca sativa L. var. longifolia</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
304	Rau đay	<i>Corchorus Olitorius</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
305	Rau mùi	<i>Coriandrum sativum</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
306	Rau ngót	<i>Sauropus androgynus</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
307	Sắn HLS11	<i>Manihot esculenta</i>					x						5,6	Triệu Sơn, Như Xuân, Ngọc Lặc, Bá Thước.	Hộ GD
308	Sắn HN 124	<i>Manihot esculenta</i>					x						5,6	Triệu Sơn, Như Xuân, Ngọc Lặc, Bá Thước	Hộ GD
309	Sắn KM 94	<i>Manihot esculenta</i>					x						5,6	Triệu Sơn, Như Xuân, Ngọc Lặc, Bá Thước,	Hộ GD
310	Sắn KM 95-3	<i>Manihot esculenta</i>					x						5,6	Triệu Sơn, Như Xuân, Ngọc Lặc, Bá Thước,	Hộ GD
311	Sắn KM60	<i>Manihot esculenta</i>					x						5,6	Triệu Sơn, Như Xuân, Ngọc Lặc, Bá Thước.	Hộ GD
312	Sắn nếp	<i>Manihot esculenta</i>	x	thân, lá			x						5,6	Các huyện trung du	Hộ GD
313	Sắn thuyền	<i>Syzygium polyanthum</i>					x						5,6	Như Xuân	Hộ GD
314	Sen	<i>Manihot esculenta</i>					x						4,6	Triệu Sơn, Như Xuân, Ngọc Lặc, Bá Thước.	Hộ GD
315	Su hào	<i>Brassica caulorapa</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
316	Su su	<i>Sechium edule</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
317	Súp lơ trắng	<i>Brassica oleracea</i> <i>var. botrytis.</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
318	Súp lơ xanh	<i>Brassica Oleracea</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
319	Táo đài loan	<i>Moringa oleifera</i>					x					6	Hậu Lộc	Hộ GD
320	Táo đào vàng	<i>Moringa oleifera</i>					x					6	Hậu Lộc	Hộ GD
321	Táo gai	<i>Crataegus pinnatifida</i>					x					6	Hậu Lộc	Hộ GD
322	Táo mèo	<i>Docynia indica</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD
323	Táo ta	<i>Ziziphus mauritiana</i>					x					6	Hậu Lộc	Hộ GD
324	Táo thái lan	<i>Ziziphus mauritiana</i>					x					6	Hậu Lộc	Hộ GD
325	Thanh long đột biến	<i>Hylocereus SP</i>					x					6	Như Thanh	Hộ GD
326	Thanh long ruột trắng	<i>Hylocereus SP</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
327	Thanh long tím hồng	<i>Hylocereus SP</i>					x					6	Thạch Thành	Hộ GD
328	Thanh long vàng Thái Lan	<i>Hylocereus SP</i>					x					6	Như Thanh	Hộ GD
329	Thanh long vỏ vàng tai xanh	<i>Hylocereus SP</i>					x					6	Như Thanh	Hộ GD
330	Thanh long ruột đỏ	<i>Hylocereus SP</i>					x					5,6	Như Thanh, Thạch Thành	Hộ GD
331	Thì là	<i>Anethum graveolens</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
332	Thuốc lá	<i>Nicotiana tabacum</i>	x	lá			x					5	Quảng Xương	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
333	Thụy Hương 308	<i>Oryza sativa</i>					x						5,6	Các huyện đồng bằng và Trung du	Hộ GD
334	Vải chín sớm phú Hòa	<i>Litchi chinensis</i>					x						6	Ngọc Lặc	Hộ GD
335	Vải chín sớm yên phú	<i>Litchi chinensis</i>					x						6	Yên Định	Hộ GD
336	Vải chua	<i>Litchi chinensis</i>	x	cành, lá			x						6	Cầm Thủy, Thọ Xuân	Hộ GD
337	Vải hùng long	<i>Litchi chinensis</i>					x						6	Ngọc Lặc	Hộ GD
338	Vải không hạt	<i>Litchi chinensis</i>						CV	6	Ngọc Lặc	CT Hồ Gươm		5	Ngọc Lặc	Hộ GD
339	Vải lai bình khô	<i>Litchi chinensis</i>					x						6	Ngọc Lặc	Hộ GD
340	Vải lai yên hưng	<i>Litchi chinensis</i>					x						6	Ngọc Lặc	Hộ GD
341	Vải nhỡ	<i>Litchi chinensis</i>					x						6	Cầm Thủy	Hộ GD
342	Vải phú hộ	<i>Litchi chinensis</i>					x						6	Ngọc Lặc	Hộ GD
343	Vải thiêu bát trang	<i>Litchi chinensis</i>					x						6	Ngọc Lặc	Hộ GD
344	Vải thiêu lục ngân	<i>Litchi chinensis</i>	x	cành, lá	x		x						6	Ngọc Lặc	Hộ GD
345	Vải thiêu thanh hà	<i>Litchi chinensis</i>					x						6	Thọ Xuân	Hộ GD
346	Vải u hồng	<i>Litchi chinensis</i>					x						6	Ngọc Lặc	Hộ GD
347	Vùng	<i>Sesamum indicum</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
348	Xà lách	<i>Lactuca sativa</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
349	Xoài cát chu	<i>Mangifera indica</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
350	Xoài cát hòa lộc	<i>Mangifera indica</i>						CV	7	TP Thanh Hóa	Viện NN		4,6	Thọ Xuân	Hộ GD
351	Xoài dài loan đỏ	<i>Mangifera indica</i>					x						6	Như xuân	Hộ GD
352	Xoài keo	<i>Mangifera indica</i>	x	cành, lá	x		x						6	Như xuân	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
353	Xoài mật	<i>Mangifera indica</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD	
354	Xoài tứ quý	<i>Mangifera indica</i>					x					6	Như xuân	Hộ GD	
355	Xoài tượng	<i>Mangifera indica</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD	
356	Xoài Thanh ca	<i>Mangifera indica</i>					x					6	Thọ Xuân	Hộ GD	
357	Xoài trứng	<i>Mangifera indica</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD	
358	Xoài úc	<i>Mangifera indica</i>					x					6	Thọ Xuân	Hộ GD	
359	Xoài xê	<i>Mangifera indica</i>					x					6	Mường Lát	Hộ GD	
<b>II</b>	<b>CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP</b>														
360	Bách xanh	<i>Calocedrus macrolepis</i> Kurz						NV	1	Khu BTTN Xuân Liên	Khu BTTN Xuân Liên	x		Quan Hóa, Bá Thước, Thường Xuân, Như Xuân, Thạch Thành	Hộ GD
361	Bạch đàn trắng	<i>Eucalyptus camaldulensis</i> )					x						6	Đông Sơn, Hoàng Hóa, Hà Trung	Hộ GD
362	Bạch đàn đỏ	<i>Eucalyptus Robusta</i> Smith					x						6	Đông Sơn, Hoàng Hóa, Hà Trung	Hộ GD
363	Bần chua	<i>Sonneratia caseolaris</i> (L.) Engl.	x	cành, lá			x						6	Hoảng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn, Hậu Lộc	Hộ GD
364	Bồ đề	<i>Styrax tonkinensis</i> (Pierre) Craib ex Hartwiss	x	cành, lá			x						6	Quan Hóa, Mường Lát	Hộ GD
365	Bời lời	<i>Litsea lancilimba</i> Merr.					x					x			

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
366	Chẹo	<i>Engelhardtia roxburghiana</i>					x					x			
367	Chò chỉ	<i>Parashorea chinensis H. Wang</i>						NV	1	Như Xuân, Quan Hóa	VQG Bến En, Khu BTTN Pù Luông	x			
368	Chò nâu	<i>Dipterocarpus relusus</i>					x					x			
369	Chò xanh	<i>Terminalia myriocarpa</i>					x					x			
370	Cọ phèn	<i>Protium serratum</i>					x						6	Mường Lát	Hộ GD
371	Côm tầng	<i>Elaeocarpus griffithii</i>					x					x			
372	Đậu thiều	<i>Cajanus cajan (L.) Millsp.</i>	x	cành, lá			x						6	Mường Lát	Hộ GD
373	Đàn hương	<i>Santalum album L</i>					x						4	Cắm Thủy	Hộ GD
374	Đinh hương	<i>Syzygium aromaticum (L.) Merr. &amp; Perry</i>						NV	1	Như Xuân	VQG Bến En	x			
375	Đước đôi	<i>Rhizophora apiculata Blume</i>	x	cành, lá			x						6	Hoảng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn,	Hộ GD
376	Gáo trắng	<i>Neonauclea cadamba</i>					x					x			
377	Gió bầu	<i>Aquilaria crassna Pierre ex Lecomte</i>	x	cành, lá	x		x						6	Ngọc Lặc, Quan Hóa, Hà Trung.	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
378	Giổi ăn hạt	<i>Michelia tonkinensis</i> A. Chev.	x	cành, lá	x			NV, CV	1, 7	Thường Xuân	KBTTN Xuân Liên		5	Thường Xuân, Lang Chánh, Bá Thước	Hộ GD
379	Giổi xanh	<i>Manglietia rufibarbata</i> Dandy	x	cành, lá	x		x					x		Các huyện miền núi Thanh Hóa	Hộ GD
380	Giổi lông	<i>Michelia balansae</i> (DC.) Dandy						NV	1, 7	Thường Xuân	KBTTN Xuân Liên	x		Quan Hóa, Bá Thước, Thường Xuân, Như Xuân, Thạch Thành	Hộ GD
381	Gội nếp	<i>Aglaia spectabilis</i> (Miq.) Jain & Bennet					x			Như Xuân	VQG Bến En	x		Quan Hóa, Bá Thước, Thường Xuân, Như Xuân, Thạch Thành	Hộ GD
382	Gụ	<i>Sindora laotica</i>					x					x			
383	Hông	<i>Paulownia tomentosa</i>					x						6	Như Thanh	Hộ GD
384	Keo lá trà	<i>Acacia auriculiformis</i> A. Cunn. ex Benth	x	cành, lá	x		x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
385	Keo lai	<i>Acacia mangium</i> x <i>Acacia auriculiformis</i>	x	cành, lá	x		x						2, 3, 5	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
386	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i> Willd	x	cành, lá			x						2, 5	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
387	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss.	x	cành, lá			x					2,5	Các huyện miền núi Thanh Hóa	Hộ GD
388	Lát xoan	<i>Choerospondias axillaris</i>					x				x			
389	Lim xanh	<i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.	x	cành, lá, cây con	x	x		NV	1	Như Xuân	VQG Bến En	2,5	Các huyện miền núi Thanh Hóa	Hộ GD
390	Lim xẹt	<i>Peltophorum dasyrrhachis</i> (Miq.) Kurz	x	cành, lá			x					6	Các huyện miền núi Thanh Hóa	Hộ GD
391	Luồng	<i>Dendrocalamus membranaceus</i> Munro	x	cành, lá	x	x	x					5	Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Ngọc Lặc	Hộ GD
392	Lòng mang	<i>Pterospermum venustum</i>					x				x			
393	Máu chó lá nhỏ	<i>Knema globularia</i>					x				x			
394	Mắc ca	<i>Macadamia tetraphylla</i> L.A.S. Johnson	x	cành, lá			x					5	Thạch Thành, Cẩm Thủy	Hộ GD
395	Mây	<i>Calamus tetradactylus</i>					x					6	Các huyện miền núi Thanh Hóa	Hộ GD
396	Mỡ	<i>Mangletia conifera</i> Dandy	x	cành, lá				NV	1,7	Thường Xuân	KBTTN Xuân Liên	6	Các huyện miền núi Thanh Hóa	Hộ GD
397	Mun	<i>Diospyros mun</i> A. Chev. ex Lecomte					x					x	Quan Hóa, Bá Thước, Thường Xuân, Như Xuân	Hộ GD



TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
398	Muồng đen	<i>Senna siamea</i> (Lamk.) Irwin & Barneby	x	cành, lá	x		x						4	Lanh Chánh	BQL RPH Lang Chánh
399	Nghiến	<i>Excentrodendron tonkinense</i>					x					x			
400	Nhội	<i>Bischofia javanica</i>					x					x			
401	Phay vi	<i>Duabangan grandiflora</i>					x					x			
402	Pơ mu Quế	<i>Fokienia hodginsii</i> (Dunn) A.	x	cành, lá	x	x	x	NV CV	1 6	Quan Hóa Thường Xuân	KBTTN Pù Hu KBTTN Xuân Liên	x	2, 5	Thường Xuân, Quan Sơn, Mường Lát	Hộ GD
403		<i>Cinnamomum cassia</i> BL.													
404	Ràng ràng mít	<i>Ormosia balansae</i>					x					x			
405	Re gừng	<i>Cinnamomum obtusifolium</i> , A. Chev						NV	1	Thường Xuân, Quan Hóa	KBTTN Xuân Liên, Pù Luông	x			
406	Re hương	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>	x	cành, lá				NV	1	Thường Xuân	Khu BTTN Xuân Liên	x			
407	Sa mu	<i>Cunninghamia lanceolata</i> Hook						NV	1	Quan Hóa	KBTTN Pù Hu	x			
408	Sao đen	<i>Hopea odorata</i> Roxb.	x	cành, lá			x						5	Bá thước, Thạch Thành, Cẩm Thủy	Hộ GD
409	Sau sau	<i>Liquidambar formosana</i>					x					x			

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
410	Sấu	<i>Dracontomelon duperreanum</i>					x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
411	Sến mật	<i>Madhuca pasquieri (Dubard) H. J. Lam</i>	x	cành, lá	x			NV	1	Hà Trung, Thường Xuân	BQL RPH T. Thành, Khu BTTN Xuân Liên	x		
412	Sưa	<i>Dalbergia tonkinensis Prain</i>	x	cành, lá	x		x					6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
413	Sở	<i>Camellia sasanqua Thunb,</i>	x	cành, lá	x		x					5	Hà Trung	Hộ GD
414	Song mật	<i>Calamus platyacanthus</i>					x				x			
415	Tấu mật	<i>Vatica tonkinensis</i>					x				x			
416	Tấu muối	<i>Vatica diospyroides</i>					x				x			
417	Tấu nước	<i>Vatica subglabra Merr</i>					x				x			
418	Tếch	<i>Tectona grandis L. f</i>	x	cành, lá			x					4	Như Thanh, Triệu Sơn, Mường Lát, Lang Chánh	BQL RPH Như Thanh
419	Thiên ngân	<i>Neolamarckia ambar</i>	x	cành, lá			x					4	Như Thanh, Như Xuân	Hộ GD
420	Thông Caribe	<i>Pinus caribaea</i>	x	cành, lá	x		x					4	Nghi Sơn	BQL RPH Nghi Sơn
421	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii Jet Viers</i>	x	cành, lá			x					5	Hà Trung, Nghi Sơn, Đông Sơn	BQL RPH Nghi Sơn

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
422	Thông tre	<i>Podocarpus neriifolius</i>					x					x			
423	Trai lý	<i>Garcinia fragraeoides</i> A. Chev					x					x			
424	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i> Dai & Yakovl.	x	cành, lá			x						6	Hậu Lộc	xã Triệu Lộc
425	Trám trắng	<i>Canarium album</i> (Lour.) Raeusch,	x	cành, lá	x		x						6	Các huyện miền núi Thanh Hóa	Hộ GD
426	Trám hồng	<i>Canarium bengalense</i> Roxb.,.					x					x			
427	Trầu	<i>Vernicia montana</i> Lour.	x	cành, lá	x		x						6	Ngọc Lặc, Mường Lát, Quan Hóa	Hộ GD
428	Trang	<i>Kandelia candel</i> (L.) Druce	x	cành, lá	x		x						6	Hậu Lộc, Nga Sơn	Hộ GD
429	Tre	<i>Caulis Bambusae in Taenia</i>					x						6	Các huyện miền núi Thanh Hóa	Hộ GD
430	Trùng mật	<i>Paviesia annamensis</i>					x					x			
431	Vàng tâm	<i>Manglietia fordiana</i> Oliv.						NV	1	Thường Xuân	KBTTN Xuân Liên	x			
432	Vạng trứng	<i>Endospermum chinensis</i>					x					x			Hộ GD
433	Vầu	<i>Bambusa nutans</i> Wall. ex Munro	x	cành, lá	x	x	x						5,6	Quan Sơn, Quan Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn				Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ	Đơn vị thực hiện		(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
434	Vầu đắng	<i>Indosasa amabilis</i>					x						6	Quan Sơn, Quan Hóa	Hộ GD
435	Vối thuốc	<i>Schima wallichii Choisy</i>	x	cành, lá	x		x						6	Địa bàn Thanh Hóa	
436	Vù hương	<i>Cinnamomum balansae H. Lecomte</i>	x	cành, lá	x			NV	1	Thường Xuân	KBTTN Xuân Liên	x			
437	Xà cừ	<i>Khaya senegalensis (Desr.) A. Juss,</i>	x	cành, lá	x		x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
438	Xoan đào	<i>Pygeum arboreum</i>					x					x			
439	Xoan ta	<i>Melia azedarach L.</i>	x	cành, lá			x						5, 6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
360	Bách xanh	<i>Calocedrus macrolepis Kurz</i>						NV	1	Khu BTTN Xuân Liên	Khu BTTN Xuân Liên	x		Quan Hóa, Bá Thước, Thường Xuân, Như Xuân, Thạch Thành	Hộ GD
<b>III</b>	<b>CÂY DƯỢC LIỆU</b>														
440	Ba chẽ	<i>Dendrolobium triangulare (Retz.) Schindl.</i>					x						6	Ngọc Lặc	Hộ GD
441	Ba kích	<i>Morinda officinalis How</i>	x	cành, lá	x			CV	7	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Như Xuân	Hộ GD
442	Bạc hà	<i>Mentha arvensis L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Đông Sơn	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
443	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa Lour.</i>	x	cành, lá				CV	6	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		4	Thường Xuân, Lang Chánh	Hộ GD
444	Bạch hoa xà	<i>Plumbago zeylanica L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
445	Bán hạ	<i>Typhonium trilobatum</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Cắm Thủy	Hộ GD
446	Bảy lá một hoa	<i>Paris polyphylla Sm</i>					x						4	Bá Thước	Hộ GD
447	Bình vôi	<i>Stephania Glabra (Roxb.) Miers</i>						NV, CV	1, 5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		5,6	Cắm Thủy	Hộ GD
448	Bồ bồ	<i>Adenosma indiana (Lour.) Merr.</i>	x	cành, lá				CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Nông Công	Hộ GD
449	Bồ cốt toái	<i>Drynaria boniichrist.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
450	Bồ cu vẽ	<i>Breynia fruticosa</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
451	Bưởi bung	<i>Acronychia pedunculata (L.) Miq.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
452	Cà độc dược	<i>Datura metel L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Quảng Xương	Hộ GD
453	Cà gai leo	<i>Solanum hainanense Hance</i>	x	cành, lá	x			CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		5	Ngọc Lặc, Bá Thước, Cắm Thủy	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
454	Cam thảo dây	<i>Abrus precatorius</i> L.						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Thường Xuân, Như Xuân	Hộ GD
455	Cam thảo nam	<i>Scoparia dulcis</i> L.						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Thường Xuân, Như Xuân	Hộ GD
456	Cát sâm	<i>Millettia speciosa</i> Champ	x	cành, lá				CV	6	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Thường Xuân, Như Xuân	Hộ GD
457	Cây nhài	<i>Jasminum sambac</i> (L) Sit						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
458	Chè dây	<i>Ampelopsis cantoniensis</i> (Hook. & Arn.) K. Koch,						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân	Hộ GD
459	Cỏ sữa lá nhỏ	<i>Euphorbia thymifolia</i> L.						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Quảng Xương	Hộ GD
460	Cỏ sữa lá to	<i>Euphorbia hirta</i> L.						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Quảng Xương	Hộ GD
461	Cỏ xước	<i>Achyranthes aspera</i> L.						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
462	Cối xay	<i>Hibiscus sabdariffa</i> L.						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
463	Cốt khí củ	<i>Polygonum cuspidatum</i> Sieb.et.Zucc.						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
464	Dây đau xương	<i>Tinospora sinensis Merr.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
465	Dong ta	<i>Canna edulis Ker Gaw</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Cẩm Thủy	Hộ GD
466	Đơn châu chấu	<i>Aralia armata (Wall. ex G. Don) Seem.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
467	Đơn đỏ	<i>Ixora coccinea L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Ngọc Lặc	Hộ GD
468	Đơn mặt trời	<i>Excoecaria cochinchinensis Lour.</i>								TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
469	Đơn trắng	<i>Ixora finlaysoniana Wall. ex G. Don</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
470	Gai	<i>Boehmeria nivera (L.) Gaudich.</i>	x	cành, lá				CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		5	Cẩm Thủy, Thạch Thành, Thọ Xuân.	Hộ GD
471	Giảo cổ lam	<i>Gynostemma pentaphyllum</i>						CV	6	Bá Thước	KBTTN Pù Luông		5	Quan Hóa, Bá Thước.	Hộ GD
472	Gừng TH	<i>Zingiber officinale Roscoe,</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Thường Xuân, Như Xuân.	Hộ GD
473	Gừng Trâu	<u><i>Zingiber officinale Roscoe,</i></u>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Thường Xuân, Như Xuân.	Hộ GD
474	Hà thủ ô đỏ	<i>Fallopia multiflora (Thunb.).</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Cẩm Thủy, Quan Hoá	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
475	Hà thủ ô trắng	<i>Streptocaulon juvenas (Lour.) Merr.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Ngọc Lặc, Quan Sơn	Hộ GD
476	Hồ vĩ mép lá trắng	<i>Sansevieria trifasciata Hort. ex Prain.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
477	Hoa hiên	<i>Hemerocallis fulva L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Quảng xương	Hộ GD
478	Hồi đầu thảo	<i>Tacca phantaginea (Hance) Drenth.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
479	Húng chanh	<i>Plectranthus amboinicus (Lour.) Spreng.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Đông Sơn, Hà Trung	Hộ GD
480	Hương lâu	<i>Dianella ensifolia (L.) DC.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
481	Hương nhu tía	<i>Ocimum tenuiflorum L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Đông Sơn, Thường Xuân	Hộ GD
482	Hương nhu trắng	<i>Ocimum gratissimum L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Đông sơn, thường xuân	Hộ GD
483	Hy thiêm	<i>Sigesbeckia orientalis</i>	x	cành, lá	x	x		CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		4	Thạch Thành	Hộ GD
484	Ké đầu ngựa	<i>Xanthium strumarium L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			



TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
485	Khổ qua quả nhỏ	<i>Momordica charantia L</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Bá Thước, Lang Chánh, Ngọc Lặc	Hộ GD
486	Khổ sâm	<i>Croton tonkinensis Gagnep.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
487	Khúc khắc	<i>HetkhawcsHeteros erythrantha Baill.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Thường Xuân, Như Xuân	Hộ GD
488	Kim ngân	<i>Lonicera japonica Thunb.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Đông Sơn	Hộ GD
489	Lá khô	<i>Ardisia silvestris</i>						CV		TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		5	Như Thanh, Cẩm Thủy, Bá Thước	Hộ GD
490	Lầu	<i>Psychotria rubra (Lour) Poir.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
491	Lô hội	<i>Aloe vera var. chinensis (Haw) Berger.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
492	Lõi tiền	<i>Stephania ionga Lour.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
493	Mạch môn	<i>Ophiopogon japonicus (L. f.) Ker-Gawl.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
494	Mần tưới	<i>Eupatorium fortunei Turcz.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
495	Mật gấu	<i>Eurycoma longifolia Jack</i>						CV	5	TP T.Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
496	Mỏ quạ nam	<i>Maclura cochinchinensis (Lour.) Corn.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
497	Móc điều	<i>Caesalpinia Decapetala</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
498	Mức hoa trắng	<i>Holarrhena antidysenterica (Roxb. ex Flem.) A.DC</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
499	Náng hoa trắng	<i>Crinum asiaticum L.</i>	x	cành, lá				CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
500	Nga truật	<i>Curcuma zedoaria (Christm.) Roscoe</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Cầm Thủy	Hộ GD
501	Ngãi đen	<i>Kaempferia parviflora Wall. Ex Baker</i>						NV, CV	1, 6	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		5	Lang Chánh, Bá Thước	Hộ GD
502	Nghệ Ngọc Lặc	<i>Curcuma longa L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Ngọc Lặc	Hộ GD
503	Nghệ ong	<i>Curcuma longa L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Cầm Thủy	Hộ GD
504	Nghệ trắng	<i>Curcuma aromatica Salisb</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Như Thanh	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
505	Nghệ vàng TH	<i>Curcuma longa L</i>	x	cành, lá	x			CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		5	Cầm Thủy, Thạch Thánh	Hộ GD
506	Ngũ gia bì gai	<i>Eleutherococcus trifoliatus (L.) S.Y.Hu</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Quan hoá	Hộ GD
507	Ngũ sắc	<i>Ageratum conyzoides</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
508	Ngưu tất nam	<i>Achyranthes aspera L</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
509	Nhân trần	<i>Adenosma caeruleum R. Br.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Như Thanh	Hộ GD
510	Nhọ nôi	<i>Eclipta alba Hassk</i>								TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
511	Núc nác	<i>Oroxylum indicum(L.) Kurz</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
512	Phù dung	<i>Hibiscus mutabilis L</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
513	Quýt hồng bì	<i>Clausena lansium (Lour.) Skeels</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân	Hộ GD
514	Quýt rừng	<i>Atalantia guillauminii Swingle</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
515	Rau đắng đất	<i>Polygonum aviculare L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Quảng xương	Hộ GD
516	Râu mèo	<i>Orthosiphon spiralis (Lour.) Merr.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
517	Râu hùm	<i>Tacca chantrieri Andre</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
518	Ráy gai	<i>Lasia spinosa (L.) Thwaites</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
519	Sả chanh	<i>Cymbopogon citratus (DC. ex Nees) Stapf</i>	x	cành, lá	x			CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Thạch thành, thợ xuân	Hộ GD
520	Sả Java	<i>Cymbopogon winterianus</i>								TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		5	Thạch Thành	Hộ GD
521	Sa nhân tím	<i>Amomum longiligulare T. L. Wu.</i>	x	cành, lá				NV, CV	1, 6	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		5,6	Quan Hóa, Bá Thước	Hộ GD
522	Sa sâm việt	<i>Launaea sarmentosa (Willd.) Alston</i>	x	cành, lá	x			CV	7	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Quảng Xương, Vĩnh Lộc	Hộ GD
523	Sachi	<i>Plukenetia volubilis</i>	x	cành, lá				CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Thường Xuân	Hộ GD
524	Sâm báo	<i>Abelmoschus moschatus ssp. tuberosus (Span.) Borss.</i>	x	cành, lá	x	x		CV	7	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		5	Vĩnh Lộc, Thạch Thành	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
525	Sâm cau	<i>Cuculigo orchioides Gaernt</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Quan hoá	Hộ GD
526	Sâm đại hành	<i>Eleutherine bulbosa (Mill.) Urb.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
527	Sâm đất	<i>Talinum fruticosum</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
528	Sâu đầu cát chuột	<i>Brucea javanica (L.) Merr.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
529	Sinh địa	<i>Rehmannia glutinosa (Gaertn.) Libosch. ex Steud.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
530	Sử quân tử	<i>Quisqualis indica L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
531	Tam lăng	<i>Curculigo Gracilis (Kurz) Wall. ex Hook.f.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
532	Tam thất nam	<i>Kaempferia rotunda L.,</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
533	Thạch xương bò	<i>Asorus gramineus Soland.</i>						CV	5	TP T. Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
534	Thanh cao hoa vàng	<i>Artemisia annua L</i>						CV	5	TP T. Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
535	Thầu dầu tía	<i>Ricinus communis L</i>						CV	5	TP T.Hóa	TT D. Liệu BTB	x			

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
536	Thiên môn đông	<i>Asparagus cochinchinensis (Lour.) Merr.</i>						CV	5	TP T. Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
537	Thiên niên kiện	<i>Homalomena occulta (Lour.) Schott</i>	x	cành, lá				CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Bá Thước	Hộ GD
538	Thỏm lồm đuôi tôm	<i>Polygonum chinense I.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
539	Thuốc dẫu	<i>Euphorbia tithimaloides L.,</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
540	Trinh nữ hoàng cung	<i>Crinum latifolium L.</i>								TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
541	Vọng giang nam	<i>Senna occidentalis (L.) Link</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB	x			
542	Xạ đen	<i>Ehretia asperula Zoll. &amp; Mor.</i>						NV, CV	1, 6	Quan Hóa	KBTTN Pù Luông		5	Quan Hóa, Bá Tước	Hộ GD
543	Xuyên tâm liên	<i>Andrographis paniculata (Burm. f.) Wall. ex Nees</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
544	Ý dĩ	<i>Coix lachryma-jobi L.</i>						CV	5	TP Thanh Hóa	TT D. Liệu BTB		6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
<b>IV</b>	<b>VẬT NUÔI</b>														
545	Bò lai BBB	<i>Bos taurus indicus (Blanc-Blue – Belgium)</i>						x					5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
546	Bò Brahman	<i>Brahman (Bos taurus indicus)</i>	x	máu			x						5,6	Thiệu Hoá, Đông Sơn, Hậu Lộc	Hộ GD
547	Bò lai Sind	<i>Red Sind (Bos taurus indicus)</i>	x	máu			x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
548	Bò sữa HF	<i>Holstein – Friesian</i>	x	máu			x						5,6	Thọ Xuân, Yên Định, Thiệu Hoá, Thọ Xuân, Nông Cống	Hộ GD
549	Bò vàng	<i>Bos taurus domestic Gmelin (Bos Indicus)</i>	x	máu	x	x		CV	4, 6	TP Thanh Hóa	Viện NN		3, 5	Nghi Sơn, Mường Lát, Quan Hóa	Hộ GD
550	Bò lai Droughmaster	<i>Bos taurus indicus</i>	x	máu			x						5,6	Thiệu Hoá, Đông Sơn, Hậu Lộc	Hộ GD
551	Bò Zebu	<i>Bos primigenius indicus</i>					x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
552	Chim bồ câu nội	<i>Columba palumbus</i>	x	cá thể			x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
553	Chim bồ câu Newzeland	<i>Streptopelia decaocto</i>	x	cá thể			x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
554	Chim cút	<i>Colinus virginianus</i>	x	cá thể			x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
555	Chim trĩ đỏ	<i>Phasianus</i>	x	máu	x		x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
556	Chim yến	<i>Aerodramus fuciphagus</i>					x						6	TP Thanh Hóa	CT Thanh Tâm
557	Đê cỏ	<i>Capra aegagrus hircus</i>	x	máu	x								5,6	Như Thanh, Thạch Thành	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
558	Dê cỏ Bách thảo	<i>Capra hircus</i>	x	máu	x		x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
559	Dê Boer	<i>Boer (Capra aegagrus hircus)</i>	x	máu			x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
560	Dê sọc dưa	<i>Capra hircus</i>					x						6	Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh...	Hộ GD
561	Dúi	<i>Rhizomyinae</i>	x	cá thể			x						6	Các huyện miền núi tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
562	Gà chín cựa (tiên vua)	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>	x	máu	x		x						6	Yên Định	Hộ GD
563	Gà chọi	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>	x	máu			x						6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
564	Gà Đông Tảo	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>	x	máu			x						6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
565	Gà ISABROW	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>	x	máu			x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
566	Gà lông màu Dabaco	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>					x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
567	Gà lông màu Lương phượng	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>					x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
568	Gà lông màu Minh dư	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>	x	cá thể			x						5,6	Thọ Xuân, Yên Định, Như Thanh, T. Xuân	Hộ GD
569	Gà Mía	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>	x	cá thể			x						6	Thọ Xuân, Như Xuân, Như Thanh	Hộ GD



TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
570	Gà Phùng Dầu Sơn	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>	x	máu			x					5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
571	Gà ri	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>					x					5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
572	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>					x					4	Như Xuân	VQGBE
573	Gà rừng tai đỏ	<i>Gallus gallus</i>					x					4	Như Xuân	CT Hưng Lộc Phát
574	Gà sao	<i>N. meleagris</i>	x	máu	x		x					6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
575	Gà kha thầy	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>	x	máu	x	x	x					5	Ngọc Lặc	Hộ GD
576	Gà trắng: Isa, sacso	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>					x					5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	CT Phú Gia
577	Gà tre	<i>Gallus gallus domesticus. N</i>					x					6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
578	Hươu sao	<i>Cervus nippon pseudaxis</i>	x	máu	x		x					6	Yên Định, Nghi Sơn, Thạch Thành	Hộ GD
579	Lợn cỏ (mán)	<i>Sus scrofa domesticus</i>					x					5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
580	Lợn đen, lợn mọi	<i>Sus scrofa domesticus</i>					x					5,6	Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh...	Hộ GD
581	Lợn Duroc	<i>Sus scrofa</i>	x	máu			x					6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
582	Lợn ĩ	<i>Sus scrofa domesticus</i>	x	máu	x		x					6	Thọ Xuân	Hộ GD
583	Lợn Landrace	<i>Sus scrofa</i>	x	máu	x		x					5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
584	Lợn rừng lai	<i>Sus scrofa</i>					x						4	Lang Chánh, Quan Hóa, Mường Lát	Hộ GD
585	Lợn mán	<i>Sus scrofa domesticus</i>	x	máu	x		x						6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
586	Lợn Meishan	<i>Sus scrofa</i>	x	máu			x						4	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
587	Lợn móng cái	<i>Sus scrofa domesticus</i>	x	máu			x						6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
588	Lợn rừng (Thailand)	<i>Sus scrofa, Sus scrofa jubatus</i>					x						6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
589	Lợn Yorshire	<i>Sus scrofa</i>	x	máu	x		x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
590	Nai	<i>Cervus inicolor Equinos</i>	x	máu			x						6	Như Thanh, Thạch Thành	Hộ GD
591	Ngan R71, R51 R31	<i>Cairina scutulata; Grinaud Freres;</i>	x	cá thể			x						5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
592	Ngan ré	<i>Cairina moschata</i>	x	cá thể	x		x						6	Hậu Lộc, Nông Công, Nga Sơn...	Hộ GD
593	Ngan sen	<i>Cairina moschata</i>						CV	4	TP Thanh Hóa	Viện NN		6	Như Xuân, Quan Hóa	Hộ GD
594	Ngỗng sư tử	<i>Anserinea</i>	x	máu	x		x						6	Hậu Lộc, Nông Công, Nga Sơn...	Hộ GD
595	Ngựa	<i>Equus ferus caballus</i>		máu			x						6	Mường Lát, Quan Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
596	Nhím	<i>Hystrix brachyura</i>					x					6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
597	Ong mật	<i>Apis cerana Fabricius</i>					x					5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD, CT Ong Cẩm Thủy
598	Thỏ nội	<i>Brachylagu idahoensis</i>	x	cá thể			x					5,6	Thiệu Hóa	Trạm KN TH
599	Thỏ Newzeland	<i>Oryctolagusuniculus</i>	x	máu	x		x					5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
600	Thỏ xám	<i>Brachylagu idahoensis</i>					x					5,6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
601	Thỏ Việt-Nhật	<i>Pentalagus furnessi</i>					x					5,6	Nga Sơn	Hộ GD
602	Trâu đen	<i>Bubalus bubalis (Buffalus indicus.)</i>	x	máu	x		x					6	(Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh)	Hộ GD
603	Trĩ	<i>Phasianus</i>		máu			x					6	Địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Hộ GD
604	Vịt cánh trắng	<i>Anas strepera</i>	x	cá thể	x		x					5,6	Các huyện Đồng bằng và Trung Du	Hộ GD
605	Vịt bơ	<i>Anas strepera</i>					x					5,6	Hậu Lộc, Nông Công, Nga Sơn...	Hộ GD
606	Vịt siêu thịt	<i>Anas strepera</i>	x	cá thể			x					5,6	Hậu Lộc, Nông Công, Nga Sơn...	Hộ GD
607	Vịt cỏ	<i>Anas platyrhynchos domesticus</i>	x	cá thể			x					6	Vĩnh Lộc, Hà Trung, Quảng Xương...	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
608	Vịt Cổ lũng	<i>Anas platyrhynchos domesticus</i>	x	cá thể	x	x		CV	4	TP Thanh Hóa	Viện NN		5,6	Quan Hóa, Bá Thước	Hộ GD
609	Vịt cổ rụt	<i>Anas poecilorhyncha,</i>					x						5	Quan Hóa, Bá Thước	Hộ GD
610	Vịt bầu Thanh Quân	<i>Anas poecilorhyncha,</i>					x						6	Như Thanh	Hộ GD
611	Vịt trời	<i>Anas poecilorhyncha,</i>	x	cá thể			x						6	Địa bàn Thanh Hoá	Hộ GD
<b>V</b>	<b>THỦY SẢN</b>						x						6		
612	Cá Anh vũ	<i>(Semilabeo obscurus)</i>					x					x			
613	Cá bánh đường	<i>Evynnis cardinalis</i>					x					x			
614	Cá bò đen	<i>Tachysurus fulvidraco</i>	x	cá thể	x		x					x			
615	Cá bóng bóp	<i>Bostrichthys sinensis</i>	x	cá thể	x		x						6	Ven biên (Cửa Hói, Lạch Trường), Hà Trung.	Hộ GD
616	Cá bóng dai	<i>Mugilogobius latifrons</i>					x					x			
617	Cá bóng hoa	<i>Acanthogobius flavimanus</i>					x					x			
618	Cá bóng tượng	<i>Oxyeleotris marmorata</i>					x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
619	Cá cẵng	<i>Terapon ssp.</i>					x					x			
620	Cá cóc	<i>Tylotriton</i>	x	cá thể			x					x			

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
621	Cá chạch sông	<i>Mastacembelus armatus</i>	x	cá thể	x		x						6	Quan Hóa, Bá Thước, Lang Chánh, Thạch Thành, Thường Xuân.	Hộ GD
622	Cá chai	<i>Platycephalus indicus</i>					x					x			
623	Cá cháy	<i>Tenualosa reevesii</i>					x					x			
624	Cá chày đất	<i>Spinibarbus hollandi</i>					x					x			
625	Cá chày mắt đỏ	<i>Squaliobarbus curriculus</i>	x	cá thể	x		x					x			
626	Cá chêm	<i>Lates calrifer</i>					x						4	Ven biên Thanh Hóa	CT Trường Giang
627	Cá chép	<i>Cyprinus carpio</i>	x	cá thể			x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD
628	Cá chiên bắc	<i>Bagarius rutilus</i>	x	cá thể	x		x					x			
629	Cá chim gai	<i>Psenopsis anomala</i>					x					x			
630	Cá chim gai	<i>Psenopsis anomala</i>					x					x			
631	Cá chim vây vàng	<i>Trachinotus blochii</i>	x	cá thể	x		x					x			
632	Cá chình	<i>Anguilla marmorata</i>					x					x			
633	Cá chuối/ Cá quả	<i>Channa striata</i>	x	cá thể			x						6	Địa bàn Thanh Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
634	Cá dóc/Cá bống	<i>Spinibarbichthys denticulatus</i>	x	cá thể	x	x		NV, CV	6	Quan Hóa, Bá Thước	Hộ GD		6	Quan Hóa, Bá Thước, Cẩm Thủy	Hộ GD
635	Cá đoi	<i>Osteomugil speigleri</i>					x					x			
636	Cá đù	<i>Pennahia</i>					x					x			
637	Cá đục	<i>Sillago ssp.</i>					x					x			
638	Cá giò/Cá bớp	<i>Rachycentron canadum</i>	x	cá thể	x		x						6	Ven biên (Lạch Bạng, Cửa Hới, Lạch Trường)	Hộ GD
639	Cá hồi vân	<i>Anguilla marmorata</i>						CV	6	Quan Hóa	Hộ GD		6	Quan Hóa	Hộ GD
640	Cá hồng	<i>Lutjanus ssp.</i>					x					x			
641	Cá khê	<i>Caranx ssp</i>					x					x			
642	Cá lênh canh	<i>Coilia mystus</i>					x					x			
643	Cá Lăng chám	<i>(Hemibagrus guttatus)</i>	x	máu	x			CV	4	Thiệu Hóa	Viện NN		4	Quan Hóa, Bá Thước, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Thường Xuân	Công ty giống Thủy sản Thanh Hóa
644	Cá lẹp	<i>Thryssa setirostris</i>					x					x			
645	Cá lóc đen	<i>Channa striata Bloch</i>					x						4	Quảng Xương	Trại giống Q. Xương
646	Cá lươn	<i>Nemipterus ssp.</i>					x					x			
647	Cá mịt	<i>Tachysurus virgatus</i>					x					x			

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
648	Cá mòi cò chằm	<i>Knonsirus punctatus</i>	x	cá thể	x		x					x			
649	Cá mòi cò hoa	<i>Clupanodon thrissa</i>	x	cá thể	x		x					x			
650	Cá mòi mõm tròn	<i>Nematalosa nasus</i>					x					x			
651	Cá mòi	<i>Saurida ssp.</i>					x					x			
652	Cá mú	<i>Epinephelus ssp.</i>					x					x			
653	Cá mú đá	<i>Epinephelus bleckerii</i>	x	cá thể			x					x			
654	Cá ngạnh thường	<i>Cranoglanis boudierus</i>	x	cá thể	x	x	x					x			
655	Cá ngạnh thường	<i>Cranoglanis sinensis</i>	x	cá thể	x		x					x			
656	Cá ngạn	<i>Alepes kleinii</i>					x					x			
657	Cá ngựa	<i>Tor brevifilis</i>					x					x			
658	Cá nheo	<i>Silurus asotus</i>	x	cá thể	x		x					x			
659	Cá nhông	<i>Sphyraena ssp.</i>					x					x			
660	Cá nhụ	<i>Eleutheronema tetradactylum</i>					x					x			
661	Cá phèn	<i>Upeneus ssp</i>	x	cá thể			x					x			
662	Cá rằm xanh	<i>Sinilabeo lemassoni</i>	x	cá thể			x					x			
663	Cá rô đồng	<i>Anabas testudineus</i>					x					x			
664	Cá rô mó	<i>Coreoperca whiteheadi</i>					x					x			
665	Cá rô phi	<i>Oreochromis mossambicus</i>					x						5	Quan Hóa, Lang Chánh, Bá Thước	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
666	Cá sạo	<i>Pomadasys ssp</i>					x					x			
667	Cá sinh gai	<i>Onychostoma laticeps</i>		cá thể			x					x			
668	Cá sinh gai	<i>Varhacorhinus laticeps</i>					x					x			
669	Cá song mỡ	<i>Epinephelus tauvina</i>	x	cá thể				CV	6	Hoàng Hóa	Hội nghề cá T.Hóa		4	Ven biển (Lạch Bạng)	Hội nghề cá Thanh Hóa
670	Cá sòng nhật bản	<i>Trachurus japonicus</i>					x					x			
671	Cá song vua	( <i>Epinephelus lanceolatus</i> )					x					x			
672	Cá tầm	<i>Acipenser baerii</i>						CV	6	Quan Sơn	Hộ GD		4	Quan Sơn	UBND huyện Thường Xuân
673	Cá thát lát	<i>Notopterus notopterus</i>	x	cá thể	x		x					x			
674	Cá thèo	<i>Pterocryptis cochinchinensis</i>	x	cá thể	x		x					x			
675	Cá tráo	<i>Selar ssp</i>					x					x			
676	Cá tráp đen	<i>Acanthopagrus berda</i>					x					x			
677	Cá trắm cỏ	<i>Ctenopharyngodon idella</i>	x	cá thể			x						6	Thạch Thành, Yên Định, Hà Trung	Hộ GD
678	Cá trắm đen	<i>Myriopharyngodon piceus</i>					x						5	Thọ Xuân	DN Thành Đạt
679	Cá trắng	<i>Coregonus lavaretus</i>					x						4	Lang Chánh	CT Hà Dương
680	Cá trôi	<i>Cirrhinus molitorella</i>	x	cá thể			x						6	Quan Hóa, Bá Thước,	Hộ GD





TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
693	Tôm càng xanh	<i>Macrobrachium rosenbergii</i>					x					5	Ven biển Thanh Hóa	CT NN Sông Mã
694	Tôm hùm	<i>Panulirus ornatus</i>					x					4	Ven Đảo Mê	Hộ GD
695	Tôm rảo/tôm he	<i>Penaeus ssp.</i>	x	cá thể			x					6	Ven biển T.Hóa	Hộ GD
696	Tôm sú	<i>Penaeus monodon</i>	x	cá thể			x					6	Ven biển Thanh Hóa	Hộ GD
697	Tôm thẻ chân trắng	<i>Litopenaeus vannamei</i>					x					5	Ven biển Thanh Hóa	CT CN Hoa Quê
<b>VI</b>	<b>VI SINH VẬT, NẤM</b>													
698	Bacillus subtilis	<i>Bacillus subtilis</i>					x					5	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
699	Bacillus velezensis	<i>Bacillus velezensis</i>					x					5	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
700	Lactobacillus	<i>Lactobacillus murinus Ar3</i>					x					5	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
701	Nấm bạch cương	<i>Beauveria bassiana</i>	x	côn trùng bị bệnh	x		x					4	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
702	Nấm chân dài	<i>Clitocybe maxima</i>					x					5	Hậu Lộc	Hậu Lộc
703	Nấm đầu khi	<i>Hericium erinaceus</i>					x					5	Hoàng Hóa, Nghi Sơn, Triệu Sơn	Hộ GD
704	Nấm Fusarium	<i>Fusarium sp.</i>	x	đất			x					5	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
705	Nấm sò	<i>Pleurotus ostreatus</i>	x	cá thể				CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN	5,6	TP Thanh Hóa. Quảng Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
706	Nấm mộc nhĩ	<i>Auricularia auricula</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN		5,6	TP Thanh Hóa. Quảng Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD
707	Nấm rơm	<i>Volvariella volvacea</i>					x						5,6	TP Thanh Hóa. Quảng Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD
708	Nấm đùi gà	<i>Pleurotus eryngii</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN		5,6	TP Thanh Hóa. Quảng Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD
709	Nấm Hoàng Đế	<i>Calocybe indica</i>					x						5,6	TP Thanh Hóa. Quảng Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD
710	Nấm kim châm	<i>Flammulina velutipes</i>					x						5,6	TP Thanh Hóa. Quảng Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD
711	Nấm chân dài	<i>Clitocybe maxima</i>					x						5,6	TP T.Hóa. Q.Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD
712	Nấm hương	<i>Lentinula edodes</i>					x						5,6	TP T.Hóa. Q.Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD
713	Nấm ngọc châm	<i>Hypsizygus tessellatus</i>					x						5,6	TP T.Hóa. Q.Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng			
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng		
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm
714	Nấm trà tân	<i>Agrocybe aegerita</i>					x					5,6	TP T.Hóa. Q.Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD
715	Nấm Kim phúc	<i>Tricholoma giganteum</i>					x					5,6	TP T.Hóa. Q.Xương, Hoàng Hóa	Hộ GD
716	Nấm Đông trùng hạ thảo	<i>Ophiocordyceps sinensis</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN	5,6	TP Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp
717	Nấm Linh chi	<i>Ganoderma lucidum,</i>					x					5,6	TP Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp
718	Nấm Linh chi đỏ	<i>Ganoderma lucidum</i>	x	cá thể				CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN	5,6	TP Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp
719	Nấm mỡ	<i>Agaricus bisporus</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	Viện NN	5,6	TP Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp
720	Nấm lim xanh	<i>Ganoderma lucidum</i>	x	cá thể			x				x		TP Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp
721	Nấm men Saccharomyces	<i>Saccharomyces sp.</i>	x	thực vật			x					6	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
722	Nấm mốc Asperillus	<i>Asperillus oryzae</i>	x	thực vật	x			CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức	4	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
723	Nấm mốc Zhizopus	<i>Rhizopus oligosporus</i>	x	thực vật	x			CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức	4	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
724	Nấm tím Paecilomyces	<i>Paecilomyces lilacinus</i>	x	đất			x					4	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
725	Nấm Tricho	<i>Trichoderma harzianum</i>	x	đất	x			CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức		4	CTy Tiên Nông	Công ty Tiên Nông
726	Nấm Tricho	<i>Trichoderma asperellum</i>	x	đất	x	x		CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức		4	CTy Phú Gia	CTy Phú Gia
727	Nấm Tricho	<i>Trichoderma reesei</i>	x	đất				CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức		4	CTy Phú Gia	CTy Phú Gia
728	Azotobacter	<i>Azotobacter sp</i>					x						5	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia
729	Clostridium	<i>Clostridium sp</i>					x						5	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia
730	Bacillus	<i>Bacillus sp</i>					x						5	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia
731	Klebsilla	<i>Klebsilla sp</i>					x						5	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia
732	Arthrobacter	<i>Arthrobacter sp</i>					x						5	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia
733	Streptococcus	<i>Streptococcus thermophilus Kd2</i>					x						5	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia	CTy Tiên Nông, CTy Phú Gia
734	Beijerinckia	<i>Beijerinckia sp</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức	x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
735	Burkholderia	<i>Burkholderia sp</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức	x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
									Hóa	Đức					
736	Enterobacter	<i>Enterobacter sp</i>					x					x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
737	Pseudimonas	<i>Pseudimonas sp</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức	x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
738	Lactobacillus	<i>Lactobacillus murinus Ar3</i>					x					x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
739	Pediococcus	<i>Pediococcus acidilactici Kp6</i>					x					x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
740	Paecilomyces lilacinus	<i>Paecilomyces lilacinus</i>					x					x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
741	Verticillium lecanii	<i>Verticillium lecanii</i>					x					x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
742	Vi khuẩn Bacillus	<i>Bacillus velezensis</i>	x	đất	x	x		CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức		4	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
743	Vi khuẩn Bacillus	<i>Bacillus subtilis var. natto</i>	x	thực vật	x			CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức		4	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
744	Vi khuẩn Lactic	<i>Lactobacillus acidophilus</i>	x	thực vật	x			CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức		4	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
745	Saccharomyces cerevisiae	<i>Saccharomyces cerevisiae</i>					x					x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
746	Lactobacillus acidophilus	<i>Lactobacillus acidophilus</i>					x					x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
747	Asperillus oryzae	<i>Asperillus oryzae</i>					x					x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thu thập, tư liệu hóa	Dạng mẫu thu thập	Đánh giá		Hiện trạng bảo tồn				Hiện trạng khai thác, sử dụng				
					Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Chưa bảo tồn	Đang bảo tồn			Chưa khai thác, SD	Đang khai thác, sử dụng			
								(*) Phương thức BT	(**) Hình thức BT	Nơi BT, lưu giữ		Đơn vị thực hiện	(***) Hình thức KT,SD	Địa điểm	Đơn vị thực hiện
748	Fusarium solani	<i>Fusarium solani</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức	x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
749	Fusarium oxysporum	<i>Fusarium oxysporum</i>						CV	2	TP T Hóa	ĐH H Đức	x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
750	Rhizoctonia solani	<i>Rhizoctonia solani</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức	x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
751	Sclerotium rolfsii	<i>Sclerotium rolfsii</i>						CV	2	TP Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức	x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
752	Phomopsis asparagi	<i>Phomopsis asparagi</i>					x					x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức
753	Paecilomyces lilacinus	<i>Paecilomyces lilacinus</i>					x						5	CT Tiên Nông, CT Phú Gia	CT Tiên Nông, CT Phú Gia
754	Pediococcus	<i>Pediococcus acidilactici</i> Kp6					x						5	CT Tiên Nông, CT Phú Gia	CT Tiên Nông, CT Phú Gia
755	Pseudimonas	<i>Pseudimonas sp</i>					x						5	CT Tiên Nông, CT Phú Gia	CT Tiên Nông, CT Phú Gia
756	Vi khuẩn gây bệnh bạc lá lúa	<i>Xanthomonas oryzae</i>					x					x		ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức

**GHI CHÚ:****(\*) Phương thức bảo tồn:**

NV: Bảo tồn nguyên vị;

CV: Bảo tồn chuyển vị.

**(\*\*) Hình thức bảo tồn:**

(1) Bảo vệ sinh cảnh sống tự nhiên của loài;

- (2) Lưu giữ in-vitro;
- (3) Lưu giữ trong kho lạnh sâu;
- (4) Lưu giữ trong trang trại, ao/chuồng; đồng ruộng;
- (5) Lưu giữ cây đầu dòng trong nhà lưới;
- (6) Lưu giữ cây đầu dòng tại địa phương, duy trì đàn tại địa phương;
- (7) Lưu giữ cây đầu dòng tại Vườn thực vật, vườn lưu giữ.

**(\*\*\*) Hình thức khai thác, sử dụng:**

- (1) Đánh giá chất lượng, phục tráng giống;
- (2) Tuyển chọn cây đầu dòng, cây mẹ;
- (3) Xây dựng vườn cây đầu dòng (đối với cây trồng); đàn hạt nhân,... (đối với vật nuôi, thủy sản); chủng gốc (đối với vi sinh vật, nấm);
- (4) Xây dựng mô hình nuôi trồng thử nghiệm, sản xuất thử nghiệm;
- (5) Xây dựng mô hình nuôi trồng chuyên canh.
- (6) Mô hình sản xuất nông hộ, chăn nuôi nông hộ.



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC 200 NGUỒN GEN THU THẬP ĐÃ ĐƯỢC TƯ LIỆU HÓA**

(Kem theo Quyết định số 5139/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
1	VNN.TT.0001	Bưởi đào	<i>Citrus maxima</i> (Burm.) Merr.	x			Thọ Xuân (Lam Sơn, Bắc Lương); Ngọc Lặc (Nông trường Sông Âm).
2	VNN.TT.0002	Bưởi diên	<i>Citrus maxima</i> (Burm.) Merr.	x	x		Triệu Sơn (Dân Lý, Dân Quyền, Hợp Lý); Thọ Xuân (TT sao vàng, Bắc Lương); Nông Công (Minh Nghĩa); Lang Chánh (Giao An, Tân Phúc); Thường Xuân (Lương Sơn); Như Xuân (Hóa Quý, Xuân Quý, Xuân Hòa, Bãi Trành).
3	VNN.TT.0003	Bưởi đường	<i>Citrus maxima</i> (Burm.) Merr.	x	x		Thiệu Hóa (TT Thiệu Hóa, Thiệu Quang); Thọ Xuân (TT Lam Sơn).
4	VNN.TT.0004	Bưởi Luận Văn	<i>Citrus maxima</i> (Burm.) Merr.	x	x	x	Thọ Xuân (Thọ Xương, Xuân Bái, Lam Sơn).
5	VNN.TT.0005	Cam canh Thọ Xuân	<i>Citrus maxima</i> (Burm.) Merr.	x	x		Thọ Xuân (Xuân Lam, Lam Sơn, Bắc Lương, Bắc Sơn); Như Xuân (Xuân Hòa, Bãi Trành, Xuân Bình).
6	VNN.TT.0006	Cam Vân Du	<i>Citrus maxima</i> (Burm.) Merr.	x	x		Thạch Thành (Thị trấn Vân Du, Thạch Quảng).
7	VNN.TT.0007	Vải chua	<i>Litchi chinensis</i> Sonn.	x			Triệu Sơn (Hợp Tiên, Dân Quyền); Thọ Xuân (Thọ Hải, Sao Vàng, Xuân Phú, Xuân Lam); Thạch Thành (Thạch Bình, Thành Mỹ).
8	VNN.TT.0008	Chuối tiêu	<i>Musa acuminata</i> Colla	x			Hậu Lộc (Đại lộc, Triệu Lộc); Thiệu Hóa (Thiệu Dương).
9	VNN.TT.0009	Dứa cayenne	<i>Ananas comosus</i> (L.) Merr.	x			Thạch Thành (TT Vân Du, Thành Tâm); Hà Trung (Hà Long).
10	VNN.TT.0010	Dừa Cao	<i>Cocos nucifera</i> L.	x			Quảng Xương (Quảng Tâm, Quảng Cát, Quảng Lưu, Quảng Long); Hoằng Hóa (Hoàng Thành, Hoàng Phụ, Hoàng Lộc);.
11	VNN.TT.0011	Hồng xiêm cát	<i>Manilkara zapota</i> (L.) P.Royen	x			Huyện Thọ Xuân, Huyện Trệu Sơn.
12	VNN.TT.0012	Mận	<i>Prunus salicina</i> Lindl.	x	x		Mường Lát (Mường Chanh, Quang Chiêu, Tén Tẩn, Pù nhi, Nhi Sơn).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
13	VNN.TT.0013	Mít Thọ Tân	<i>Artocarpus heterophyllus</i> Lam.	x	x		Triệu Sơn (Thọ Tân, Minh Sơn).
14	VNN.TT.0014	Na dai	<i>Annona squamosa</i> L.	x	x		Nông Công (Minh Nghĩa, Tế Nông); Triệu Sơn (Dân lý, Dân Quyền); Quảng Xương (Quảng Hùng); Nga Sơn (Nga Văn); Cẩm Thủy (Cẩm Ngọc, Cẩm Tâm, Cẩm Liên).
15	VNN.TT.0015	Ổi lê	<i>Psidium guajava</i> L.	x	x		Thạch Thành (Thành Tâm); Hà Trung (Hà Long).
16	VNN.TT.0016	Quýt hôi	<i>Citrus reticulata</i> Blanco	x	x	x	Bá Thuộc (Ban Công, Thành Sơn, Thành Lâm, Cô lũng, Thiết Ống, Lâm Xa, Lũng Niêm, Lũng Cao).
17	VNN.TT.0017	Quýt thái	<i>Citrus reticulata</i> Blanco	x	x		Thọ Xuân (Thọ Nguyên, Xuân Thành, Xuân Khánh, Thọ Hải).
18	VNN.TT.0018	Quýt vôi	<i>Citrus reticulata</i> Blanco	x	x		Ngọc Lặc (Mỹ Tân, Vân Am, Minh Sơn).
19	VNN.TT.0019	Xoài keo	<i>Mangifera indica</i> L.	x			Như Xuân (Tân Bình, Xuân Hòa, Thanh Xuân, Thanh Lâm).
20	VNN.TT.0020	Mít mật ướt	<i>Artocarpus heterophyllus</i> Lam.	x			Triệu Sơn (TT Sim, Minh Châu, hợp Lý, Hợp Thắng, Hợp Tiến); Thọ Xuân (Thọ Duyên, Thọ Hải, Thọ Nguyên); Ngọc Lặc (Lam Sơn, Quang Trung, Kiên Thọ); Đông Sơn (Đông Khê, Đông Thanh, Đông Minh).
21	VNN.TT.0021	Vải thiều	<i>Litchi chinensis</i> Sonn.	x	x		Yên định (TT Thông Nhất, Quý Lộc, Yên Lạc...); Thạch Thành (Thạch Cẩm, Thạch Sơn, Thạch Bình, Thành Mỹ); Triệu Sơn (TT Sim, Minh Châu, hợp Lý, Hợp Thắng, Hợp Tiến); Thọ Xuân (Thọ Hải, Thọ Nguyên, Sao Vàng, Xuân Phú); Ngọc Lặc (Lam Sơn, Quang Trung).
22	VNN.TT.0022	Chanh ta	<i>Citrus aurantiifolia</i> (Christm.) Swingle	x	x		Triệu Sơn: (TT Sim, Minh Châu, Minh Sơn, hợp Lý, Hợp Thắng, Hợp Tiến, Triệu Thành); Thọ Xuân (Thọ Hải, Xuân Hồng, Sao Vàng, Xuân Phú); Yên định (TT Thông Nhất, Quý Lộc, Yên Lạc, Yên Lâm, Định Tăng, Định Thành, Định Tiến, Định Tường); Thạch Thành (Thạch Đồng, Thạch Lâm, Thạch Long, Thạch Quảng, Thạch Sơn, Thạch Tượng, Thành An, Thành Công, Thành Hưng, Thành Long, Thành Minh, Thành Mỹ, Thành Tâm).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
23	VNN.TT.0023	Nhãn lồng	<i>Dimocarpus longan</i> Lour.	x	x		Triệu Sơn (Dân Lý, Thị trấn Sim, Minh Châu, hợp Lý, Hợp Thắng, Hợp Tiến, Triệu Thành); Thọ Xuân (Thọ Hải, Thọ Nguyên, Sao Vàng, Xuân Phú); Yên định (TT Thống Nhất, Quý Lộc, Yên Lạc, Yên Lâm, Định Tăng, Định Thành, Định Tiến, Định Tường); Thạch Thành (Thạch Đồng, Thạch Lâm, Thạch Long, Thạch Quảng, Thạch Sơn, Thạch Tượng, Thành An, Thành Công, Thành Hưng, Thành Long, Thành Minh, Thành Mỹ, Thành Tâm).
24	VNN.TT.0024	Chè	<i>Camellia sinensis</i> (L.) Kuntze	x	x		Triệu Sơn (Bình Sơn).Như Xuân (Cát Tân, Cát Vân, Hóa Quý, Bình Lương, TT Yên Cát).
25	VNN.TT.0025	Cói bông trắng	<i>Cyperus tegetiformis</i> Roxb.	x	x	x	Nga Sơn (Nga Thanh Nga Liên, Nga Thủy Nga Thái, Nga Tiên, Nga Tân).
26	VNN.TT.0026	Đậu tương gié	<i>Vigna radiata</i> (L.) R. Wilczek	x			Triệu Sơn (Thọ Phú, Thọ Vực, Thọ Cường).
27	VNN.TT.0027	Dong riềng	<i>Canna</i> sp.	x	x		Cầm Thủy (Cầm Bình, Cầm Liên, Cầm Thành (Cầm Thủy); Như Thanh (Yên Lạc).
28	VNN.TT.0028	Gai xanh	<i>Boehmeria nivea</i> (L.) Gaudich.	x			Cầm Thủy (Cầm Tú, Cầm Châu, Cầm Bình, Cầm Yên, Cầm Phú, Cầm Ngọc).
29	VNN.TT.0029	Lạc gié	<i>Arachis hypogaea</i> L.	x			Quảng Xương (Quảng Minh, Quảng Tâm, Quảng Đức, Quảng Bình).
30	VNN.TT.0030	Mía LS1	<i>Saccharum</i> ssp.	x			Thọ Xuân (Xuân Phú, Sao Vàng); Cầm Thủy (Cầm Vân, Cầm Yên, Cầm Tú).
31	VNN.TT.0031	Mía tím bá thước	<i>Saccharum</i> ssp.	x	x		Bá Thước (Ban công, Thành Lâm, Thiết Ống, Ái Thượng, Lương Ngoại, Lương Trung, Đền Quang, Đền Trung).
32	VNN.TT.0032	Mía tím kim tân	<i>Saccharum</i> ssp.	x			Thạch Thành (Thành Trục, TT Kim Tân Thành An, Thạch Đồng).
33	VNN.TT.0033	Thuốc lá	<i>Nicotiana tabacum</i> L.	x			Quảng Xương (Quảng Cát, Quảng Định, Quảng Tâm, Quảng Lợi, Quảnh Nham); Hoàng Hóa (Hoàng Hà).
34	VNN.TT.0034	Khoai dong trắng	<i>Maranta arundinacea</i> L.	x	x		Như Thanh (Cán Khê).
35	VNN.TT.0035	Khoai sắn dây	<i>Pueraria thomsonii</i> Benth.	x			Như Thanh (Xuân Du); Ngọc Lạc (Ngọc Liên).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
36	VNN.TT.0036	Khoai lang lim	<i>Ipomoea batatas</i> (L.) Lam.	x	x		Thiệu Hóa (Thiệu Công, Thiệu Thành, Thiệu Tiến, Thiệu Vũ, Thiệu Ngọc); Yên Định (Yên Thái, Yên Phong, Định Liên, Định Long, Định Hải).
37	VNN.TT.0037	Khoai lang tím	<i>Ipomoea batatas</i> (L.) Lam.	x	x		Thọ Xuân (Thọ Phú); Quảng Xương (Quảng Lưu, Quảng Hải, Quảng Tâm, Quảng Phú).
38	VNN.TT.0038	Khoai môn tím	<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott	x	x		Bá Thước (Lâm Xa, Thiết Ống, Thét Kê, Văn Nho, Điền trung, Điền Quang, Lương Ngoại).
39	VNN.TT.0039	Sắn nếp	<i>Manihot esculenta</i> Crantz	x			Như Thanh, Như Xuân, Thường Xuân, Ngọc Lặc, Thạch Thành.
40	VNN.TT.0040	Lúa Bắc Thịnh	<i>Oryza sativa</i> L.	x			Thiệu Hóa (Thiệu Giang, Thiệu Phú, Thiệu Duy, Thiệu Long, Thiệu Phúc, Thiệu Công); Yên Định (Yên Thái, Yên Phong, Định Long, Định Liên).
41	VNN.TT.0041	Lúa Bắc thơm số 7	<i>Oryza sativa</i> L.	x			Triệu Sơn (Hợp Thắng, Hợp Thành, Hợp Lý).
42	VNN.TT.0042	Lúa BC15	<i>Oryza sativa</i> L.	x			Thiệu Hóa (Xã Thiệu Long, Thiệu Lý, Thiệu Tâm, Thiệu Giang, Thiệu Trung); Yên Định (Yên Thái, Yên Phong; Yên Ninh; Định Long; Định Liên; Định Hải).
43	VNN.TT.0043	Lúa nếp cái hạt cau	<i>Oryza sativa</i> L.	x	x	x	Thạch Thành (Thạch Bình, Thạch Đông); Cẩm Thủy (Cẩm Giang, Cẩm Lương, Cẩm Phú); Ngọc Lặc (Thạch Lập); Như Thanh (Mậu Lâm, Phú Nhuận, Như Thanh); Hà Trung (Hà Lĩnh).
44	VNN.TT.0044	Lúa nếp cái hoa vàng	<i>Oryza sativa</i> L.	x	x	x	Hà Trung (Hà Long, Hà Tiến, Hà Tân, Hà Sơn); Thạch Thành (Thành Thọ).
45	VNN.TT.0045	Lúa nếp Cay Nội	<i>Oryza sativa</i> L.	x	x	x	Mường Lát (Mường Chanh, Quang Chiêu, Tén Tăn, TT Mường Lát); Quan Sơn (Sơn Điện); Thường Xuân (Bát Mọt).
46	VNN.TT.0046	Lúa Nếp N 97	<i>Oryza sativa</i> L.	x			Thiệu Hóa (Thiệu Long, Thiệu Giang, Thiệu Công, Thiệu Lý, Thiệu Vận).
47	VNN.TT.0047	Lúa Q5	<i>Oryza sativa</i> L.	x			Triệu Sơn (Hợp Thành, Hợp Lý, Hợp Thắng).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
48	VNN.TT.0048	Ngô DK6919s	<i>Zea mays</i> L.	x			Yên Định (Thị trấn Thông Nhất, Quý Lộc, Yên Lạc, Yên Lâm, Định Tăng, Định Thành, Định Tiến, Định Tường); Thọ Xuân (Thọ Minh, Thọ Diên, Xuân Lam, Thọ Diên, Thọ Hải, Thọ Lâm, Thọ Lập, Thọ Lộc, Thọ Minh); Thiệu Hóa (Thiệu Nguyên, Thiệu Long, Thiệu Hòa, Thiệu Phúc, Thiệu Công, Thiệu Duy, Thiệu Đô, Thiệu Giao, Thiệu Hòa).
49	VNN.TT.0049	Ngô nếp HN90	<i>Zea mays</i> L.	x			Thọ Xuân (Thọ Minh, Thọ Diên, Xuân Lam, Xuân Lai, Nam Giang, Phú Yên, Quảng Phú, Tây Hồ); Đông Sơn (Đông Hoàng, Đông Minh); Hà Trung (Hà Long, Hà Giang, Hà Lai, Hà Châu); Thiệu Hóa (Thiệu Nguyên, Thiệu Long, Thiệu Hòa, Thiệu Phúc); Yên Định (Quý Lộc, Yên Lạc, Yên Lâm).
50	VNN.TT.0050	Bầu canh	<i>Lagenaria siceraria</i> (Molina) Standl.	x			Thiệu Hóa (Thiệu Giang, Thiệu Long, Thiệu Công, Thiệu Phú, TT Thiệu Hóa); Yên Định (Định Bình, Định Liên, Định Long, Yên Thái, Yên Ninh).
51	VNN.TT.0051	Bí xanh	<i>Benincasa hispida</i> (Thunb.) Cogn.	x			Nông Công (Minh Nghĩa, Trường Minh, Trường Giang, Thăng Long); Triệu Sơn (Dân Quyền).
52	VNN.TT.0052	Cà chua bi	<i>Solanum lycopersicum</i> L.	x	x		Thiệu Hóa (TT Thiệu hóa, Xã Thiệu Phú, Thiệu Long, Thiệu Ngọc, Thiệu Thành).
53	VNN.TT.0053	Dưa cải lê	<i>Cucumis melo</i> L.	x	x		Yên Định (Yên Thái, Yên Phong, Định Liên, Định Long, Định Hải).
54	VNN.TT.0054	Dưa chuột nếp	<i>Cucumis sativus</i> L.	x	x		Thiệu Hóa (Thiệu Công, Thiệu Phú, Thiệu Toán, Thiệu Tiến, TT Thiệu Hóa); Yên Định (Định Bình, Định Tăng, Yên Thịnh, Yên Trường); Thọ Xuân (Trường Xuân).
55	VNN.TT.0055	Dưa hấu mai an tiêm	<i>Citrullus lanatus</i> (Thunb.) Matsum. & Nakai	x	x		Nga Sơn (Nga Trung, Nga Yên, Nga An, Nga Thành, Nga trường, Nga Hưng).
56	VNN.TT.0056	Dưa kim hoàng hậu	<i>Cucumis sativus</i> L.	x			Thọ Xuân (Thị trấn Sao vàng, Thọ Lâm, Hạnh Phúc, Xuân Lai); Thiệu Hóa (TT Thiệu Hóa, Thiệu Phú, Thiệu Thành, Thiệu Toán, Thiệu Hòa); Thường Xuân (Xuân Dương, Thọ Thanh).
57	VNN.TT.0057	Khoai tây	<i>Solanum tuberosum</i> L.	x			Hậu Lộc (Hoa Lộc, Hòa Lộc, Thuần Lộc).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
58	VNN.TT.0058	Mướp hương	<i>Luffa aegyptiaca</i> Mill.	x			Nông Công (Minh Nghĩa, Minh khô); Triệu Sơn (Dân Quyền, Dân Lý); Thọ Xuân (Bắc Lương, Bắc Sơn).
59	VNN.TT.0059	Mướp đắng	<i>Momordica charantia</i> L.	x			Đông Sơn (Đông Hoàng, Đông Yên, Đông Anh); Nông Công (Tân Khang, Minh nghĩa, Minh Khôi).
60	VNN.TT.0060	Mướp mường	<i>Cardiopteris</i> sp.	x			Hậu Lộc (Đại Lộc); Mường Lát (Quang chiêu, TT Mường Lát, Pù Nhi, Nhi Sơn)
61	VNN.LN.0001	Bần chua	<i>Sonneratia caseolaris</i> (L.) Engl.	x	x		Nga Sơn (Hải Thanh, Hải Hà, Hải An, Nghi Sơn, Nga Hải, Nga Phụng); Hậu Lộc (Ngư Lộc, Hải lộc, Đa Lộc).
62	VNN.LN.0002	Bồ đề	<i>Styrax tonkinensis</i> Pierre. Craib ex Hartwiss	x	x		Mường Lát (Quang Chiêu, TT Mường Lát, Chung Lý); Quan Hóa (Khu BTTN Pù Hu).
63	VNN.LN.0003	Đậu thiều	<i>Cajanus cajan</i> (L.) Millsp.	x			Mường Lát (Quang Chiêu, Mường Chanh, TT Mường Lát, Tam Chung).
64	VNN.LN.0004	Đước đôi	<i>Rhizophora apiculata</i> Blume	x			Nghi Sơn (Hải Thanh, Hải Hà, Hải An); Nga Sơn (Nga Hải, Nga Phụng); Hậu Lộc (Ngư Lộc, Hải lộc, Đa Lộc).
65	VNN.LN.0005	Gió bầu	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	x			Quan Hóa (TT Quan Hoá); Ngọc Lặc (Quang Trung), Hà Trung (Hà Lĩnh).
66	VNN.LN.0006	Giổi ăn hạt	<i>Michelia tonkinensis</i> A. Chev	x	x		Ngọc Lặc (Cao Sơn, Minh Sơn); Lang Chánh (Tân Phúc); Quan Hóa (TT Quan Hoá); Thường Xuân, (Tân Thành, Khu BTTN Xuân liên); Quan Sơn (Mường Mìn, Na Mèo); Quan Hóa (Nam Động, Nam Tiến).
67	VNN.LN.0007	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i> Dandy	x	x		Ngọc Lặc (Cao Sơn, Minh Sơn); Lang Chánh (Tân Phúc); Quan Hóa (TT Quan Hoá); Thường Xuân; Quan Sơn (Mường Mìn, Na Mèo); Quan Hóa (Nam Động, Nam Tiến); Mường Lát (Trung Lý).
68	VNN.LN.0008	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i> A. Cunn. ex Benth.	x			Ngọc Lặc (Cao Ngọc, Minh Sơn); Hà Trung (Hà Tân).
69	VNN.LN.0009	Keo lai	<i>Acacia mangium</i> x <i>Acacia auriculiformis</i>	x			Ngọc Lặc, Thạch Thành, Lang Chánh, Thường Xuân; Như Thanh, Như Xuân, Nghi Sơn, Quan Hóa, Bá Thước.

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
70	VNN.LN.0010	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i> Willd.	x			Ngọc Lặc, Thạch Thành, Lang Chánh, Thường Xuân; Như Thanh, Như Xuân, Nghi Sơn, Quan Hóa, Bá Thước.
71	VNN.LN.0011	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss.	x	x		Ngọc Lặc (Minh Tiên, Minh Sơn, Cao Ngọc, Cao Sơn); Thạch Thành (Phổ Cát, Vân Du); Như Xuân (Cát Vân, Thanh Phong); Như Thanh (Mậu Lâm); Mường Lát (Quảng Chiêu, Mường Chanh, Tam Chung).
72	VNN.LN.0012	Lim xanh	<i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.	x	x	x	Như Xuân (Xuân Hoà, VQG Bên En); Hà Trung (Hà Tân); Cẩm Thủy (Cẩm tú), Thường Xuân (BQL rừng phòng hộ Thường Xuân, Khu bảo tồn Xuân Liên); Quan Hóa (Khu bảo tồn Pù Hu, Pù Luông, Nam Động).
73	VNN.LN.0013	Lim xẹt	<i>Peltophorum pterocarpum</i> (DC.) K.Heyne	x			Thường Xuân (BQL rừng phòng hộ Thường Xuân); Như Xuân (Vườn Quốc gia Bên En); Thường Xuân (Khu bảo tồn Xuân Liên); Quan Hóa (Khu bảo tồn Pù Hu, Pù Luông, Nam Động).
74	VNN.LN.0014	Luồng	<i>Dendrocalamus membranaceus</i> Munro	x	x	x	Ngọc Lặc, Lang Chánh, Quan Sơn, Quan Hóa, Thường Xuân (Yên Nhân, Bát Mọt); Mường Lát (Trung lý, Mường Lý, Quang Chiêu, Mường Chanh); Thạch Thành (Phổ Cát); Như Thanh (Mậu Lâm);...
75	VNN.LN.0015	Mắc ca	<i>Macadamia tetraphylla</i> L.A.S. Johnson	x			Thạch Thành (Phổ Cát); Cẩm Thủy (Cẩm Tân, Cẩm Phong, Cẩm Tú); Như Thanh (Thanh Tân).
76	VNN.LN.0016	Mỡ	<i>Magnolia chevalieri</i> (Dandy) V.S.Kumar	x	x		Lang Chánh (Tân Phúc, Đông Lương, Trí Nang, Giao Thiện); Ngọc Lặc (Minh Sơn); Quan Hóa (TT Quan Hoá); Thường Xuân; Quan Sơn (Mường Mìn, Na Mèo); Quan Hóa (Nam Động, Nam Tiên).
77	VNN.LN.0017	Muồng đen	<i>Senna siamea</i> (Lam.) Irwin et Barneby	x			Lang Chánh (Tân Phúc, Đông Lương, Trí Nang, Giao Thiện); Quan Hóa (TT Quan Hoá, Nam Động, Nam Tiên); Ngọc Lặc (Minh Sơn, Cao Ngọc, Cao Sơn); Quan Sơn (Mường Mìn, Na Mèo); Thạch Thành (Phổ Cát, Vân Du, Thành Mỹ); Như Thanh (Cát Vân, Thanh Phong, Mậu

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
							Lâm).
78	VNN.LN.0018	Quế	<i>Cinnamomum cassia</i> BL.	x	x	x	Làng Chánh (Tân Phúc); Thường Xuân (BQL rừng phòng hộ Thường Xuân); Quan Sơn (Na Mèo).
79	VNN.LN.0019	Re hương	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack) Meisn.	x	x		Làng Chánh (Tân Phúc, Đông Lương, Trí Nang, Giao Thiện); Ngọc Lặc (Mính Sơn, Cao Ngọc, Cao Sơn); Quan Hóa (TT Quan Hoá, Nam Động, Nam Tiến, Khu bảo tồn Pù Hu, Pù Luông); Thường Xuân (BQL rừng phòng hộ Thường Xuân, Khu BTTN Xuân Liên); Quan Sơn (Mường Mìn, Na Mèo); Quan Hóa (Nam Động, Nam Tiến); Như Xuân (Vườn Quốc gia Bến En).
80	VNN.LN.0020	Sao đen	<i>Hopea odorata</i> Roxb.	x			Cắm Thủy (Cắm phong, Cắm tú); Ngọc Lặc (Mính Sơn, Phúc Thịnh); Thạch Thành (Phổ Cát, Cát Vân, Thành Mỹ); Bá Thước (Ban Cồng, Ái Thượng).
81	VNN.LN.0021	Sến mật	<i>Madhuca pasquieri</i> (Dubard) H.J.Lam	x	x		Hà Trung (Hà Tân, Hà Lĩnh, Hà Đông), VQG Bến En, Khu BTTN Pù Hu, Pù Luông.
82	VNN.LN.0022	Sở	<i>Camellia sasanqua</i> Thunb.	x	x		Hà Trung (Hà Tân, Hà Lĩnh, Hà Đông, Hà Sơn).
83	VNN.LN.0023	Sưa	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain	x			Hà Trung (Hà Tân, Hà Lĩnh, Hà Sơn, Hà Tiến); Ngọc Lặc (Vâm Am, Mính Sơn, Cao Ngọc); Yên Định (Yên Lâm); Thạch Thành (Phổ Cát, Cát Vân, Vân Du, Thành Mỹ).
84	VNN.LN.0024	Tếch	<i>Tectona grandis</i> L.f.	x			Mường Lát (TT Mường Lát); Như Thanh (Thanh Kỳ, Mậu Lâm, Phượng Nghi, RPH Như Thanh); Triệu Sơn (Sim).
85	VNN.LN.0025	Thông Caribe	<i>Pinus caribaea</i> Morelet	x	x		Hà Trung (Hà Lĩnh); Nghi Sơn (Nguyên Bình, Rừng phòng hộ Nghi Sơn).
86	VNN.LN.0026	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i> Jungh. & de Vriese	x	x		Hà Trung (Hà Sơn, Hà Ninh, Hà Lâm, Lĩnh Toại, Hà Lai); Nghi Sơn (Rừng phòng hộ Nghi Sơn); Đông Sơn (TT Rừng Thông).



TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
87	VNN.LN.0027	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i> <i>Dai &amp; Yakovl</i>	x			Hậu Lộc (Triệu Lộc); Lang Chánh (Tân Phúc, Đồng Lương, Trí Nang, Giao Thiện)Ngọc Lặc (Minh Sơn, Cao Ngọc, Cao Sơn); Thường Xuân (BQL rừng phòng hộ Thường Xuân, Khu bảo tồn Xuân Liên); VQG Bến En, Khu bảo tồn Pù Hu, Pù Luông.
88	VNN.LN.0028	Trám trắng	<i>Canarium album</i> (Lour.) DC.	x	x		BQL rừng phòng hộ Thường Xuân, Vườn Quốc gia Bến En, Khu bảo tồn Xuân Liên, Khu bảo tồn Pù Hu, Pù Luông.
89	VNN.LN.0029	Trang	<i>Kandelia candel</i> (L.) Druce	x			Nghi Sơn (Hải Thanh, Hải Hà, Hải An); Nga Sơn (Nga Hải, Nga Phụng); Hậu Lộc (Ngư Lộc, Hải lộc, Đa lộc); Hoàng Hóa (Hoàng Châu).
90	VNN.LN.0030	Trầu	<i>Vernicia montana</i> Lour.	x			Mường Lát (TT Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý); Thạch Thành (Phổ Cát); BQL rừng phòng hộ Thường Xuân.
91	VNN.LN.0031	Vầu	<i>Bambusa nutans</i> Wall. ex Munro	x	x	x	Quan Sơn (TT Sơn Lư, Tam Lư); Lang Chánh (Giao Thiện, Giao An); Quan Hóa (TT Quan Hoá, Động); Quan Sơn (Mường Mìn, Na Mèo).
92	VNN.LN.0033	Vù hương	<i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte	x			Thường Xuân (Xuân Cầm, BQL rừng phòng hộ Thường Xuân, Khu bảo tồn Xuân Liên); Vườn Quốc gia Bến En, Khu bảo tồn Pù Hu, Pù Luông.
93	VNN.LN.0034	Xà cừ	<i>Khaya senegalensis</i> (Desr.) A. Juss,				Lang Chánh (Tân phúc, Đồng Lương,Trí Nang, Giao thiện); Ngọc Lặc (Minh Sơn, Tân phúc); trồng phân tán ở hầu hết các huyện trên địa bàn Thanh Hóa.
94	VNN.LN.0035	Xoan đào	<i>Prunus arborea</i> (Blume) Kalkman	x			Ngọc Lặc (Vâm Am, Minh Sơn); Lang Chánh (Tân Phúc, Trí Nang); BQL RPH Lang Chánh. BQL RPH Như Thanh, VQG Bến En,...

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
95	VNN.LN.0036	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i> L.	x	x		Làng Chánh (Tân Phúc, Đồng Lương, Trí Nang, Giao Thiện, Tân Phúc), Ngọc Lặc (Cao Ngọc, Cao Sơn); trồng phân tán ở hầu hết các huyện trên địa bàn Thanh Hóa.
96	VNN.LN.0032	Vạng trứng	<i>Endospermum chinensis</i> Benth	x			Thường Xuân (Khu BTTN Xuân Liên, BQL RPH Thường Xuân, xã Yên Nhân, xã Bát Mọt,...); Huyện Lang Chánh (Rừng phòng hộ Lang Chánh, xã Tân Phúc, xã Yên Khương,...), Như Xuân (VQG Bể En).
97	VNN.DL.0001	Thiên niên kiện	<i>Homalomena occulta</i> (Lour.) Schott	x			Bá Thước (Điền Trung, Điền Hạ); Làng Chánh (Tân Phúc, BQL rừng phòng hộ lang Chánh).
98	VNN.DL.0002	Nghệ vàng	<i>Curcuma longa</i> Linnaeus	x	x		Thạch Thành (Thạch quảng, Thạch bình, Thành Vân); Cẩm Thủy (Cẩm Thành, Cẩm Tân, Cẩm Long, Cẩm Bình, Bình Hòa); Như Thanh (Yên Thọ); Quan Sơn (Sơn Điện).
99	VNN.DL.0003	Cà gai leo	<i>Solanum procumbens</i> Lour.	x	x		Ngọc Lặc (Quang Trung); Cẩm Thủy (Cẩm Bình); Đông Sơn (Đông Hoàng).
100	VNN.DL.0004	Sachi	<i>Plukenetia volubilis</i> L.	x			Thường Xuân (Luận Khê).
101	VNN.DL.0005	Cát sâm	<i>Nanhaia speciosa</i> (Champ. ex Benth.) J.Compton & Schrire	x			Thường Xuân (Luận Thành); Lang Chánh (Trí Nang).
102	VNN.DL.0006	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> F.C.How	x	x		Như Xuân (Thanh Lâm, Xuân Hòa).
103	VNN.DL.0007	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.	x			Thường Xuân (Luận Khê, Luận Thành); Lang Chánh (Trí Nang).
104	VNN.DL.0008	Sâm báo	<i>Abelmoschus sagittifolius</i> (Kurz) Merr.	x	x	x	Vĩnh Lộc (Vĩnh Hùng); Thạch Thành (Thành An); Quan Hóa (Nam Tiến).
105	VNN.DL.0009	Náng hoa trắng	<i>Crinum asiaticum</i> L.	x			Hoàng Hóa (Hoàng Xuân).
106	VNN.DL.0010	Gai	<i>Boehmeria nivea</i> (L.) Gaudich.	x			Cẩm Thủy (Cẩm Thành, Cẩm Tân); Thạch Thành (Thạch Quảng).
107	VNN.DL.0011	Hy thiêm	<i>Sigesbeckia orientalis</i> L.	x	x	x	Thạch Thành (Thạch Quảng).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
108	VNN.DL.0012	Sa nhân tím	<i>Wurfbainia longiligularis</i> (T.L.Wu) Škorničk. & A.D.Poulsen	x			Bá Thước (Điền Trung); Quan Hóa (Nam Động, Nam Tiến); Thường Xuân (Yên Nhân); Quan Sơn (Sơn Thủy); Cẩm Thủy (Cẩm Thành, Cẩm Liên, Cẩm Lương); Thường Xuân (Vạn Xuân, Bát Mọt).
109	VNN.DL.0013	Sả	<i>Cymbopogon citratus</i> (DC.) Stapf	x	x		Thạch Thành (Thạch Quảng).
110	VNN.DL.0014	Sa sâm việt	<i>Launaea sarmentosa</i> (Willd.) Sch.Bip. ex Kuntze	x	x		Quảng Xương (Quảng Lợi, Quảng Nham).
111	VNN.DL.0015	Bồ bồ	<i>Adenosma indianum</i> (Lour.) Merr.	x			Nông Cống (Công Bình, Đồng Lợi).
112	VNN.CN.0001	Chim bồ câu nội	<i>Columba palumbus</i> Linnaeus	x			TP Thanh Hóa (Quảng Thành); Yên Định (TT Quán Lào, Định Long, Định Bình); Như Thanh (Phú Nhuận).
113	VNN.CN.0002	Chim cút	<i>Colinus virginianus</i> (Linnaeus)	x			TP Thanh Hóa (Quảng Thành); Yên Định (TT Quán Lào, Định Long, Định Bình); Như Thanh (Phú Nhuận).
114	VNN.CN.0003	Chim trĩ (đỏ)	<i>Phasianus colchicus</i> Linnaeus	x			Yên Định (Định Long; Định Bình); Thọ Xuân (Xuân Sơn).
115	VNN.CN.0004	Gà chín cựa	<i>Gallus gallus domesticus</i> (Linnaeus)	x	x		Yên Định (TT Quán Lào; Định Bình).
116	VNN.CN.0005	Gà chọi	<i>Gallus gallus domesticus</i> (Linnaeus)	x	x		Thọ Xuân (Xuân Phong, Xuân Sơn).
117	VNN.CN.0006	Gà Đông Cảo	<i>Gallus gallus domesticus</i> (Linnaeus)	x	x		Yên Định (TT Quán Lào; Định Bình).
118	VNN.CN.0007	Gà Kha thầy	<i>Gallus gallus domesticus</i> (Linnaeus)	x	x	x	Ngọc Lặc (Thạch Lập); TP Thanh Hóa (Quảng Thành).
119	VNN.CN.0008	Gà Mía	<i>Gallus gallus domesticus</i> (Linnaeus)	x	x		Thọ Xuân (Xuân Phong, Xuân Sơn).
120	VNN.CN.0009	Gà Minh Dư	<i>Gallus gallus domesticus</i> (Linnaeus)	x	x		Thọ Xuân (Xuân Phong, Xuân Sơn).
121	VNN.CN.0010	Gà Phùng Dầu Sơn	<i>Gallus gallus domesticus</i> (Linnaeus)	x			Thọ Xuân (Xuân Phong, Xuân Sơn).
122	VNN.CN.0011	Gà Sao	<i>Numida meleagris</i> (Linnaeus)	x			Yên Định (Quán Lào).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
123	VNN.CN.0012	Bò Bratman	<i>Bos taurus indicus</i> Linnaeus	x	x		TP Thanh Hóa (Quảng Thành); Bim Sơn (Bắc Sơn); Như Thanh (Phú Nhuận).
124	VNN.CN.0013	Bò sind	<i>Bos taurus indicus</i> Linnaeus	x	x		TP Thanh Hóa (Quảng Thành); Bim Sơn (Bắc Sơn); Như Thanh (Phú Nhuận).
125	VNN.CN.0014	Bò Sữa HF	<i>Bos taurus indicus</i> Linnaeus	x	x		Thọ Xuân (Sao Vàng, Nông trường Thống nhất); Nông Công (Yên Mỹ).
126	VNN.CN.0015	Bò vàng Thanh Hóa	<i>Bos taurus indicus</i> Linnaeus	x	x	x	TP Thanh Hóa (Quảng Thành); Bim Sơn (Bắc Sơn); Như Thanh (Phú Nhuận).
127	VNN.CN.0016	Đê Bách Thảo	<i>Capra hircus</i> Linnaeus	x	x		Bim Sơn (Bắc Sơn); Cẩm Thủy (Cẩm Phong); Ngọc Lặc (Thạch Lập); TP Thanh Hóa (Quảng Thành); Thạch Thành (Thạch Long, Thành Trục, Thành Công).
128	VNN.CN.0017	Đê Boer	<i>Capra hircus</i> Linnaeus	x	x		Bim Sơn (Bắc Sơn); Cẩm Thủy (Cẩm Phong); Ngọc Lặc (Thạch Lập); TP Thanh Hóa (Quảng Thành).
129	VNN.CN.0018	Đê cỏ	<i>Capra hircus</i> Linnaeus	x	x		Bim Sơn (Bắc Sơn); Cẩm Thủy (Cẩm Phong); Ngọc Lặc (Thạch Lập); TP Thanh Hóa (Quảng Thành); Mường Lát (Tén Tằn, Tam Chung).
130	VNN.CN.0019	Dúi	<i>hizomys pruinosis</i> Blyth	x			Bim Sơn (Bắc Sơn); Cẩm Thủy (Cẩm Phong); Ngọc Lặc (Thạch Lập); TP Thanh Hóa (Quảng Thành); Bá Thước (Ban Công, Lũng Niêm); Như Thanh (Phượng Nghi).
131	VNN.CN.0020	Hươu sao	<i>Cervus nippon</i> Temminck	x	x		Yên Định (Định Long; TT Quán Lào).
132	VNN.CN.0021	Nai	<i>Rusa unicolor</i> (Kerr)	x			Yên Định (Định Long; TT Quán Lào).
133	VNN.CN.0022	Thỏ Newzeland	<i>Oryctolagus cuniculus</i> (Linnaeus)	x			TP Thanh Hóa (Quảng Thành); Như Xuân (Thanh Xuân).
134	VNN.CN.0023	Thỏ nội (Đen, Xám)	<i>Brachylagus idahoensis</i> (Merriam)	x			TP Thanh Hóa (Quảng Thành).
135	VNN.CN.0024	Trâu Đen	<i>Bubalus bubalis</i> (Linnaeus)	x	x		Cẩm Thủy (Cẩm Phong); Như Thanh (Phú Nhuận); Hà Trung (Hà Bình); Nga sơn (Nga Thủy); Thạch Thành (Thạch Quảng).
136	VNN.CN.0025	Ngan R71, R31	<i>Asarcornis scutulata</i> (Müller)	x			TP Thanh Hóa (Quảng Thành); Hậu Lộc (Thịnh Lộc).
137	VNN.CN.0026	Ngan ré	<i>Cairina moschata</i> (Linnaeus)	x	x	x	Như Xuân (Thanh Phong; Thanh Quân; Hóa Qùy).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
138	VNN.CN.0027	Ngỗng sư tử	<i>Anser anser domesticus</i> & <i>Anser cygnoides domesticus</i> Linnaeus	x			Như Xuân (Thanh Phong; Thanh Quân; Hóa Quỳ).
139	VNN.CN.0028	Vịt cánh trắng	<i>Mareca strepera</i> (Linnaeus)	x	x		Nga Sơn (Nga Thanh; Nga Thủy); Hậu Lộc (Thịnh Lộc, Cầu Lộc); Nông Cống (Yên Mỹ).
140	VNN.CN.0029	Vịt cỏ	<i>Anas platyrhynchos domesticus</i> Linnaeus	x	x		Hà Trung (Hà Yên); Vĩnh Lộc (Vĩnh Hùng, Vĩnh Thịnh).
141	VNN.CN.0030	Vịt cổ Lũng	<i>Anas platyrhynchos domesticus</i> Linnaeus	x	x	x	Bá Thước (Cổ Lũng, Lũng Niêm, Lũng Cao, Ban Công, Điền Quang, Điền Thượng).
142	VNN.CN.0031	Vịt siêu thịt (uper Heavy)	<i>Anas strepera</i> Linnaeus	x			Nga Sơn (Nga Thanh, Nga Thủy); Hậu Lộc (Thịnh Lộc, Cầu Lộc); Nông Cống (Yên Mỹ).
143	VNN.CN.0032	Vịt trời	<i>Anas poecilorhyncha</i> (Forster)	x			Thành Phố Thanh Hóa (Quảng Thành).
144	VNN.CN.0033	Lợn Duroc	<i>Sus scrofa domesticus</i> Linnaeus	x	x		Yên Định (Định Long, TT Quán Lào); Quảng Xương (Quảng Đức); Như Thanh (Phú Nhuận); Thạch Thành (Thạch Tượng).
145	VNN.CN.0034	Lợn Í	<i>Sus scrofa domesticus</i> Linnaeus	x	x		Thọ Xuân (Xuân Sơn); Thạch Thành (Công ty Dabaco)
146	VNN.CN.0035	Lợn Landrace	<i>Sus scrofa domesticus</i> Linnaeus	x	x		Yên Định (Định Long, TT Quán Lào); Quảng Xương (Quảng Đức); Như Thanh (Phú Nhuận); Thạch Thành (Thạch Tượng).
147	VNN.CN.0036	Lợn Mán	<i>Sus scrofa domesticus</i> Linnaeus	x			Yên Định (Định Long, TT Quán Lào); Quảng Xương (Quảng Đức); Như Thanh (Phú Nhuận); Thạch Thành (Thạch Tượng).
148	VNN.CN.0037	Lợn Meishan	<i>Sus scrofa domesticus</i> Linnaeus	x			Yên Định (Định Long, TT Quán Lào); Quảng Xương (Quảng Đức); Như Thanh (Phú Nhuận); Thạch Thành (Thạch Tượng).
149	VNN.CN.0039	Lợn Rừng nội, (Thailand)	<i>Sus scrofa domesticus</i> Linnaeus	x			Như Thanh (Phú Nhuận); Thạch Thành (Thạch Tượng).
150	VNN.CN.0040	Lợn Yorkshire	<i>Sus scrofa domesticus</i> Linnaeus	x	x		Yên Định (Định Long, TT Quán Lào); Quảng Xương (Quảng Đức); Như Thanh (Phú Nhuận); Thạch Thành (Thạch Tượng).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
151	VNN.TS.0001	Cá bò đen	<i>Tachysurus fulvidraco</i> (J. Richardson)	x	x		TT Lang Chánh, Thạch Lâm (Thạch Thành), Vạn Xuân (Thường Xuân), Xuân Bái (Thọ Xuân), Thị trấn Vạn Hà (Thiệu Hóa).
152	VNN. TS.0002	Cá bóng bớp	<i>Bostrychus sinensis</i> Lacepède	x	x		Thành phố Sầm Sơn, Đa Lộc (Hậu Lộc).
153	VNN. TS.0003	Cá chạch sông	<i>Mastacembelus armatus</i> (Lacepède)	x	x		Trung Lý (Mường Lát), Nam Động (Quan Hóa), Trung Hạ (Quan Sơn), Thị trấn Cảnh Nang (Bá Thước), Thị trấn Lang Chánh, Thạch Lâm (Thạch Thành), Xuân Liên (Thường Xuân), Thị trấn Vạn Hà (Thiệu Hóa), Xuân Bái (Thọ Xuân).
154	VNN. TS.0004	Cá chày mắt đỏ	<i>Squaliobarbus curriculus</i> (J. Richardson)	x	x		TT Lam Sơn (Thọ Xuân), Thị trấn Quan Hoá, Thị trấn Cảnh nang (Bá Thước), Cẩm Lương (Cẩm Thủy), Thạch Lâm (Thạch Thành), Xuân Cẩm (Thường Xuân), Thiệu Tâm (Thiệu Hoá), Hà Sơn (Hà Trung).
155	VNN. TS.0005	Cá chép	<i>Cyprinus carpio</i> (Linnaeus, 1758)	x			Phú Thanh, Phú Xuân (Quan Hóa), Cảnh Nang (Bá Thước), Cẩm Yên (Cẩm Thủy), Thạch Lâm (Thạch Thành), Yên Thái (Yên Định), Vạn Xuân (Thường Xuân), Thiệu Tâm (Thiệu Hóa), Thị trấn Hà Trung, Xuân Bái (Thọ Xuân).
156	VNN. TS.0006	Cá chiên bắc	<i>Bagarius rutilus</i> Ng & Kottelat	x	x	-	Trung Lý (Mường Lát), Hôi Xuân (Quan Hóa), Thành Sơn (Bá Thước), Cẩm Yên (Cẩm Thủy), TT Vĩnh Lộc, Xuân Cẩm (Thường Xuân).
157	VNN. TS.0007	Cá chim trắng vây vàng	<i>Trachinotus blochii</i> (Lacepede)	x			Hải Bình (Nghị Sơn), Minh Lộc, Đa Lộc (Hậu Lộc).
158	VNN. TS.0008	Cá chuối/Cá quả	<i>Channa striata</i> (Bloch)	x			TT Cẩm Thủy, Xuân Cẩm (Thường Xuân), Thị trấn Hà Trung, Xuân Bái (Thọ Xuân).
159	VNN. TS.0009	Cá dóc/Cá bông	<i>Spinibarbus denticulatus</i> (Ōshima)	x	x		Phú Xuân (Quan Hóa), Thành Sơn (Bá Thước), Cẩm Lương (Cẩm Thủy), Thị trấn Vĩnh Lộc, Vạn Xuân (Thường Xuân).
160	VNN. TS.0010	Cá giò/Cá bớp	<i>Rachycentron canadum</i> (Linnaeus)	x	x		Hải Bình (Nghị Sơn), Hải Lộc, Minh Lộc (Hậu Lộc), Hoảng Châu (Hoảng Hoá), Thành phố Sầm Sơn
161	VNN. TS.0011	Cá lăng chấm	<i>Hemibagrus guttatus</i> (Lacepede)	x	x	x	Phú Xuân (Quan Hóa), Thành Sơn (Bá Thước), Cẩm Yên (Cẩm Thủy), Thạch Lâm (Thạch Thành), Xuân Cẩm (Thường Xuân), Xuân Lai (Thọ Xuân).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
162	VNN. TS.0012	Cá mòi cờ chám	<i>Konosirus punctatus</i> (Temminck & Schlegel)	x	x		Hải Bình (Nghị Sơn), Hoằng Châu (Hoằng Hoá), Hải Lộc (Hậu Lộc), Thành phố Sầm Sơn, Xuân Lai (Thọ Xuân), Quảng Thái (Quảng Xương).
163	VNN. TS.0013	Cá mòi cờ hoa	<i>Clupanodon thrissa</i> (Linnaeus)	x	x		Hải Bình (Nghị Sơn), Hoằng Châu (Hoằng Hoá), Hải Lộc (Hậu Lộc), Xuân Lai (Thọ Xuân), Hà Sơn (Hà Trung).
164	VNN. TS.0014	Cá mú đá	<i>Epinephelus quoyanus</i> Valenciennes	x			Hải Bình (Nghị Sơn).
165	VNN. TS.0015	Cá ngành thường	<i>Cranoglanis henrici</i> (Vaillant)	x	x		TT Quan Hóa, Cẩm Lương (Cẩm Thủy), Thạch Lâm (Thạch Thành), Xuân Cẩm (Thường Xuân), Xuân Bái (Thọ Xuân), Hà Sơn (Hà Trung).
166	VNN. TS.0016	Cá ngành thường	<i>Cranoglanis boudierius</i> (J. Richardson)	x	x	x	Xuân Cẩm (Thường Xuân), Xuân Bái (Thọ Xuân).
167	VNN. TS.0017	Cá nheo	<i>Silurus asotus</i> Linnaeus	x	x		Phú Xuân (Quan Hóa), Tân Phúc (Lang Chánh), Cẩm Lương (Cẩm Thủy), Thành Yên (Thạch Thành), Xuân Cẩm (Thường Xuân), Xuân Bái (Thọ Xuân), TT Hà Trung.
168	VNN. TS.0018	Cá phèn	<i>Upeneus</i> ssp.	x			Hải Bình (Nghị Sơn), Hoằng Châu (Hoằng Hoá), Thành phố Sầm Sơn.
169	VNN. TS.0019	Cá sinh gai	<i>Onychostoma laticeps</i> Günther	x			Xuân Cẩm (Thường Xuân).
170	VNN. TS.0020	Cá song mỡ	<i>Epinephelus tauvina</i> (Forsskål)	x			Hải Bình (Nghị Sơn)
171	VNN. TS.0021	Cá thát lát	<i>Notopterus notopterus</i> (Pallas)	x	x		Xuân Cẩm (Thường Xuân), Hải Bình (Nghị Sơn).
172	VNN. TS.0022	Cá thèo	<i>Pterocryptis cochinchinensis</i> (Valenciennes)	x	x		Trung Lý (Mường Lát), Phú Xuân (Quan Hóa), Thành Sơn (Bá Thước), Thị trấn Thọ Xuân, Thạch Lâm (Thạch Thành).
173	VNN. TS.0023	Cá trắm cỏ	<i>Ctenopharyngodon idella</i> (Valenciennes in Cuvier & Valenciennes)	x			Thạch Sơn (Thạch Thành), Định Công (Yên Định), Hà Sơn (Hà Trung), Xuân Bái (Thọ Xuân).
174	VNN. TS.0024	Cá trôi	<i>Cirrhinus molitorella</i> (Valenciennes)	x			Hồi Xuân (Quan Hóa), TT Bá Thước, Cẩm Yên (Cẩm Thủy), Thành Yên (Thạch Thành), Vạn Xuân (Thường Xuân), Thiệu Tâm (Thiệu Hóa), TT Hà Trung, Xuân Bái (Thọ Xuân).

TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
175	VNN. TS.0025	Ốc đá, ốc núi	<i>Cyclophorus</i> sp.	x	x		Thành Sơn (Bá Thước), Thị trấn Lang Chánh, Ngọc Khê (Ngọc Lặc)
176	VNN. TS.0026	Ốc nhôi/Ốc bươu đồng	<i>Pila polita</i> (Deshayes)	x	x		Các địa phương trên địa bàn tỉnh.
177	VNN. TS.0027	Ngao bển tre	<i>Meretrix lyrata</i> (Sowerby)	x			Minh Lộc, Hải Lộc (Hậu Lộc), Hải Bình (Nghị Sơn).
178	VNN. TS.0028	Ngao dầu	<i>Meretrix meretrix</i> Linnaeus	x	x		Minh Lộc, Hải Lộc (Hậu Lộc), Hải Bình (Nghị Sơn).
179	VNN. TS.0029	Cua xanh	<i>Scylla</i> sp.	x			Minh Lộc (Hậu Lộc), Hải Bình (Nghị Sơn).
180	VNN. TS.0030	Ghẹ đỏ	<i>Charybdis</i> sp.	x			Đa Lộc, Minh Lộc, Hải Lộc (Hậu Lộc), Hoằng Trường, Hoằng Phụ (Hoằng Hoá), Quảng Thái, Quang Nham (Quảng Xương), Ninh Hải, Hải Hoà, Hải Bình (Nghị Sơn).
181	VNN. TS.0031	Ghẹ xanh	<i>Portunus</i> sp.	x			Đa Lộc, Minh Lộc, Hải Lộc (Hậu Lộc), Hoằng Trường, Hoằng Phụ (Hoằng Hoá), Quảng Thái, Quang Nham (Quảng Xương), Ninh Hải, Hải Hoà, Hải Bình (Nghị Sơn).
182	VNN. TS.0032	Tôm rảo	<i>Penaeus</i> ssp.	x			Đa Lộc, Minh Lộc, Hải Lộc (Hậu Lộc), Hoằng Trường, Hoằng Phụ (Hoằng Hoá), Quảng Thái, Quang Nham (Quảng Xương), Ninh Hải, Hải Hoà, Hải Bình (Nghị Sơn).
183	VNN. TS.0033	Tôm sú	<i>Penaeus monodon</i> Fabricius	x			Đa Lộc, Minh Lộc (Hậu Lộc), Hải Hoà, Hải Bình (Nghị Sơn).
184	VNN. TS.0034	Cá cóc	<i>Tylototriton</i> sp.	x			Thành Sơn (Bá Thước).
185	VNN. TS.0035	Ếch gai sần	<i>Quasipaa verrucospinosa</i> (Bourret)	x			Thành Sơn (Bá Thước).
186	VNN.NA.0001	Nấm Lim xanh	<i>Ganoderma lucidum</i> Karst	x			Viện Nông nghiệp, Quang Hiến (Lang Chánh).
187	VNN.NA.0002	Nấm Linh chi đỏ	<i>Ganoderma lucidum</i> Karst	x			Viện Nông nghiệp, Hoằng Đạo (Hoằng Hóa), Yên Thọ (Như Thanh), Thanh Lâm (Như Xuân).
188	VNN.NA.0003	Nấm Sò	<i>Pleurotus ostreatus</i> (Jacq. ex Fr.) P.Kumm.	x			Viện Nông nghiệp, Hoằng Đạo (Hoằng Hóa).
189	VNN.VS.0001	Nấm Fusarium	<i>Fusarium</i> sp.	x			Vĩnh Hưng (Vĩnh Lộc).



TT	Mã nguồn gen	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Kết quả tư liệu hóa			Khu vực phân bố, nuôi/trồng
				Điều tra, thu thập	Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	
190	VNN.VS.0002	Nấm mốc Asperillus	<i>Aspergillus oryzae</i> (Ahlburg) E. Cohn	x	x		Đông Hoà (Đông Sơn).
191	VNN.VS.0003	Nấm mốc Zhizopus	<i>Rhizopus oligosporus</i> Saito	x	x		Định Thành (Yên Định).
192	VNN.VS.0004	Nấm men Saccharomyces	<i>Saccharomyces</i> sp.	x			Định Tân (Yên Định).
193	VNN.VS.0005	Nấm tím Paecilomyces	<i>Purpureocillium lilacinum</i> (Thom) Luangsa	x			Đông Tiến (Đông Sơn).
194	VNN.VS.0006	Nấm bạch cương	<i>Beauveria bassiana</i> (Bals.-Criv.) Vuill.	x	x		Hoảng Đại (Hoảng Hóa).
195	VNN.VS.0007	Nấm Tricho	<i>Trichoderma harzianum</i> Rifai	x	x		Xuân Trường (Thọ Xuân).
196	VNN.VS.0008	Nấm Tricho	<i>Trichoderma asperellum</i> Samuels, Lieckf. & Nirenberg	x	x	x	Xuân Lập (Thọ Xuân).
197	VNN.VS.0009	Nấm Tricho	<i>Trichoderma reesei</i> Simmons	x			Nông trường Sao Vàng (Thọ Xuân).
198	VNN.VS.0010	Vi khuẩn Bacillus	<i>Bacillus velezensis</i>	x	x	x	Thành Long (Thạch Thành).
199	VNN.VS.0011	Vi khuẩn Bacillus	<i>Bacillus subtilis</i> var. <i>natto</i> (Ehrenberg) Cohn	x	x		Quảng Yên (Quảng Xương).
200	VNN.VS.0012	Vi khuẩn Lactic	<i>Lactobacillus acidophilus</i> (Moro) Hansen & Mocquot	x			Đông Ninh (Đông Sơn).

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

*(Kem theo Quyết định số 5139/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Tên nhiệm vụ	Tính cấp thiết của nhiệm vụ	Mục tiêu/Đối tượng/Số lượng nguồn gen	Địa điểm thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Cơ sở pháp lý
<b>I</b>	<b>Bảo tồn nguồn gen</b>						
<b>1</b>	<b>Danh mục nhiệm vụ bảo tồn sử dụng vốn ngân sách nhà nước được UBND tỉnh giao cho Viện Nông nghiệp thực hiện giai đoạn 2021-2025, đề nghị tiếp tục giao thực hiện giai đoạn 2026-2030</b>						
1.1	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen các giống cây trồng nông, lâm nghiệp.						
-	Bảo tồn, lưu giữ các chủng giống nầm cấp 1 trong phòng thí nghiệm	Các giống đang được nhân dân phát triển, để có giống chất lượng phục vụ sản xuất cần phải bảo tồn, phục tráng duy trì phẩm chất di truyền tốt của giống.	Bảo tồn, lưu giữ an toàn 07 giống nầm cấp 1 (nầm sò, nầm nhĩ, nầm rơm, linh chi, nầm đùi gà, nầm mỡ, nầm đông trùng hạ thảo)	Thành phố Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các địa phương trên địa bàn tỉnh	Thực hiện Quyết định số 1426 /QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
-	Lưu giữ trong phòng thí nghiệm: các giống mía, các giống nầm, giống hoa.	Các giống đang được lưu giữ là giống quý, hiếm hoặc đang bị suy giảm số lượng, có nguy cơ thất thoát cao, cần được ưu tiên bảo tồn phục vụ công tác giống.	Bảo tồn, lưu giữ trong phòng thí nghiệm các giống mía (mía Kim Tân, MD2,...), giống nầm (Nầm sò, nầm mỡ, nầm linh chi, nầm Đông trùng hạ thảo,...) và các giống hoa (Phi điệp, Dendro,...).	Thành phố Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các địa phương trên địa bàn tỉnh	
-	Bảo tồn, lưu giữ trong kho lạnh sâu các giống lúa Nếp hạt cau ( <i>Oryza sativa</i> L.), Nếp cái hoa vàng ( <i>Oryza sativa</i> L.).	Các giống đang được lưu giữ là giống canh tác nhiều năm, nên bị thoái hóa, pha tạp, cần được phục tráng, bảo tồn phục vụ chọn lưu giữ giống bản địa, chọn tạo giống mới.	Lưu giữ trong kho lạnh sâu 100 mẫu vật liệu thu thập dòng G1 Nếp hạt cau, dòng G1 Nếp cái hoa vàng). Chọn lọc được 1000-1.500 kg G2 Nếp cái hạt cau, 1000-1.500 kg G2 Nếp cái hoa vàng (cấp siêu nguyên chủng).	Thành phố Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Huyện Hà Trung, Mường Lát, Thạch Thành	
-	Bảo tồn, lưu giữ trong nhà lưới các giống Phong Lan bản địa có giá trị kinh tế tại Thanh Hóa.	Các giống có giá trị, đang được lưu giữ là giống đang bị suy giảm số lượng ở tự nhiên do khai thác quá mức, có nguy cơ thất thoát, tuyệt chủng cao, cần được ưu tiên bảo tồn.	Thu thập bổ sung, lưu giữ được 25-30 giống Phong Lan bản địa và Phong lan có giá trị kinh tế tại Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	VQG, Khu BTTN	

-	Lưu giữ trong nhà lưới cây đầu dòng bưởi Luận Văn ( <i>Citrus maxima</i> Burm. Merr.).	Bưởi luận văn là giống bưởi bản địa quý, hiện nay đang được nhân dân phát triển, để có giống chất lượng phục vụ sản xuất cần phải bảo tồn, phục tráng duy trì phẩm chất di truyền tốt của giống.	Lưu giữ 05 cây S0 bưởi Luận Văn và 27 cây S1 bưởi Luận Văn trong hệ thống nhà lưới.	Thành phố Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Huyện Thọ Xuân	
-	Bảo tồn cây đầu dòng ở vườn lưu giữ các giống cây ăn quả Mít Thọ Tân ( <i>Artocarpus heterophyllus</i> Lam.), Na dai ( <i>Annona squamosa</i> ), Hồng xiêm ( <i>Manilkara zapota</i> ), Xoài cát Hòa Lộc ( <i>Mangifera indica</i> ), Ôi không hạt ( <i>Psidium guajava</i> ).	Các giống đều là giống chủ lực, hiện nay đang được nhân dân phát triển, nhu cầu giống chất lượng ngày càng tăng; cần phải bảo tồn, phục tráng duy trì phẩm chất di truyền tốt của giống.	Chọn lọc giống, duy trì 01 vườn 200 cây ưu tú gồm: 40 cây mít Thọ Tân; 40 cây Hồng xiêm; 40 cây xoài Cát Lộc; 40 cây Na dai; 40 cây Ôi không hạt; diện tích 1 ha.	Huyện Hà Trung	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Huyện Triệu Sơn, Viện cây ăn quả Miền Nam	Thực hiện Quyết định số 1426 /QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
-	Nghiên cứu chọn tạo; duy trì, chăm sóc, bảo vệ, thu thập, trồng bổ sung nguồn giống cây lâm nghiệp chủ lực gỗ lớn, phù hợp với điều kiện Thanh Hóa.	Trồng rừng bằng cây bản địa đang được quan tâm phát triển, đòi hỏi phải có nguồn giống chất lượng, cần phải chọn lọc, thuần hóa để có nguồn giống chất lượng phục vụ sản xuất.	Điều tra, chọn lọc cây trội; duy trì, chăm sóc, bảo vệ 20 ha vườn lưu giữ; thu thập, trồng bổ sung 10-12 loài cây lâm nghiệp chủ lực gỗ lớn.	Huyện Hà Trung	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các VQG, Khu BTTN	
1.2	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vật nuôi, thủy sản,						
-	Bảo tồn giống Bò vàng Thanh Hóa ( <i>Bos taurus indicus</i> Linnaeus).	Bò vàng là giống bản địa có chất lượng thịt thơm ngon, đang bị giảm số lượng, và do nuôi chắt thả nên lai tạp với các giống địa phương (giống ngoại), cần phải bảo tồn, phục tráng chống thất thoát nguồn gen.	Chọn lọc, duy trì mô hình bảo tồn, nâng cao năng suất sinh sản đàn bò mẹ (20 bò cái và 01 bò đực giống).	Huyện Hoằng Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các địa phương khu vực phân bố nguồn gen	Thực hiện Quyết định số 1426 /QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
-	Bảo tồn giống Lợn mán ( <i>Sus scrofa domesticus</i> Linnaeus)	Lợn mán là giống bản địa có chất lượng thịt thơm ngon, đang bị giảm số lượng, và lai tạp với các giống địa phương, cần phải bảo tồn để chống thất thoát nguồn gen.	Bảo tồn, chọn lọc, duy trì đàn nhân giống Lợn mán 30 cá thể.	Huyện Hoằng Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các địa phương khu vực phân bố nguồn gen	

-	Bảo tồn giống Vịt Cổ Lũng ( <i>Anas platyrhynchos domesticus</i> Linnaeus), Ngan sen ( <i>Cairina moschata</i> ).	Vịt Cổ Lũng, Ngan Sen là giống bản địa có chất lượng thịt thơm ngon, hiện nay đang được nhân dân phát triển, để có giống chất lượng phục vụ sản xuất cần phải bảo tồn, phục tráng duy trì phẩm chất di truyền tốt của giống.	Bảo tồn, xây dựng đàn giống thuần chủng: Vịt Cổ Lũng 100 cá thể; Ngan sen 100 cá thể.	Huyện Hoàng Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Huyện Bá Thước	Thực hiện Quyết định số 1426 /QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
-	Lưu giữ an toàn và nâng cao chất lượng nguồn gen thủy sản nước ngọt: Cá lăng chấm ( <i>Hemibagrus guttatus</i> ), Cá ngạnh sông ( <i>Cranoglanis boudierius</i> J. Richardson)	Là giống bản địa có giá trị, hiện nay đang được nhân dân phát triển, để có giống chất lượng phục vụ sản xuất cần phải bảo tồn, phục tráng duy trì phẩm chất di truyền tốt của giống.	Duy trì mô hình bảo tồn đàn Cá lăng chấm 50 con; Cá ngạnh 300 cá thể, phục vụ nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh sản nhân tạo.	Huyện Thiệu Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	CTy CP Giống thủy sản Thanh Hóa	
1.3	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen Vi sinh vật, nấm						
-	Lưu giữ các chủng vi sinh vật có chức năng xử lý nước thải, chất thải, cải tạo đất ô nhiễm trong nông nghiệp.	Các vi sinh vật là thành phần quan trọng trong canh tác nông nghiệp, tuy nhiên để sử dụng hiệu quả cần phải thu thập, phân lập, lưu giữ phục vụ sản xuất các chế phẩm vi sinh, sử dụng theo các chức năng ứng dụng khác nhau.	Lưu giữ được 6 chủng vi sinh vật đã phân lập và tuyển chọn được và 3 chủng vi sinh vật tiếp nhận để sản xuất chế phẩm Bio-green.	Thành phố Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Đơn vị chuyển giao	Thực hiện Quyết định số 1426 /QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
<b>2</b>	<b>Bổ sung nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật có giá trị kinh tế cao</b>						
2.1	Bảo tồn nguồn gen cây trồng nông nghiệp						
-	Lưu giữ cây đầu dòng các giống Quýt hôi ( <i>Citrus reticulata</i> Blanco), Quýt vôi ( <i>Citrus reticulata</i> Blanco), Cam Vân Du ( <i>Citrus maxima</i> Burm. Merr.).	Là giống bản địa quý, hiện nay đang được nhân dân phát triển, để có giống chất lượng phục vụ sản xuất cần phải bảo tồn, phục tráng duy trì phẩm chất di truyền tốt của giống phục vụ sản xuất và chọn tạo giống mới.	Lưu giữ 50-100 cây/giống trong nhà lưới hoặc ở vườn lưu giữ.	Thành phố Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Huyện Bá Thước, Ngọc Lặc, Thạch Thành	Luật Trồng trọt năm 2018; Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ

-	Phục tráng, bảo tồn nguồn gen: Lúa nếp cay nội, Lúa Soong ( <i>Oryza sativa</i> L.), Lúa vòng ( <i>Oryza sativa</i> L.)	Giống bản địa có phạm vi phân bố hẹp là giống canh tác nhiều năm, nên bị thoái hóa, pha tạp, cần được phục tráng, bảo tồn phục vụ lưu giữ giống bản địa, chọn tạo giống mới.	Phục tráng, lưu giữ trong kho lạnh sâu: Mỗi giống thu thập được 100 mẫu vật liệu (dòng G1, G2), chọn lọc, lưu giữ được 1000-1.500 kg giống (siêu nguyên chủng).	Thành phố Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Huyện Mường Lát, Bá Thước	Luật Trồng trọt năm 2018, Quyết định số 703/QĐ-TTg 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ
-	Bảo tồn nguyên vị cây Trám đen ( <i>Canarium tramdenum</i> Dai & Yakovl)	Loài cây đa tác dụng, có giá trị kinh tế (cho gỗ, nhựa, quả, hạt), cần bảo tồn và phát triển.	Điều tra, đánh giá hiện trạng, xây dựng phương án bảo tồn tại chỗ nguồn gen Trám đen tại các khu vực phân bố.	Huyện Hậu Lộc, các VQG, Khu BTTN	Tuyển chọn	Các địa phương khu vực phân bố nguồn gen	Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ
-	Bảo tồn nguyên vị cây Bồ đề ( <i>Styrax tonkinensis</i> Pierre. Craib ex Hartwiss)	Loài cây đa tác dụng (cho gỗ và nhựa cánh kiến trắng, dược liệu), cần bảo tồn, nghiên cứu nhân giống phục vụ phát triển nguồn gen.	Điều tra, đánh giá hiện trạng, xây dựng phương án bảo tồn tại chỗ nguồn gen Bồ đề tại các khu vực phân bố.	Huyện Quan Hóa, Mường Lát	Khu BTTN Pù Hu	Huyện Quan Hóa, Mường Lát	Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ
2.2	Bảo tồn nguồn gen vật nuôi, thủy sản						
-	Bảo tồn nguồn gen Trâu đen ( <i>Bubalus bubalis</i> Linnaeus)	Trâu đen là giống bản địa có chất lượng thịt thơm ngon, đang bị giảm số lượng, và do nuôi chăn thả nên lai tạp với các giống địa phương (giống ngoại), cần phải bảo tồn, phục tráng chống thất thoát nguồn gen.	Bảo tồn tại chỗ, duy trì đàn bố mẹ Trâu đen 100-200 cá thể, tại một số địa phương trong tỉnh.	Địa bàn Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các địa phương khu vực phân bố nguồn gen	Luật Chăn nuôi năm 2018, Quyết định số 703/QĐ-TTg 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ
-	Bảo tồn nguồn gen Gà Kha thầy ( <i>Gallus gallus domesticus</i> Linnaeus)	Gà Kha thầy là giống bản địa có chất lượng thịt thơm ngon, có số lượng cá thể rất ít, để có giống chất lượng phục vụ sản xuất cần phải bảo tồn, phục tráng duy trì phẩm chất di truyền tốt của giống, chống thất thoát nguồn gen.	Thu thập, đánh giá, chọn lọc, xây dựng và bảo tồn đàn nhân giống 100-200 cá thể Gà kha thầy.	Huyện Ngọc Lặc	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các địa phương khu vực phân bố nguồn gen	
-	Bảo tồn nguồn gen Cá chiên bắc ( <i>Bagarius rutilus</i> Ng & Kottelat)	Là giống bản địa có giá trị, cần được nhân giống phát triển, để có giống chất lượng phục vụ sản xuất cần ưu tiên bảo tồn, phục tráng duy trì phẩm chất di truyền	Thu thập, đánh giá, xây dựng, bảo tồn đàn nhân giống 50-100 cá thể Cá chiên bắc.	Các huyện ven sông Mã	Tuyển chọn	Các địa phương khu vực phân bố nguồn gen	Luật Thủy sản năm 2017, Quyết định số 703/QĐ-TTg

-	Bảo tồn nguồn gen Cá chim trắng vây vàng ( <i>Trachinotus blochii</i> Lacépède)	tốt của giống.	Thu thập, đánh giá, chọn lọc, xây dựng, bảo tồn đàn nhân giống 50-100 cá thể Cá chim trắng vây vàng.	Hậu Lộc, Nghi Sơn	Tuyển chọn	Các địa phương khu vực phân bố nguồn gen	Luật Thủy sản năm 2017, Quyết định số 703/QĐ-TTg 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ
-	Bảo tồn nguồn gen Cá Ngạnh thường ( <i>Cranoglanis boudierius</i> J.Richardson)		Thu thập, chọn lọc, xây dựng, bảo tồn đàn nhân giống 50-100 cá thể Cá Ngạnh thường.	Các huyện ven sông Mã	Tuyển chọn	Các địa phương khu vực phân bố nguồn gen	
-	Bảo tồn, nhân giống một số nguồn gen thủy sản bản địa có biến động lớn về số lượng phục vụ hoạt động thả cá giống, tái tạo nguồn lợi thủy sản.	Thả cá giống nhằm bổ sung các nguồn gen thủy sản bị suy giảm số lượng ở các vùng biển, vùng hồ; cần đánh giá thu thập, bảo tồn và nhân giống phục vụ tái tạo nguồn lợi thủy sản.	Thu thập, đánh giá, bảo tồn, nghiên cứu kỹ thuật nhân giống một số giống cá bản địa (nước mặn, nước ngọt) có biến động lớn về số lượng phục vụ hoạt động thả cá giống, tái tạo nguồn lợi thủy sản..	Địa bàn và vùng biển Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các địa phương khu vực phân bố nguồn gen	
2.3	Bảo tồn nguồn gen Vi sinh vật, nấm						
-	Bảo tồn in-vitro các chủng VSV, nấm: Nấm mốc, Nấm Tricho, Vi khuẩn Bacillus	Bổ sung thêm các chủng vi sinh vật và nấm đối kháng phục vụ công tác phòng trừ bệnh cây trồng, và chủng nấm phục vụ cải tạo đất, sản xuất phân bón, phục vụ canh tác hữu cơ.	Lưu giữ được 6-8 chủng vi sinh vật đã phân lập và tuyển chọn được.	Thành phố Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Trường ĐH Hồng Đức	Luật Trồng trọt năm 2018
<b>II</b>	<b>Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nguồn gen</b>						
1	Điều tra, thu thập bổ sung, lập danh mục; đánh giá chất lượng, giá trị nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị.	Thu thập, đánh giá chất lượng, giá trị nguồn gen làm cơ sở cho việc bảo tồn và phát triển nguồn gen, xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn gen; xác định nguồn gen có tiềm năng phát triển phục vụ công tác khai thác, sử dụng hợp lý nguồn gen.	Điều tra, thu thập bổ sung, lập danh mục 300 nguồn gen các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật, nấm có giá trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Đánh giá chất lượng 250 nguồn gen thu thập; rà soát, hoàn thiện cơ sở dữ liệu 200 nguồn gen đã thu thập, 300 nguồn gen thu thập bổ sung.	Địa bàn và vùng biển Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa

2	Du nhập, nuôi/trồng thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế, giá trị ứng dụng.	Trong sản xuất hiện nay các nguồn gen du nhập (nhập nội) đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên cần phải du nhập giống có giá trị, phù hợp với điều kiện Thanh Hóa và cần phải nghiên cứu nuôi/ trồng thử nghiệm trước khi đưa vào sản xuất đại trà.	Du nhập, trồng thử nghiệm 3-5 giống cây trồng, 2-3 giống vật nuôi, thủy sản.	Du nhập nguồn gen ở trong nước, vùng Bắc Trung bộ, nhập nội	Tuyển chọn	Các địa phương trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
3	Duy trì, nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu nguồn gen	Cập nhật bổ sung cơ sở dữ liệu nguồn gen, nâng cấp phần mềm, điều chỉnh cấu trúc cơ sở dữ liệu nguồn gen, đảm bảo liên thông được với cơ sở dữ liệu nguồn gen quốc gia.	Cập nhật bổ sung 300 nguồn gen thu thập bổ sung. Thiết lập cấu trúc cơ sở dữ liệu song ngữ (Việt-Anh), phù hợp cơ sở dữ liệu quốc gia. Đăng ký tham gia mạng lưới quỹ gen quốc gia	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Công ty Phần mềm đủ năng lực	
<b>III</b>	<b>Khai thác, phát triển nguồn gen</b>						
<b>1</b>	<b><i>Nghiên cứu nuôi/trồng thử nghiệm, xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật nuôi, trồng</i></b>						
-	Vù hương ( <i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte)	Loài quý hiếm, có giá trị kinh tế (cung cấp gỗ, hương liệu và dược liệu), có tiềm năng phát triển cần nghiên cứu khai thác, phát triển.	Điều tra, khảo sát, xác định vùng trồng thích hợp; xây dựng 5-8 ha mô hình trồng thử nghiệm, hoàn thiện kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật trồng và chăm sóc.	Thường Xuân, Như Xuân	Tuyển chọn	Khu BTTN Xuân Liên, huyện Thường Xuân	Luật Lâm nghiệp năm 2018; Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ
-	Xoan đào ( <i>Prunus arborea</i> Blume. Kalkman)	Cây sinh trưởng nhanh, có giá trị, khả năng thích ứng rộng, dễ trồng và chăm sóc, có tiềm năng phát triển, cần nghiên cứu khai thác, phát triển.	Điều tra, khảo sát, xác định vùng trồng thích hợp; xây dựng 5-8 ha mô hình trồng thử nghiệm, hoàn thiện kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật trồng và chăm sóc.	Thường Xuân, Ngọc Lặc, Lang Chánh	Tuyển chọn	Các Khu bảo tồn	
-	Cát sâm ( <i>Nanhaia speciosa</i> Champ. ex Benth. J.Compton & Schrire)	Cây có giá trị, khả năng thích ứng rộng, dễ trồng và chăm sóc, cần nhân rộng nguồn gen.	Nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật trồng và chăm sóc, xây dựng 3-5 ha mô hình trồng thử nghiệm.	Thường Xuân, Như Xuân	Tuyển chọn	huyện Thường Xuân, Như Xuân	Luật Trồng trọt năm 2018
-	Thiên niên kiện ( <i>Homalomena occulta</i> Lour. Schott)	Cây bản địa có giá trị, phù hợp trồng dưới tán rừng, dễ trồng và chăm sóc, cần nghiên cứu nhân rộng nguồn gen.	Nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật trồng và chăm sóc, xây dựng 6-8 ha mô hình trồng thử nghiệm dưới tán rừng.	Lang Chánh, Bá Thước, Quan Hóa	Tuyển chọn	huyện Lang Chánh, Bá Thước, Quan Hóa	Luật Trồng trọt năm 2018

-	Cá lăng chám ( <i>Hemibagrus guttatus</i> Lacespede)	Là giống bản địa có giá trị đang bị giảm số lượng, cần sản xuất thử nghiệm làm cơ sở để nhân rộng nguồn gen, sản xuất hàng hóa.	Xây dựng mô hình nhân giống, nuôi thử nghiệm quy mô 8-10 lồng.	Cẩm Thủy, Bá Thước, Thường Xuân	Tuyển chọn	Các địa phương vùng nuôi	Luật Thủy sản năm 2017
-	Ếch gai sần ( <i>Quasipaa verrucospinosa</i> Bourret)	Là giống bản địa có giá trị đang bị giảm số lượng, cần sản xuất thử nghiệm làm cơ sở để nhân rộng nguồn gen, sản xuất hàng hóa.	Xây dựng mô hình nhân giống, nuôi thử nghiệm quy mô 1.500-2.000 con.	Cẩm Thủy, Bá Thước	Tuyển chọn	Các địa phương vùng nuôi	Luật Thủy sản năm 2017
-	Nấm Tricho ( <i>Trichoderma asperellum</i> )	Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm Nấm vi sinh ứng dụng trong phòng trừ bệnh hại cây trồng, góp phần giảm lượng thuốc BVTV hoá học sử dụng trong trồng trọt.	Sản xuất thử nghiệm 2-2,5 tấn chế phẩm vi sinh đối kháng bệnh trên cây trồng.	TP Thanh Hóa	Tuyển chọn	Trường ĐH Hồng Đức	Luật Trồng trọt năm 2018
-	Vi khuẩn Bacillus ( <i>Bacillus velezensis</i> )	Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm chế phẩm Vi khuẩn Bacillus ứng dụng trong phân giải nguồn chất thải hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp thành phân hữu cơ sinh học.	Sản xuất thử nghiệm 500-600 ống chế phẩm vi sinh trong phòng trị bệnh hại cây trồng và sản xuất phân vi sinh.	TP Thanh Hóa	Tuyển chọn	Trường ĐH Hồng Đức	Luật Trồng trọt năm 2018
<b>2</b>	<b><i>Xây dựng mô hình nuôi trồng chuyên canh, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị</i></b>						
-	Bưởi Luận Văn ( <i>Citrus maxima</i> Burm. Merr.)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 10-12 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Thọ Xuân, Ngọc Lặc	Tuyển chọn	Huyện Thọ Xuân	Luật Trồng trọt năm 2018
-	Quýt hôi ( <i>Citrus reticulata</i> Blanco)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 10-12 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Các huyện Trung du	Tuyển chọn	Viện Nông nghiệp	Luật Trồng trọt năm 2018
-	Lúa nếp cay nội ( <i>Oryza sativa</i> L.)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 50-60 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Các huyện miền núi	Tuyển chọn	Viện Nông nghiệp	Luật Trồng trọt năm 2018
-	Bồ đề ( <i>Styrax tonkinensis</i> Pierre. Craib ex Hartwiss)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 12-15 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Mường Lát, Quan Hóa	Tuyển chọn	Khu BTTN Pù Hu	Nghị định số 27/2021/NĐ-CP



-	Lim xanh ( <i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển sản phẩm.	Xây dựng 12-15 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Ngọc Lặc, Lang Vành	Tuyển chọn	Ngọc Lặc, Lang Vành	Nghị định số 27/2021/NĐ-CP
-	Trám đen ( <i>Canarium tramdenum</i> Dai & Yakovl)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 12-15 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Hậu Lộc, Ngọc Lặc, Lang Chánh	Tuyển chọn	Hậu Lộc, Ngọc Lặc	Nghị định số 27/2021/NĐ-CP
-	Quế ( <i>Cinnamomum cassia</i> BL.)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 12-15 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Mường Lát	Tuyển chọn	Huyện Mường Lát	Nghị định số 27/2021/NĐ-CP
-	Vầu ( <i>Bambusa nutans</i> Wall. ex Munro)	Là giống có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 20-25 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Mường Lát	Tuyển chọn	Huyện Quan Sơn	Nghị định số 27/2021/NĐ-CP
-	Hy thiêm ( <i>Sigesbeckia orientalis</i> L)	Là giống có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 6-8 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Như Xuân, Như Thanh	Tuyển chọn	Huyện Như Xuân	Luật Trồng trọt năm 2018
-	Sa sâm Việt ( <i>Launaea sarmentosa</i> Willd. Alston)	Là giống có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 6-8 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Quảng Xương	Tuyển chọn	Huyện Quảng Xương	Luật Trồng trọt năm 2018
-	Sâm báo ( <i>Abelmoschus sagittifolius</i> Kurz. Merr)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 6-8 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	Quan Hóa, Bá Thước	Tuyển chọn	Huyện Quan Hóa, Bá Thước	Luật Trồng trọt năm 2018
-	Bò vàng ( <i>Bos taurus indicus</i> Linnaeus)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng mô hình chăn nuôi trang trại, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô đàn: 150-200 con.	Địa bàn Thanh Hóa	Tuyển chọn	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Luật Chăn nuôi năm 2018
-	Vịt Cổ lũng ( <i>Anas platyrhynchos domesticus</i> Linnaeus)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng mô hình chăn nuôi trang trại, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô đàn: 20.000-30.000 con.	Địa bàn Thanh Hóa	Tuyển chọn	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Luật Chăn nuôi năm 2018
-	Gà kha thầy ( <i>Gallus gallus domesticus</i> Linnaeus)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng mô hình chăn nuôi trang trại, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô đàn: 20.000-30.000 con.	Địa bàn Thanh Hóa	Tuyển chọn	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Luật Chăn nuôi năm 2018,
-	Cá chim trắng vây vàng ( <i>Trachinotus blochii</i> Lacespede)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 8-10 ha mô hình nuôi nông hộ trong ao đất	Ven biển Thanh Hóa	Tuyển chọn	Các huyện ven biển	Luật Chăn nuôi năm 2018

-	Cá dóc ( <i>Spinibarbus denticulatus</i> Oxshima)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng 3-5 ha mô hình nuôi nông hộ trong ao đất	Miền núi Thanh Hóa	Tuyển chọn	Các huyện Miền núi	Luật Chăn nuôi năm 2018,
-	Cá ngạnh thường ( <i>Cranoglanis boudierius</i> J. Richardson)	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng mô hình nuôi cá lồng, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô: 40-50 lồng.	Các huyện ven sông mã	Tuyển chọn	Các huyện Miền núi ven sông mã	Luật Thủy sản năm 2017
-	Cua xanh ( <i>Scylla sp./ Scylla paramamosain</i> )	Là giống bản địa có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng mô hình nuôi trong nhà, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô ao nuôi 5.000-10.000m <sup>2</sup> .	Ven biển Thanh Hóa	Tuyển chọn	Các huyện ven biển	Luật Thủy sản năm 2017
-	Tôm rào ( <i>Metapenaeus ensis</i> ssp.)	Là giống bản địa có giá trị đang bị giảm số lượng, cần sản xuất thử nghiệm làm cơ sở để nhân rộng nguồn gen, sản xuất hàng hóa.	Xây dựng mô hình chuyên canh theo hướng công nghiệp (Quy mô 3000-5000 m <sup>2</sup> và quảng canh (quy mô 4-6 ha).	Ven biển Thanh Hóa	Tuyển chọn	Các huyện ven biển	Luật Thủy sản năm 2017
-	Ngao dầu ( <i>Meretrix meretrix</i> Linnaeus)	Là giống có giá trị, có tiềm năng phát triển chuỗi sản phẩm.	Xây dựng mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô: 6-8 ha.	Hậu Lộc, Nga Sơn, Hoằng Hóa	Tuyển chọn	Các huyện Ven biển Thanh Hóa	Luật Thủy sản năm 2017
<b>IV</b>	<b>Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ bảo tồn</b>						
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trạm nghiên cứu, sản xuất giống vật nuôi, thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Khảo nghiệm và dịch vụ vật nuôi - Viện Nông nghiệp.	Hiện trạng cơ sở vật chất phục vụ bảo tồn các giống vật nuôi, có quy mô nhỏ lẻ và xuống cấp, không đáp ứng được nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030. Cần sớm cải tạo nâng cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.	Hệ thống chuồng trại phục vụ bảo tồn các loài gia súc nhai lại (trâu, bò, dê, ...); tiểu gia súc (lợn, ...); gia cầm, thủy cầm và các loài vật nuôi bản địa quý hiếm khác.	Hoàng Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh hóa	Đơn vị Tư vấn	Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
2	Cải tạo, nâng cấp kho lạnh thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Khảo nghiệm và dịch vụ cây trồng - Viện Nông nghiệp.	Hiện trạng các kho lạnh đã xuống cấp, không đáp ứng được nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030. Cần cải tạo nâng cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn tới.	Cải tạo, nâng cấp 02 kho lạnh và hệ thống kho bảo quản mẫu giống; bổ sung, thay thế thiết bị phục vụ lưu giữ và bảo quản giống.	TP Thanh Hóa, Thọ Xuân	Viện Nông nghiệp Thanh hóa	Đơn vị Tư vấn	

3	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng phòng thí nghiệm; bổ sung thiết bị phục vụ bảo tồn in-vitro thuộc Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.	Hiện trạng các phòng thí nghiệm bảo tồn in-vitro đã xuống cấp, không đáp ứng được nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030. Cần sớm cải tạo, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.	Cải tạo, nâng cấp 01 phòng TN. Mua bổ sung thiết bị (tủ cấy, tủ hút độc, tủ hóa chất, tủ bảo ôn, điều hòa, dụng cụ thí nghiệm,...).	TP Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh hóa	Đơn vị Tư vấn	Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
---	--	--	---	--------------	----------------------------	---------------	--

**Phụ lục IV**  
**KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kem theo Quyết định số 5139/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Nội dung/Quy mô/Khối lượng thực hiện	Tổng	Nguồn kinh phí			
				Nguồn NSNN			Nguồn hợp pháp khác
				Nguồn SNKT	Nguồn SNKH	Nguồn đầu tư	
<b>TỔNG SỐ:</b>			<b>164.100</b>	<b>72.800</b>	<b>35.600</b>	<b>18.500</b>	<b>37.200</b>
<b>I</b>	<b>Bảo tồn nguồn gen</b>		<b>70.700</b>	<b>67.700</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<i>1</i>	<i>Danh mục nhiệm vụ bảo tồn sử dụng vốn NSNN được UBND tỉnh giao thực hiện giai đoạn 2021-2025, đề nghị tiếp tục giao thực hiện giai đoạn 2026-2030</i>		<i>34.900</i>	<i>34.900</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
1.1	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen các giống cây trồng nông, lâm nghiệp.		19.300	19.300	0	0	0
-	Bảo tồn, lưu giữ các chủng giống nấm cấp 1 trong phòng thí nghiệm	Bảo tồn, lưu giữ 07 giống nấm cấp 1 (nấm sò, mộc nhĩ, nấm rơm, linh chi, nấm đùi gà, nấm mỡ, nấm đông trùng hạ thảo)	600	600	0	0	0
-	Lưu giữ trong phòng thí nghiệm: các giống mía, giống hoa trong phòng thí nghiệm.	Bảo tồn, lưu giữ trong phòng thí nghiệm. Lưu giữ 10 bình/giống gồm các giống mía (mía Kim Tân, MD2,...), giống nấm (Nấm sò, nấm mỡ, nấm linh chi, nấm Đông trùng hạ thảo,...) và các giống hoa (Phi điệp, Dendro,...).	2.100	2.100	0	0	0
-	Bảo tồn, lưu giữ trong kho lạnh sâu các giống lúa Nếp hạt cau ( <i>Oryza sativa</i> L.), Nếp cái hoa vàng ( <i>Oryza sativa</i> L.).	Lưu giữ trong kho lạnh sâu 100 mẫu vật liệu thu thập được (30 dòng G1 Nếp hạt cau, 30 dòng G1 Nếp cái hoa vàng). Chọn lọc, duy trì được 1000-1.500 kg G2 Nếp hạt cau, 1000-1.500 kg G2 Nếp cái hoa vàng (cấp siêu nguyên chủng).	4.800	4.800	0	0	0
-	Bảo tồn, lưu giữ trong nhà lưới các giống Phong Lan bản địa có giá trị kinh tế tại Thanh Hóa.	Thu thập, lưu giữ an toàn bổ sung 10-15 giống Phong lan bản địa và Phong lan có giá trị kinh tế tại Thanh Hóa	3.000	3.000	0	0	0
-	Lưu giữ trong nhà lưới cây đầu dòng Bưởi Luận Văn ( <i>Citrus maxima</i> Burm. Merr.)	Lưu giữ an toàn nguồn gen cây đầu dòng bưởi Luận Văn trong nhà lưới ba cấp (5 cây S0, 27 cây S1).	1.500	1.500	0	0	0

-	Bảo tồn cây đầu dòng các giống cây ăn quả Mít Thọ Tân ( <i>Artocarpus heterophyllus</i> Lam.), Na dai ( <i>Annona squamosa</i> ), Hồng xiêm ( <i>Manilkara zapota</i> ), Xoài cát Hòa Lộc ( <i>Mangifera indica</i> ), Ổi không hạt ( <i>Psidium guajava</i> ).	(1) Bảo tồn chuyển chỗ: Duy trì, chăm sóc, bảo vệ, theo dõi, đánh giá 03 vườn cây ưu tú (Mít thọ Tân, Hồng xiêm, xoài Cát Lộc, Na dai, Ổi không hạt) diện tích 02 ha; tại Trạm thực nghiệm LN Hà Trung; (2) Chọn lọc giống, trồng thay thế, nâng cao chất lượng giống. (3) Bảo tồn tại chỗ: Lưu giữ, bảo vệ và chăm sóc 20 cây mít bản địa tại xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;	4.800	4.800	0	0	0
-	Nghiên cứu chọn tạo; duy trì, chăm sóc, bảo vệ, thu thập, trồng bổ sung nguồn giống cây lâm nghiệp chủ lực gỗ lớn, phù hợp với điều kiện Thanh Hóa.	(1) Duy trì, chăm sóc, bảo vệ, điều chỉnh cấu trúc tổ thành vườn lưu giữ; (2) Điều tra, chọn lọc 10-12 cây trội; (3) thu thập, trồng bổ sung 10-12 nguồn gen cây lâm nghiệp chủ lực gỗ lớn, phù hợp với điều kiện Thanh Hóa.	2.500	2.500	0	0	0
1.2	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vật nuôi, thủy sản		10.800	10.800	0	0	0
-	Bảo tồn giống Bò vàng Thanh Hóa ( <i>Bos taurus indicus</i> Linnaeus)	(1) Nghiên cứu đánh giá khả năng sản xuất của đàn sản xuất Bò vàng; (2) Chọn lọc, duy trì, nâng cao năng suất sinh sản của đàn sản xuất Bò vàng, phục vụ xây dựng mô hình phát triển nguồn gen giai đoạn 2026-2030.	3.000	3.000	0	0	0
-	Bảo tồn giống Lợn mán ( <i>Sus scrofa domestica</i> Linnaeus)	(1) Điều tra bổ sung, đánh giá hiện trạng đàn Lợn mán tại Thanh Hóa xây dựng được cơ sở dữ liệu về giống Lợn mán tại Thanh Hóa; (2) Duy trì mô hình bảo tồn đàn hạt nhân, xây dựng, hoàn thiện được Tiêu chuẩn đàn hạt nhân, đàn nhân giống, đàn thương phẩm giống lợn mán; (3) Chọn lọc, phát triển quy mô đàn hạt nhân, đàn nhân giống phục vụ phát triển sản phẩm.	1.500	1.500	0	0	0
-	Bảo tồn giống Vịt Cổ Lũng ( <i>Anas platyrhynchos domestica</i> Linnaeus), Ngan sen ( <i>Cairina moschata</i> )	(1) Duy trì mô hình bảo tồn, nâng cao chất lượng đàn thuần chủng; (2) Đánh giá xác định các tiêu chí đặc điểm ngoại hình, các tiêu chí kinh tế kỹ thuật để xây dựng đàn giống thuần chủng tại Trung tâm; (3) Xây dựng, hoàn thiện bản hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi Vịt Cổ Lũng, ngan sen tại Thanh Hóa.	1.500	1.500	0	0	0
-	Lưu giữ an toàn và nâng cao chất lượng nguồn gen thủy sản nước ngọt: Cá lăng chấm ( <i>Hemibagrus guttatus</i> ), Cá ngạnh sông ( <i>Cranoglanis boudierus</i> J. Richardson)	(1) Cảnh báo dịch bệnh cho một số đối tượng nuôi thủy sản nguy cấp, quý hiếm, có giá trị kinh tế; (2) Lưu giữ an toàn, nâng cao chất lượng nguồn gen thủy sản nước ngọt nhằm hạn chế rủi ro, thích ứng với biến đổi khí hậu, phục vụ công tác nhân giống, phát triển sản xuất bền vững; (3) Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật nuôi thương phẩm Cá lăng chấm, Cá ngạnh sông.	4.800	4.800	0	0	0

1.3	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen Vi sinh vật		4.800	4.800	0	0	0
-	Lưu giữ các chủng vi sinh vật ứng dụng trong sản xuất chế phẩm Biogreen.	(1) Lưu giữ các chủng vi sinh vật đã tuyển chọn được và các chủng đã tiếp nhận trong quy trình sản xuất chế phẩm Biogreen; (2) Đánh giá các đặc điểm sinh học và theo dõi, phân tích, xử lý các số liệu; (3) Hoàn thiện quy trình Công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật Biogreen.	1.800	1.800	0	0	0
-	Lưu giữ các chủng vi sinh vật có chức năng xử lý nước thải, chất thải, cải tạo đất ô nhiễm trong nông nghiệp.	(1) Lưu giữ các chủng vi sinh vật đã tuyển chọn, phân lập và tiếp nhận; (2) Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật (Theo dõi, đánh giá khả năng sinh trưởng, tăng trưởng, độ thuần khiết của giống VSV); (3) Tiếp nhận công nghệ sản xuất chế phẩm có chức năng xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; (4) Thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ sản xuất chế phẩm có chức năng xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.	3.000	3.000	0	0	0
2	<b>Bổ sung nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật có giá trị kinh tế cao giai đoạn 2026-2030</b>		<b>35.800</b>	<b>32.800</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2.1	Bảo tồn nguồn gen cây trồng nông, lâm nghiệp		14.700	11.700	3.000	0	0
-	Lưu giữ cây đầu dòng các giống Quýt hôi ( <i>Citrus reticulata</i> Blanco), Quýt vôi ( <i>Citrus reticulata</i> Blanco), Cam Vân Du ( <i>Citrus maxima</i> Burm. Merr.).	Thu thập, tư liệu hóa, chọn lọc, phục tráng, lưu giữ cây đầu dòng các giống Quýt hôi, Quýt vôi, Cam Vân Du (mỗi giống 50-100 cây đầu dòng).	4.500	4.500	0	0	0
-	Phục tráng, bảo tồn nguồn gen lúa bản địa: Lúa nếp cay nội ( <i>Oryza sativa</i> L.), Lúa Soong ( <i>Oryza sativa</i> L.), Lúa vông ( <i>Oryza sativa</i> L.)	(1) Thu thập, tư liệu hóa, chọn lọc, phục tráng, lưu giữ trong kho lạnh sâu: Mỗi giống thu thập được 100 mẫu vật liệu; (2) Mỗi giống chọn lọc được 1000-1.500 kg giống (siêu nguyên chủng).	7.200	7.200	0	0	0
-	Bảo tồn tại chỗ cây Trám đen ( <i>Canarium tramdenum</i> Dai & Yakovl)	(1) Điều tra, đánh giá hiện trạng, tư liệu hóa, xây dựng phương án bảo tồn tại chỗ các quần thể tự nhiên cây Trám đen; (2) Nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật nhân giống, gây trồng.	1.500	0	1.500	0	0
-	Bảo tồn tại chỗ cây Bồ đề ( <i>Styrax tonkinensis</i> Pierre. Craib ex Hartwiss)	(1) Điều tra, đánh giá hiện trạng, tư liệu hóa, xây dựng phương án bảo tồn tại chỗ các quần thể tự nhiên cây Bồ đề; (2) Nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật nhân giống, gây trồng.	1.500	0	1.500	0	0

2.2	Bảo tồn nguồn gen vật nuôi, thủy sản		16.300	16.300	0	0	0
-	Bảo tồn nguồn gen Trâu đen ( <i>Bubalus bubalis</i> Linnaeus).	(1) Thu thập, tư liệu hóa, chọn lọc, bảo tồn tại chỗ giống thuần chủng, xây dựng đàn sản xuất trâu đen 100-200 cá thể; (2) Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đàn sản xuất trâu đen; (3) Nghiên cứu đánh giá khả năng sản xuất của đàn sản xuất; (4) Xây dựng Bản hướng dẫn kỹ thuật tuyển chọn trâu đen đàn sản xuất.	3.000	3.000	0	0	0
-	Bảo tồn nguồn gen Gà Kha thầy ( <i>Gallus gallus domesticus</i> Linnaeus).	(1) Thu thập, tư liệu hóa, chọn lọc, bảo tồn, xây dựng được đàn thuần chủng (Chăm sóc nuôi dưỡng theo quy trình chăn nuôi theo hướng bảo tồn bảo tồn chuyên chỗ 100-200 cá thể); (2) Xây dựng bản hướng dẫn chọn đàn sản xuất và kỹ thuật chăn nuôi Gà kha thầy tại nơi bảo tồn.	800	800	0	0	0
-	Bảo tồn nguồn gen thủy sản nước ngọt: Cá chiên bắc ( <i>Bagarius rutilus</i> Ng & Kottelat)	(1) Điều tra hiện trạng, thu thập, tư liệu hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, xây dựng phương án lưu giữ an toàn, phục vụ công tác nhân giống, phát triển nguồn gen; (2) Xây dựng Bản hướng dẫn kỹ thuật tuyển chọn và nuôi bảo tồn cá chiên.	2.500	2.500	0	0	0
-	Bảo tồn nguồn gen thủy sản nước ngọt: Cá ngạnh thường ( <i>Cranoglanis boudierius</i> J. Richardson)	(1) Điều tra hiện trạng, thu thập, tư liệu hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, xây dựng phương án lưu giữ an toàn 50-100 cá thể, phục vụ công tác nhân giống, phát triển nguồn gen; (2) Xây dựng Bản hướng dẫn kỹ thuật tuyển chọn và nuôi bảo tồn cá chiên.	2.500	2.500	0	0	0
-	Bảo tồn nguồn gen thủy sản nước mặn (Cá chim trắng vây vàng).	(1) Điều tra hiện trạng, thu thập, tư liệu hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, xây dựng phương án lưu giữ an toàn 50-100 cá thể, phục vụ công tác nhân giống, phát triển nguồn gen; (2) Xây dựng Bản hướng dẫn kỹ thuật tuyển chọn và nuôi bảo tồn cá chiên.	2.500	2.500	0	0	0
-	Bảo tồn, nhân giống một số nguồn gen thủy sản bản địa phục vụ hoạt động thả cá giống, tái tạo nguồn lợi thủy sản.	Thu thập, tư liệu hóa, bảo tồn, nghiên cứu kỹ thuật nhân giống một số giống cá bản địa (nước mặn, nước ngọt) có biến động lớn về số lượng phục vụ hoạt động thả cá giống, tái tạo nguồn lợi thủy sản..	5.000	5.000	0	0	0

2.3	Bảo tồn nguồn gen vi sinh vật, nấm		4.800	4.800	0	0	0
-	Bảo tồn in-vitro các chủng VSV, nấm: Nấm mốc, Nấm Tricho, Vi khuẩn Bacillus (mỗi giống 3- 5 chủng).	(1) Thu thập bổ sung, lưu giữ an toàn các chủng nấm, vi sinh vật đã tuyển chọn được và các chủng đã tiếp nhận trong quy trình sản xuất chế phẩm Biogreen. (2) Đánh giá các đặc điểm sinh học và theo dõi, phân tích, xử lý các số liệu; hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất và đời sống.	4.800	4.800	0	0	0
<b>II</b>	<b>Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nguồn gen</b>		<b>11.100</b>	<b>5.100</b>	<b>6.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Điều tra, thu thập bổ sung, lập danh mục; đánh giá chất lượng, giá trị nguồn gen sinh vật.	(1) Điều tra, thu thập bổ sung, lập danh mục 300 nguồn gen các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật, nấm có giá trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; (2) Đánh giá chất lượng, giá trị nguồn gen: 250 nguồn gen (100 nguồn gen đã thu thập, 150 nguồn gen thu thập bổ sung).	3.600	3.600	0	0	0
2	Du nhập, nuôi/trồng thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế, giá trị ứng dụng.	Du nhập; nghiên cứu, trồng thử nghiệm 3-5 giống cây trồng, 2-3 giống vật nuôi, thủy sản có giá trị phù hợp với điều kiện Thanh Hóa.	6.000	0	6.000	0	0
3	Duy trì, cập nhật, nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu nguồn gen.	(1) Cập nhật cơ sở dữ liệu 500 nguồn gen đã được tư liệu hóa. (2) Nâng cấp phần mềm, thiết lập cấu trúc cơ sở dữ liệu song ngữ (Việt-Anh), phù hợp cơ sở dữ liệu quốc gia. (3) Đăng ký tham gia mạng lưới quỹ gen quốc gia.	1.500	1.500	0	0	0
<b>III</b>	<b>Khai thác, phát triển nguồn gen</b>		<b>63.800</b>	<b>0</b>	<b>26.600</b>	<b>0</b>	<b>37.200</b>
<b>1</b>	<b>Nghiên cứu, nuôi trồng thử nghiệm, xây dựng và hoàn thiện kỹ thuật nhân giống, nuôi/trồng</b>		<b>8.000</b>	<b>0</b>	<b>8.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Vù hương ( <i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte)	(1) Điều tra, khảo sát, xác định vùng trồng thích hợp; (2) Xây dựng 5-8 ha mô hình trồng thử nghiệm; (3) Đánh giá khả năng thích ứng với điều kiện nơi trồng.	1.200	0	1.200	0	0
-	Xoan đào ( <i>Prunus arborea</i> Blume. Kalkman)	(1) Điều tra, khảo sát, xác định vùng trồng thích hợp; (2) Xây dựng 5-8 ha mô hình trồng thử nghiệm; (3) Đánh giá khả năng thích ứng với điều kiện nơi trồng.	1.200	0	1.200	0	0
-	Cát sâm ( <i>Nanhaia speciosa</i> Champ. ex Benth. J.Compton & Schrire)	(1) Điều tra, khảo sát, xác định vùng trồng thích hợp; (2) Nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật trồng, xây dựng 3-5 ha mô hình trồng thử nghiệm.	1.000	0	1.000	0	0
-	Thiên niên kiện ( <i>Homalomena occulta</i> Lour. Schott)	(1) Điều tra, khảo sát, xác định vùng trồng thích hợp; (2) Nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật trồng, xây dựng 6-8 ha mô hình trồng thử nghiệm.	1.000	0	1.000	0	0



-	Cá lăng chấm ( <i>Hemibagrus guttatus</i> Lacepede)	Nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, xây dựng mô hình nhân giống, nuôi thử nghiệm cá lăng chấm, quy mô 8-10 lồng.	1.200	0	1.200	0	0
-	Ếch gai sần ( <i>Quasipaa verrucospinosa</i> Bourret)	Nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, xây dựng mô hình nhân giống, nuôi thử nghiệm Ếch gai sần, quy mô 1500-2000 con.	800	0	800	0	0
-	Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm Nấm Tricho ( <i>Trichoderma asperellum</i> )	Ứng dụng KH&CN, sản xuất thử nghiệm 2-2,5 tấn chế phẩm vi sinh đối kháng bệnh hại cây trồng.	800	0	800	0	0
-	Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm chế phẩm Vi khuẩn Bacillus ( <i>Bacillus velezensis</i> )	Ứng dụng KH&CN, sản xuất thử nghiệm 500-600 ống chế phẩm vi sinh trong sản xuất phân hữu cơ vi sinh sử dụng trong trồng trọt.	800	0	800	0	0
<b>2</b>	<b>Dự án xây dựng mô hình nuôi/trồng chuyên canh, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị</b>		<b>55.800</b>	<b>0</b>	<b>18.600</b>	<b>0</b>	<b>37.200</b>
-	Bưởi Luận Văn ( <i>Citrus maxima</i> Burm. Merr.)	Xây dựng 10-12 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Quýt hôi ( <i>Citrus reticulata</i> Blanco)	Xây dựng 10-12 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Lúa nếp cay nội ( <i>Oryza sativa</i> L.)	Xây dựng 50-60 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	2.400	0	800	0	1.600
-	Bồ đề ( <i>Styrax tonkinensis</i> Pierre. Craib ex Hartwiss)	Xây dựng 12-15 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn huyện Mường Lát.	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Lim xanh ( <i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.)	Xây dựng 12-15 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Trám đen ( <i>Canarium tramdenum</i> Dai & Yakovl)	Xây dựng 12-15 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Quế ( <i>Cinnamomum cassia</i> BL.)	Xây dựng 12-15 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn huyện Mường Lát.	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Vầu ( <i>Bambusa nutans</i> Wall. ex Munro)	Xây dựng 20-25 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn huyện Mường Lát.	2.400	0	800	0	1.600
-	Hy thiêm ( <i>Sigesbeckia orientalis</i> L)	Xây dựng 6-8 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	2.400	0	800	0	1.600
-	Sa sâm Việt ( <i>Launaea sarmentosa</i> Willd. Alston)	Xây dựng 6-8 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.	2.400	0	800	0	1.600

-	Sâm báo ( <i>Abelmoschus sagittifolius</i> Kurz. Merr)	Xây dựng 6-8 ha mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị tại một số huyện vùng núi Thanh Hóa.	2.400	0	800	0	1.600
-	Bò vàng ( <i>Bos taurus indicus</i> Linnaeus)	Xây dựng mô hình chăn nuôi trang trại, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô đàn: 150-200 con.	3.600	0	1.200	0	2.400
-	Vịt Cổ lũng ( <i>Anas platyrhynchos domesticus</i> Linnaeus)	Xây dựng mô hình chăn nuôi trang trại, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô đàn: 20.000-30.000 con.	2.400	0	800	0	1.600
-	Gà kha thầy ( <i>Gallus gallus domesticus</i> Linnaeus)	Xây dựng mô hình chăn nuôi trang trại, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô đàn: 20.000-30.000 con.	2.400	0	800	0	1.600
-	Cá chim trắng vây vàng ( <i>Trachinotus blochii</i> Lacespede)	Xây dựng mô hình chuyên canh trong hệ thống ao đất, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô: 8-10 ha.	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Cá dóc ( <i>Spinibarbus denticulatus</i> Oxshima)	Xây dựng mô hình chuyên canh trong ao đất, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô: 3-5 ha.	2.400	0	800		1.600
-	Cá ngạnh thường ( <i>Cranoglanis boudierius</i> J. Richardson)	Xây dựng mô hình nuôi cá lồng, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô: 40-50 lồng.	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Cua xanh ( <i>Scylla</i> sp./ <i>Scylla paramamosain</i> )	Xây dựng mô hình nuôi trong nhà, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô ao nuôi 5.000-10.000 m <sup>2</sup> .	2.400	0	800	0	1.600
-	Tôm rảo ( <i>Metapenaeus ensis</i> ssp.)	Xây dựng mô hình chuyên canh quy mô công nghiệp 4000-5000m <sup>2</sup> ; nuôi quảng canh 4-6 ha.	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Ngao dầu ( <i>Meretrix meretrix</i> Linnaeus)	Xây dựng mô hình chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Quy mô: 6-8 ha.	3.600	0	1.200	0	2.400
<b>IV</b>	<b>Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ bảo tồn</b>		<b>18.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.500</b>	<b>0</b>
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trạm nghiên cứu, sản xuất giống vật nuôi, thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Khảo nghiệm và dịch vụ vật nuôi - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống chuồng trại phục vụ bảo tồn các loài gia súc, gia cầm, thủy cầm và các loài vật nuôi bản địa quý hiếm khác.	10.000	0	0	10.000	0
2	Cải tạo, nâng cấp kho lạnh thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Khảo nghiệm và dịch vụ cây trồng - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.	Cải tạo, nâng cấp 02 kho lạnh và hệ thống kho bảo quản mẫu giống; bổ sung, thay thế thiết bị phục vụ lưu giữ và bảo quản giống.	5.000	0	0	5.000	0
3	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng phòng thí nghiệm; bổ sung thiết bị phục vụ bảo tồn in-vitro thuộc Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.	Cải tạo, nâng cấp 01 phòng TN. Mua thiết bị (tủ cấy, tủ hút độc, tủ hóa chất, tủ bảo ôn, điều hòa, dụng cụ thí nghiệm,...).	3.500	0	0	3.500	0

**Phụ lục V**

**PHÂN KỲ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN THEO NGUỒN VỐN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

*(Kem theo Quyết định số 5139/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030						Nguồn kinh phí			
		2026	2027	2028	2029	2030	Tổng	Ngân sách nhà nước			Nguồn hợp pháp khác
								Nguồn SNKT	Nguồn SNKH	Nguồn đầu tư	
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>34.740</b>	<b>34.440</b>	<b>38.040</b>	<b>30.540</b>	<b>26.340</b>	<b>164.100</b>	<b>72.800</b>	<b>35.600</b>	<b>18.500</b>	<b>37.200</b>
<b>I</b>	<b>Bảo tồn nguồn gen</b>	<b>13.540</b>	<b>13.540</b>	<b>15.540</b>	<b>14.540</b>	<b>13.540</b>	<b>70.700</b>	<b>67.700</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<i>1</i>	<i>Danh mục nhiệm vụ bảo tồn sử dụng vốn NSNN được UBND tỉnh giao thực hiện giai đoạn 2021-2025, đề nghị tiếp tục giao thực hiện giai đoạn 2026-2030</i>	<i>6.980</i>	<i>6.980</i>	<i>6.980</i>	<i>6.980</i>	<i>6.980</i>	<i>34.900</i>	<i>34.900</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
1.1	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen các giống cây trồng nông, lâm nghiệp.	3.860	3.860	3.860	3.860	3.860	19.300	19.300	0	0	0
-	Bảo tồn, lưu giữ trong phòng thí nghiệm các chủng giống nầm cấp 1.	120	120	120	120	120	600	600	0	0	0
-	Lưu giữ trong phòng thí nghiệm: các giống mía, giống hoa.	420	420	420	420	420	2.100	2.100	0	0	0
-	Bảo tồn, lưu giữ trong kho lạnh sâu các giống lúa Nếp hạt cau ( <i>Oryza sativa</i> L.), Nếp cái hoa vàng ( <i>Oryza sativa</i> L.).	960	960	960	960	960	4.800	4.800	0	0	0
-	Bảo tồn, lưu giữ trong nhà lưới các giống Phong Lan bản địa có giá trị kinh tế tại Thanh Hóa.	600	600	600	600	600	3.000	3.000	0	0	0
-	Lưu giữ trong nhà lưới cây đầu dòng Bưởi Luận Văn ( <i>Citrus maxima</i> Burm. Merr.)	300	300	300	300	300	1.500	1.500	0	0	0

TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030						Nguồn kinh phí			
		2026	2027	2028	2029	2030	Tổng	Ngân sách nhà nước			Nguồn hợp pháp khác
								Nguồn SNKT	Nguồn SNKH	Nguồn đầu tư	
-	Bảo tồn cây đầu dòng ở vườn lưu giữ các giống cây ăn quả Mít Thọ Tân ( <i>Artocarpus heterophyllus</i> Lam.), Na dai ( <i>Annona squamosa</i> ), Hồng xiêm ( <i>Manilkara zapota</i> ), Xoài cát Hòa Lộc ( <i>Mangifera indica</i> ), Ôi không hạt ( <i>Psidium guajava</i> ).	960	960	960	960	960	4.800	4.800	0	0	0
-	Nghiên cứu chọn tạo; duy trì, chăm sóc, thu thập, trồng bổ sung nguồn giống cây lâm nghiệp chủ lực gỗ lớn, phù hợp với điều kiện Thanh Hóa tại Trạm thực nghiệm cây trồng lâm nghiệp Hà Trung - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.	500	500	500	500	500	2.500	2.500	0	0	0
1.2	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vật nuôi, thủy sản	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160	10.800	10.800	0	0	0
-	Bảo tồn giống Bò vàng Thanh Hóa ( <i>Bos taurus indicus</i> Linnaeus)	600	600	600	600	600	3.000	3.000	0		0
-	Bảo tồn giống Lợn mán ( <i>Sus scrofa domesticus</i> Linnaeus)	300	300	300	300	300	1.500	1.500	0	0	0
-	Bảo tồn giống Vịt Cổ Lũng ( <i>Anas platyrhynchos domesticus</i> Linnaeus), Ngan sen ( <i>Cairina moschata</i> )	300	300	300	300	300	1.500	1.500	0	0	0
-	Lưu giữ an toàn và nâng cao chất lượng nguồn gen thủy sản nước ngọt: Cá lăng chám ( <i>Hemibagrus guttatus</i> ), Cá ngạnh sông ( <i>Cranoglanis boudierius</i> J. Richardson).	960	960	960	960	960	4.800	4.800	0	0	0
1.3	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen Vi sinh vật	960	960	960	960	960	4.800	4.800	0	0	0
-	Lưu giữ các chủng vi sinh vật ứng dụng trong sản xuất chế phẩm Biogreen.	360	360	360	360	360	1.800	1.800	0	0	0
-	Lưu giữ các chủng vi sinh vật có chức năng xử lý nước thải, chất thải, cải tạo đất ô nhiễm trong nông nghiệp.	600	600	600	600	600	3.000	3.000	0	0	0
<b>2</b>	<b>Bổ sung nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vi sinh vật có giá trị kinh tế cao giai đoạn 2026-2030</b>	<b>6.560</b>	<b>6.560</b>	<b>8.560</b>	<b>7.560</b>	<b>6.560</b>	<b>35.800</b>	<b>32.800</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030						Nguồn kinh phí			
		2026	2027	2028	2029	2030	Tổng	Ngân sách nhà nước			Nguồn hợp pháp khác
								Nguồn SNKT	Nguồn SNKH	Nguồn đầu tư	
2.1	Bảo tồn nguồn gen cây trồng nông, lâm nghiệp	2.340	2.340	4.340	3.340	2.340	14.700	11.700	3.000	0	0
-	Lưu giữ cây đầu dòng trong nhà lưới các giống Quýt hôi ( <i>Citrus reticulata</i> Blanco), Quýt vôi ( <i>Citrus reticulata</i> Blanco), Cam Vân Du ( <i>Citrus maxima</i> Burm. Merr.).	900	900	900	900	900	4.500	4.500	0	0	0
-	Phục tráng, bảo tồn nguồn gen: Lúa nếp cay nội ( <i>Oryza sativa</i> L.), Lúa Soong ( <i>Oryza sativa</i> L.), Lúa vòng ( <i>Oryza sativa</i> L.)	1440	1440	1440	1440	1440	7.200	7.200	0	0	0
-	Bảo tồn nguyên vị cây Trám đen ( <i>Canarium tramdenum</i> Dai & Yakovl)	0	0	1000	500	0	1.500	0	1.500	0	0
-	Bảo tồn nguyên vị cây Bồ đề ( <i>Styrax tonkinensis</i> Pierre. Craib ex Hartwiss)	0	0	1000	500	0	1.500	0	1.500	0	0
2.2	Bảo tồn nguồn gen vật nuôi, thủy sản	3.260	3.260	3.260	3.260	3.260	16.300	16.300	0	0	0
-	Bảo tồn nguồn gen Trâu đen ( <i>Bubalus bubalis</i> Linnaeus).	600	600	600	600	600	3.000	3.000	0	0	0
-	Bảo tồn nguồn gen Gà Kha thầy ( <i>Gallus gallus domesticus</i> Linnaeus).	160	160	160	160	160	800	800	0	0	0
-	Bảo tồn nguồn gen Cá chiền bặc ( <i>Bagarius rutilus</i> Ng & Kottelat)	500	500	500	500	500	2.500	2.500	0	0	0
-	Bảo tồn nguồn gen Cá chim trắng vây vàng ( <i>Trachinotus blochii</i> Lacespede)	500	500	500	500	500	2.500	2.500	0	0	0
-	Bảo tồn nguồn gen Cá Ngạnh thường ( <i>Cranoglanis boudierius</i> J. Richardson)	500	500	500	500	500	2.500	2.500	0	0	0
-	Thu thập, bảo tồn một số giống cá bản địa (nước mặn và nước ngọt) có biến động lớn về số lượng phục vụ hoạt động thả cá giống, tái tạo nguồn lợi thủy sản..	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	5.000	5.000	0	0	0
2.3	Bảo tồn nguồn gen vi sinh vật, nấm	960	960	960	960	960	4.800	4.800	0	0	0
-	Bảo tồn in-vitro các chủng VSV, nấm: Nấm mốc, Nấm Tricho, Vi khuẩn Bacillus.	960	960	960	960	960	4.800	4.800	0	0	0

TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030						Nguồn kinh phí			
		2026	2027	2028	2029	2030	Tổng	Ngân sách nhà nước			Nguồn hợp pháp khác
								Nguồn SNKT	Nguồn SNKH	Nguồn đầu tư	
<b>II</b>	<b>Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nguồn gen</b>	<b>2.700</b>	<b>2.700</b>	<b>2.700</b>	<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	<b>11.100</b>	<b>5.100</b>	<b>6.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Điều tra, thu thập bổ sung, lập danh mục, đánh giá chất lượng, giá trị nguồn gen nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị.	1200	1200	1200	0	0	3.600	3.600	0	0	0
2	Du nhập, nuôi/trồng thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế, giá trị ứng dụng.	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	6.000	0	6.000	0	0
3	Duy trì, cập nhật, nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu nguồn gen.	300	300	300	300	300	1.500	1.500	0	0	0
<b>III</b>	<b>Khai thác, phát triển nguồn gen</b>	<b>7.500</b>	<b>10.700</b>	<b>19.800</b>	<b>14.500</b>	<b>11.300</b>	<b>63.800</b>	<b>0</b>	<b>26.600</b>	<b>0</b>	<b>37.200</b>
<b>1</b>	<b>Nghiên cứu nuôi trồng thử nghiệm, xây dựng và hoàn thiện kỹ thuật nhân giống, nuôi/trồng</b>	<b>1.300</b>	<b>1.300</b>	<b>1.200</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>8.000</b>	<b>0</b>	<b>8.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Vù hương ( <i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte)	400	400	400	0	0	1.200	0	1.200	0	0
-	Xoan đào ( <i>Prunus arborea</i> Blume. Kalkman)	0	0	400	400	400	1.200	0	1.200	0	0
-	Cát sâm ( <i>Nanhaia speciosa</i> Champ. ex Benth. J.Compton & Schrire)	500	500	0	0	0	1.000	0	1.000	0	0
-	Thiên niên kiện ( <i>Homalomena occulta</i> Lour. Schott)	0	0	0	500	500	1.000	0	1.000	0	0
-	Cá lạng chám ( <i>Hemibagrus guttatus</i> Lacespede)	0	0	400	400	400	1.200	0	1.200	0	0
-	Ếch gai sần ( <i>Quasipaa verrucospinosa</i> Bourret)	0	0	0	400	400	800	0	800	0	0
-	Nấm Tricho ( <i>Trichoderma asperellum</i> )	400	400	0	0	0	800	0	800	0	0
-	Vi khuẩn Bacillus ( <i>Bacillus velezensis</i> )	0	0	0	400	400	800	0	800	0	0
<b>2</b>	<b>Dự án xây dựng mô hình nuôi/trồng chuyên canh, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị</b>	<b>6.200</b>	<b>9.400</b>	<b>18.600</b>	<b>12.400</b>	<b>9.200</b>	<b>55.800</b>	<b>0</b>	<b>18.600</b>	<b>0</b>	<b>37.200</b>
-	Bưởi Luận Văn ( <i>Citrus maxima</i> Burm. Merr.)	1.000	1.000	1.000	0	0	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Quýt hôi ( <i>Citrus reticulata</i> Blanco)	0	1.000	1.000	1.000	0	3.000	0	1.000	0	2.000

TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030						Nguồn kinh phí			
		2026	2027	2028	2029	2030	Tổng	Ngân sách nhà nước			Nguồn hợp pháp khác
								Nguồn SNKT	Nguồn SNKH	Nguồn đầu tư	
-	Lúa nếp cay nội ( <i>Oryza sativa</i> L.)	0	0	800	800	800	2.400	0	800	0	1.600
-	Lim xanh ( <i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.)	0	1.000	1.000	1.000	0	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Bồ đề ( <i>Styrax tonkinensis</i> Pierre. Craib ex Hartwiss)	0	0	1.000	1.000	1.000	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Trám đen ( <i>Canarium tramdenum</i> Dai & Yakovl)	1.000	1.000	1.000	0	0	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Quế ( <i>Cinnamomum cassia</i> BL.)	0	0	1.000	1.000	1.000	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Vầu ( <i>Bambusa nutans</i> Wall. ex Munro)	0	0	800	800	800	2.400	0	800	0	1.600
-	Hy thiêm ( <i>Sigesbeckia orientalis</i> L.)	800	800	800	0	0	2.400	0	800	0	1.600
-	Sa sâm Việt ( <i>Launaea sarmentosa</i> Willd. Alston)	0	0	800	800	800	2.400	0	800	0	1.600
-	Sâm báo ( <i>Abelmoschus sagittifolius</i> Kurz. Merr)	800	800	800	0	0	2.400	0	800	0	1.600
-	Bò vàng ( <i>Bos taurus indicus</i> Linnaeus)	0	1.200	1.200	1.200	0	3.600	0	1.200	0	2.400
-	Vịt Cổ lũng ( <i>Anas platyrhynchos domesticus</i> Linnaeus)	800	800	800	0	0	2.400	0	800	0	1.600
-	Gà kha thầy ( <i>Gallus gallus domesticus</i> Linnaeus)	0	0	800	800	800	2.400	0	800	0	1.600
-	Cá chim trắng vây vàng ( <i>Trachinotus blochii</i> Lacespede)	1.000	1.000	1.000	0	0	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Cá dóc ( <i>Spinibarbus denticulatus</i> Oxshima)	0	0	800	800	800	2.400	0	800	0	1.600
-	Cá ngạnh thường ( <i>Cranoglanis boudierius</i> J. Richardson)	0	0	1.000	1.000	1.000	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Cua xanh ( <i>Scylla</i> sp./ <i>Scylla paramamosain</i> )	800	800	800	0	0	2.400	0	800	0	1.600
-	Tôm rảo ( <i>Metapenaeus ensis</i> ssp.)	0	0	1000	1000	1000	3.000	0	1.000	0	2.000
-	Ngao dầu ( <i>Meretrix meretrix</i> Linnaeus)	0	0	1.200	1.200	1.200	3.600	0	1.200	0	2.400

TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030						Nguồn kinh phí			
		2026	2027	2028	2029	2030	Tổng	Ngân sách nhà nước			Nguồn hợp pháp khác
								Nguồn SNKT	Nguồn SNKH	Nguồn đầu tư	
<b>IV</b>	<b>Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ bảo tồn</b>	<b>11.000</b>	<b>7.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.500</b>	<b>0</b>
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trạm nghiên cứu, sản xuất giống vật nuôi, thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Khảo nghiệm và Dịch vụ vật nuôi - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.	5.000	5.000	0	0	0	10.000	0	0	10.000	0
2	Cải tạo, nâng cấp kho lạnh thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Khảo nghiệm và Dịch vụ cây trồng - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.	2.500	2.500	0	0	0	5.000	0	0	5.000	0
3	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng phòng thí nghiệm; bổ sung thiết bị phục vụ bảo tồn in-vitro thuộc Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.	3.500	0	0	0	0	3.500	0	0	3.500	0